

Số: 6883 /VCB-CLTKHĐQT

Hà Nội, ngày 17 tháng 04 năm 2025

V/v: CBTT báo cáo thường niên 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

1. Tên tổ chức: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Mã chứng khoán: **VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 9343137

Email: cltkhdqt.ho@vietcombank.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố thông tin báo cáo thường niên năm 2024.

3. Thông tin này được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 17/04/2025 tại đường dẫn: <https://www.vietcombank.com.vn/vi-VN/Nha-dau-tu>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- TV HĐQT, TGD (để b/c);
- TV BDH (để biết);
- Lưu: CL&TKHĐQT.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo thường niên năm 2024 của VCB.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Hoàng Tùng

DẤU XANH TỰ HÀO

Mục lục

Giới thiệu Vietcombank

Thông điệp của Ban lãnh đạo Vietcombank	6
Thông tin khái quát	10
Giới thiệu Vietcombank	12
Lịch sử hình thành và phát triển	14
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	16
Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý	18
Các chỉ số tài chính cơ bản	20
Định hướng phát triển	22

Báo cáo của Hội đồng Quản trị – Ban điều hành

Tình hình tài chính	30
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	32
Tình hình đầu tư & thực hiện các dự án	34
Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024	38
Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025	5
Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank	44

Tổ chức & Nhân sự

Tổ chức & Nhân sự	28
Hội đồng quản trị	56
Ban Điều hành	58
Giám đốc khối	60
Ban Kiểm soát	62
Kế toán trưởng	63

Báo cáo tài chính

126 Thông tin về Ngân hàng
128 Báo cáo của Ban Điều hành
129 Báo cáo kiểm toán độc lập
130 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
133 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
134 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
136 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo phát triển bền vững

94 Tổng quan
100 Các nội dung về phát triển bền vững
120 Các hoạt động an sinh xã hội

Quản trị doanh nghiệp

66 Quản trị công ty
82 Quản trị rủi ro

Dấu ấn Niềm tin Nơi khởi đầu vững bền



GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

- 6 Thông điệp của Ban lãnh đạo Vietcombank
- 10 Thông tin khái quát
- 12 Giới thiệu Vietcombank
- 14 Lịch sử hình thành và phát triển
- 16 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 18 Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý
- 20 Các chỉ số tài chính cơ bản
- 22 Định hướng phát triển

THÔNG DIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT HƠN

2 triệu
tỷ đồng

TĂNG 13% SO VỚI NĂM 2023

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ ĐẠT

42.236 tỷ đồng

TĂNG 2% SO VỚI NĂM 2023



Năm 2024, kinh tế thế giới hồi phục nhẹ nhờ lạm phát bắt đầu hạ nhiệt và nhu cầu tiêu dùng tăng trở lại. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế thế giới vẫn bị ảnh hưởng tiêu cực bởi xung đột Nga-Ukraine kéo dài, bất ổn địa chính trị ở Trung Đông bùng phát và lan rộng, nguy cơ thương chiến Mỹ – Trung leo thang ...

Trong bối cảnh chung đó, với sự chỉ đạo, lãnh đạo sát sao của Chính phủ, NHNN, cùng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực lao động, sáng tạo và cống hiến của toàn thể cán bộ nhân viên, sự gắn bó, tin cậy, ủng hộ, đồng hành của Quý Khách hàng và Quý Cổ đông, Vietcombank đã đạt được những thành tựu nổi bật, tiếp tục giữ vững vị thế ngân hàng số 1 Việt Nam về hiệu quả và chất lượng. Tổng tài sản đạt hơn 2 triệu tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2023; dư nợ tín dụng đạt gần 1,5 triệu tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2023; tiền gửi khách hàng đạt hơn 1,5 triệu tỷ đồng, tăng 9% so với năm 2023. Tỷ lệ nợ xấu được kiểm soát ở mức 0,97%, giảm so với năm 2023; tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng đạt 223%, thuộc nhóm cao nhất thị trường. Lợi nhuận trước thuế đạt 42.236 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2023 – cao nhất trong ngành ngân hàng.

Vietcombank tiếp tục là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước (hơn 12.000 tỷ đồng), lần thứ 9 liên tiếp được đánh giá là ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam, lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh là doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động.

“

Vietcombank là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu xanh tuân thủ quy định trong nước và chuẩn quốc tế^(*), nằm trong top 20 doanh nghiệp niêm yết có chỉ số phát triển bền vững tốt nhất thị trường. Không chỉ vững vàng ở vị trí doanh nghiệp niêm yết có giá trị vốn hóa lớn nhất Việt Nam, Vietcombank khẳng định vị trí vững chắc trong nhóm 100 ngân hàng có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu (~20 tỷ USD).

Chủ tịch HĐQT
Nguyễn Thanh Tùng

(*) Nguyên tắc Trái phiếu Xanh của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA)

THÔNGIỆP CỦA BAN LÃNH ĐẠO VIETCOMBANK

Bước sang năm 2025, tình hình thế giới và trong nước được dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường; thuận lợi và thời cơ đan xen với khó khăn và thách thức. Quán triệt phương châm hành động “Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững” và quan điểm chỉ đạo điều hành “**Trách nhiệm – Kỳ cương – Kết nối – Sáng tạo**”, Vietcombank sẽ tiếp tục tập trung thực hiện 06 đột phá chiến lược và 4 trọng tâm trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh, quyết tâm hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đặt ra, đưa Vietcombank phát triển bền vững, an toàn và hiệu quả, từng bước vươn tầm khu vực và thế giới, hòa chung với khát vọng vươn mình của đất nước và dân tộc.

Đặc biệt, Vietcombank sẽ tiếp tục triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược đến năm 2030 và Kế hoạch hành động chuyển đổi để tạo dựng năng lực, nền tảng số vững chắc, mang lại trải nghiệm số vượt trội cho khách hàng, gắn với mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG).

“

Với nền tảng và tiềm lực tài chính vững mạnh, hạ tầng công nghệ hiện đại, đội ngũ nhân sự chất lượng và nhiệt huyết cùng với sự ủng hộ, đồng hành của Quý Khách hàng và Quý Cổ đông, Vietcombank tự tin vững bước trên hành trình chinh phục những đỉnh cao mới, từng bước hiện thực hóa mục tiêu chiến lược đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2030 là trở thành tập đoàn tài chính lớn nhất Việt Nam, một trong 200 tập đoàn tài chính lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, có đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Phó TGD phụ trách BDH
Lê Quang Vinh

(Ông Lê Quang Vinh được ĐHĐCD bất thường tháng 03/2025 bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 và được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 07/3/2025).

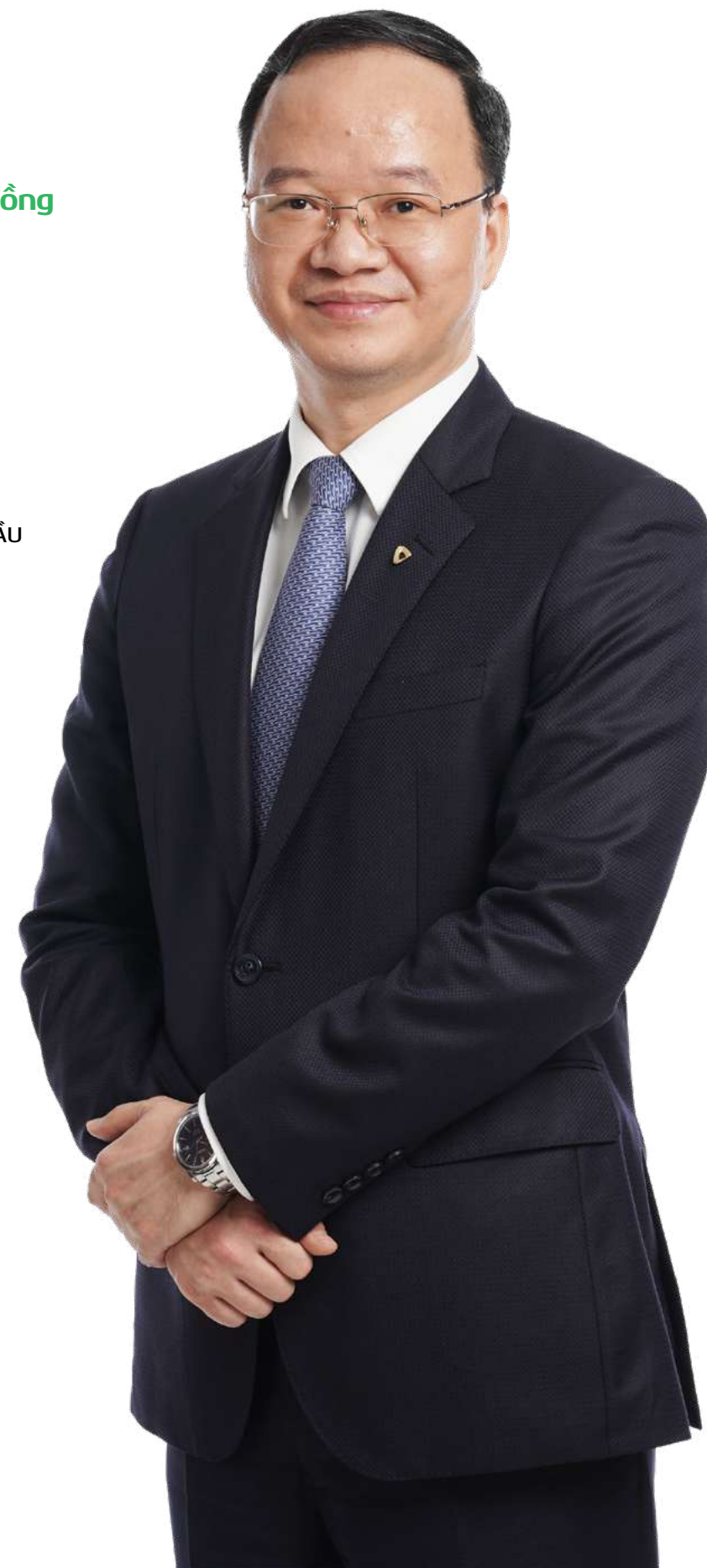
HƠN

12.000 tỷ đồng

ĐÓNG GÓP LỚN NHẤT CHO
NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

TOP 100

NGÂN HÀNG CÓ QUY MÔ
VỐN HÓA LỚN NHẤT TOÀN CẦU



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

TÊN GIAO DỊCH

Tên công ty bằng tiếng Việt	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM.
Tên công ty bằng tiếng Anh	JOINT STOCK COMMERCIAL BANK FOR FOREIGN TRADE OF VIET NAM
Tên giao dịch	VCB
Tên viết tắt	VCB
	Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23/05/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam được sửa đổi, bổ sung từng thời kỳ.

VỐN ĐIỀU LỆ (VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU): 55.890.912.620.000 ĐỒNG

Bằng chữ	Năm mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi tỷ chín trăm mười hai triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng.
----------	---

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP

Mã số doanh nghiệp	0100112437
	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hà Nội cấp ngày 02/06/2008 (đăng ký lần đầu), cấp đổi lần thứ 17 ngày 02/01/2024.

MÃ CỔ PHIẾU: VCB

Mệnh giá cổ phần	10.000 đồng
Tổng số cổ phần	5.589.091.262
Địa chỉ	198 Trần Quang Khải, Phường Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội, Việt Nam
Số điện thoại	84 – 24 – 3934 3137
Fax	84 – 24 – 3826 9067
Website	www.vietcombank.com.vn

GIỚI THIỆU VIETCOMBANK

Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam trước đây, nay là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) được thành lập và chính thức đi vào hoạt động ngày 01/04/1963 với tổ chức tiền thân là Sở Quản lý Ngoại hối Trung ương (thuộc Ngân hàng Quốc gia Việt Nam).

Là ngân hàng thương mại nhà nước đầu tiên được Chính phủ lựa chọn thực hiện thí điểm cổ phần hoá, Vietcombank chính thức hoạt động với tư cách là một ngân hàng thương mại cổ phần vào ngày 02/06/2008 sau khi thực hiện thành công kế hoạch cổ phần hóa thông qua việc phát hành cổ phiếu lần đầu ra công chúng. Ngày 30/6/2009, cổ phiếu Vietcombank (mã chứng khoán VCB) chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP.HCM.

Trải qua hơn 60 năm xây dựng và trưởng thành, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự ổn định và phát triển của kinh tế đất nước, phát huy tốt vai trò của một ngân hàng đối ngoại chủ lực, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế trong nước, đồng thời tạo những ảnh hưởng quan trọng đối với cộng đồng tài chính khu vực và toàn cầu.

Từ một ngân hàng chuyên doanh phục vụ kinh tế đối ngoại, Vietcombank ngày nay đã trở thành một ngân hàng đa năng, hoạt động đa lĩnh vực, cung cấp cho khách hàng đầy đủ các dịch vụ tài chính hàng đầu trong lĩnh vực thương mại quốc tế; trong các hoạt động truyền thống như kinh doanh vốn, huy động vốn, tín dụng, tài trợ dự án... cũng như mảng dịch vụ ngân hàng hiện đại: kinh doanh ngoại tệ và các công vụ phái sinh, dịch vụ thẻ, ngân hàng điện tử...

Sở hữu hạ tầng kỹ thuật ngân hàng hiện đại với việc chuyển đổi thành công hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking) vào đầu năm 2020, Vietcombank có nhiều lợi thế trong ứng dụng công nghệ tiên tiến vào xử lý tự động các dịch vụ ngân hàng, phát triển các sản phẩm, dịch vụ ngân hàng điện tử dựa trên nền tảng công nghệ cao. Không gian giao dịch công nghệ số cùng các dịch vụ ngân hàng số đa tiện ích cung cấp cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp như: VCB Digibank, VCB – iB@nking, VCB CashUp, VCB DigiBiz... đã, đang và sẽ tiếp

24.306

CÁN BỘ NHÂN VIÊN

tục thu hút đông đảo khách hàng bằng sự tiện lợi, nhanh chóng, an toàn, hiệu quả, tạo thói quen thanh toán không dùng tiền mặt cho đông đảo khách hàng.

Sau hơn nửa thế kỷ hoạt động trên thị trường, Vietcombank hiện là một trong những ngân hàng thương mại lớn nhất Việt Nam. Vietcombank hiện có hơn 600 chi nhánh/phòng giao dịch/văn phòng đại diện/đơn vị thành viên trong và ngoài nước gồm: 1 Trụ sở chính tại Hà Nội; 131 Chi nhánh; 536 phòng giao dịch; 04 Công ty con ở trong nước (Công ty cho thuê tài chính, Công ty chứng khoán, Công ty kiều hối, Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Ngoại thương Công nghệ số); 03 Công ty con ở nước ngoài (Công ty Vinafico Hongkong, Công ty chuyển tiền Vietcombank tại Mỹ, Ngân hàng con tại Lào); 01 Văn phòng đại diện tại TP. HCM; 01 Văn phòng đại diện tại Singapore, 01 Văn phòng đại diện tại Mỹ; 03 Đơn vị sự nghiệp: Trường đào tạo và phát triển nguồn nhân lực; 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại Hà Nội và 01 Trung tâm xử lý tiền mặt tại TP. HCM; 04 Công ty liên doanh, liên kết. Về nhân sự, Vietcombank hiện có trên 24.000 cán bộ nhân viên.

Bên cạnh đó, Vietcombank còn phát triển một hệ thống autobank với 3.090 máy ATM và 121.035 đơn vị chấp nhận thanh toán thẻ trên toàn quốc. Hoạt động ngân hàng còn được hỗ trợ bởi mạng lưới 1.194 ngân hàng đại lý tại 87 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới.

Với bề dày hoạt động và đội ngũ cán bộ có năng lực, nhạy bén với môi trường kinh doanh hiện đại, mang tính hội nhập cao, Vietcombank luôn là sự lựa chọn hàng đầu của các tập đoàn, các doanh nghiệp lớn và của đông đảo khách hàng cá nhân.

Vietcombank đã từng bước khẳng định và củng cố vững chắc vị thế ngân hàng tiên phong, không ngừng đổi mới sáng tạo

~20 tỷ USD

QUY MÔ VỐN HOÁ

trong mọi mặt hoạt động, dẫn đầu về hiệu quả và có chất lượng hoạt động tốt nhất trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Đến nay, tổng tài sản Vietcombank đã đạt trên 2 triệu tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế vượt mốc 1,5 tỷ USD. Với quy mô vốn hóa ~ 20 tỷ USD, Vietcombank đã ghi tên mình vào danh sách 100 ngân hàng niêm yết lớn nhất thế giới theo quy mô vốn hóa (theo xếp hạng của Reuter). Vietcombank cũng vinh dự được các tổ chức uy tín trên thế giới tôn vinh với danh hiệu “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam” liên tục trong nhiều năm qua; được 03 tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế uy tín nhất thế giới gồm S&P, Fitch Ratings, Moody’s xếp hạng ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại ở Việt Nam. Trong nước, Vietcombank vinh dự là ngân hàng duy nhất lần thứ 9 liên tiếp đạt “Thương hiệu quốc gia”; được bình chọn là “Ngân hàng nộp thuế lớn nhất Việt Nam” và “Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam”.

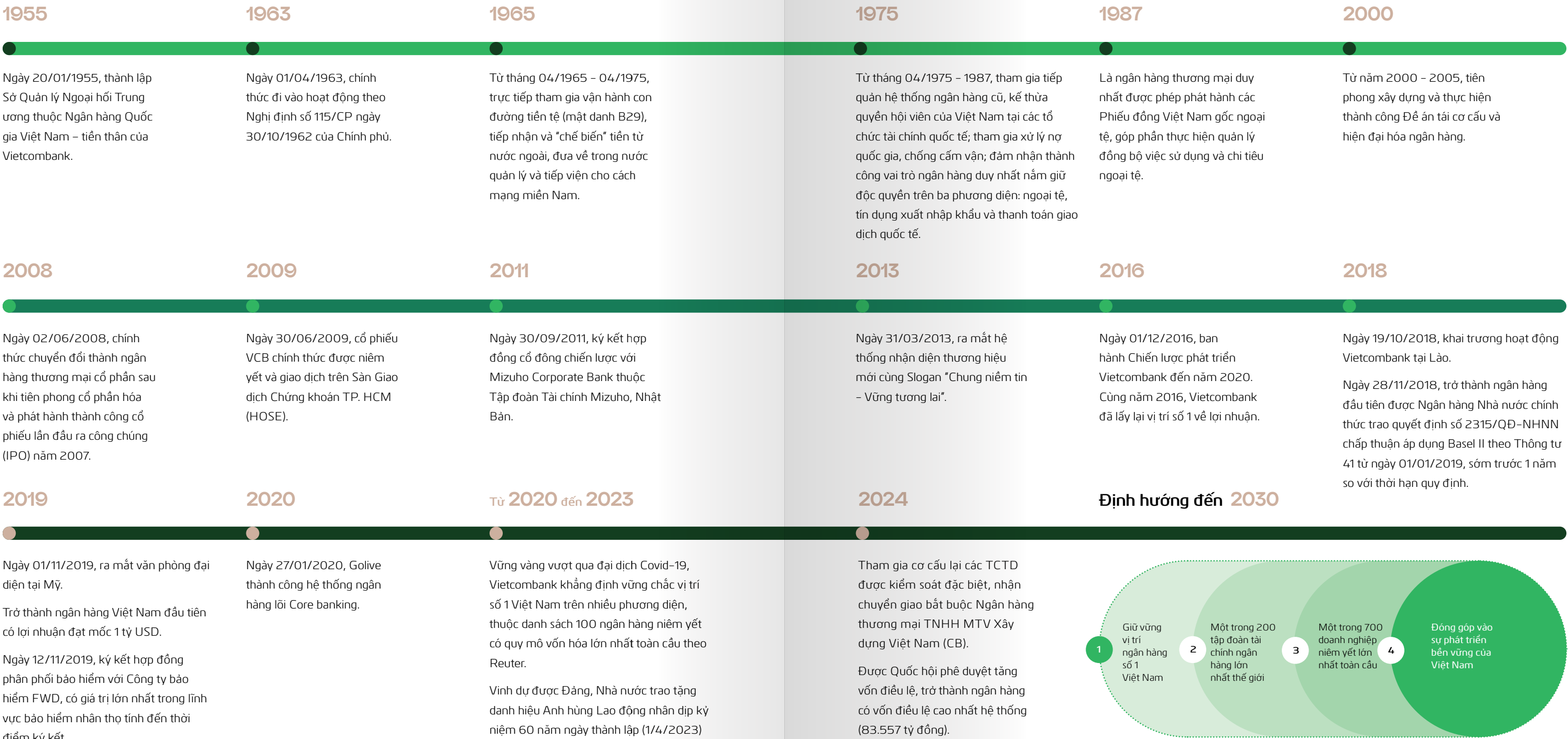
Nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập (01/04/1963 – 01/04/2023), Vietcombank vinh dự được Đảng, Nhà nước trao tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.

Bằng trí tuệ và tâm huyết, các thế hệ cán bộ Vietcombank đã, đang và sẽ luôn nỗ lực để xây dựng Vietcombank phát triển ngày một bền vững, với định hướng đến năm 2030 là giữ vững vị trí ngân hàng số 1 Việt Nam, trở thành một trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, một trong 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu, đóng góp vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

LỊCH SỬ HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

Hơn 60 năm qua, Vietcombank đã có những đóng góp quan trọng cho sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc; tham gia khắc phục, tháo gỡ khó khăn trong thời kỳ bao cấp; là ngân hàng tiên phong trong giai đoạn đổi mới, hội nhập và phát triển.

Đặc biệt, 10 năm gần đây đánh dấu sự chuyển mình, bứt phá đầy ngoạn mục của Vietcombank với sự tăng trưởng hết sức ấn tượng về quy mô, chất lượng và hiệu quả kinh doanh, thiết lập đỉnh cao cùng những thành công tiếp nối, mở ra vận hội lớn trong giai đoạn phát triển kế tiếp, đóng góp cho sự thịnh vượng chung của Việt Nam.



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

- 1

Dịch vụ huy động vốn
- 2

Dịch vụ cho vay
- 3

Dịch vụ chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác
- 4

Dịch vụ bảo lãnh ngân hàng
- 5

Dịch vụ bao thanh toán trong nước, bao thanh toán quốc tế
- 6

Dịch vụ phát hành thẻ tín dụng
- 7

Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;
- 8

Dịch vụ thanh toán và ngân quỹ
- 9

Dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và quốc tế theo quy định của pháp luật
- 10

Dịch vụ ngân hàng đại lý
- 11

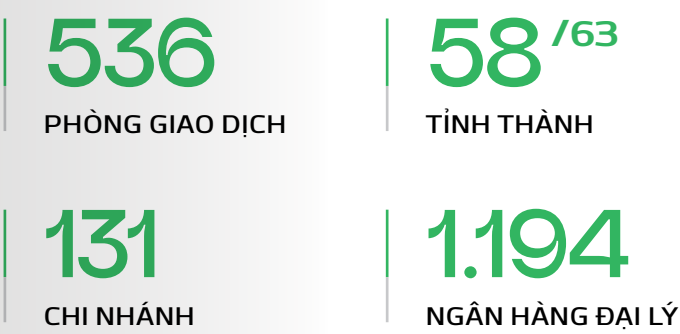
Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định
- 12

Hoạt động đại lý thanh toán
- 13

Các dịch vụ khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh

Địa bàn kinh doanh

Tính đến 31/12/2024, Vietcombank hiện có:

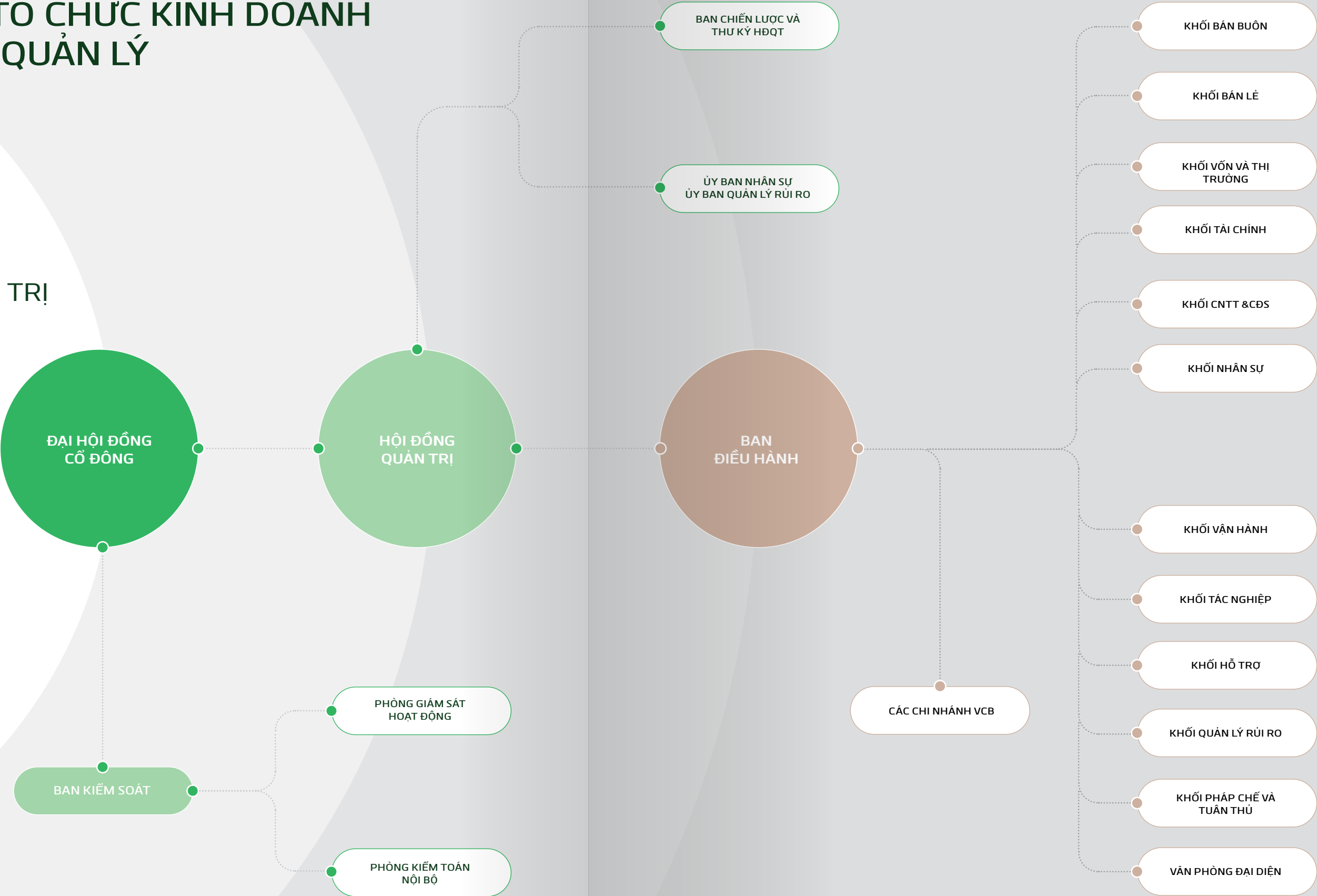


Hà Nội 18 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 13,74%	Trung du và miền núi phía Bắc 10 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 7,63%	Nam Trung bộ và Tây Nguyên 14 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 10,69%	Tây Nam Bộ 17 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 12,98%
Đồng bằng sông Hồng 20 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 15,27%	Bắc và Trung Trung bộ 17 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 12,98%	TP. Hồ Chí Minh 19 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 14,5%	Đông Nam Bộ 16 Chi nhánh chiếm tỷ lệ 12,21%

Tính đến 31/12/2024, VCB thiết lập và duy trì quan hệ ngân hàng đại lý với 1.194 ngân hàng tại 87 quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới.

THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÁC CHỈ SỐ TÀI CHÍNH CƠ BẢN

NỘI DUNG	2023	2024
Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh		
Tổng tài sản	1.839.725	2.085.874
Vốn chủ sở hữu	165.080	196.209
Cho vay khách hàng/TTS	69,1%	69,5%
Thu nhập thuần từ lãi	53.614	55.406
Thu nhập ngoài lãi thuần	14.150	13.172
Tổng thu nhập hoạt động kinh doanh	67.764	68.578
Tổng chi phí hoạt động	-21.906	-23.027
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.858	45.551
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	-4.530	-3.315
Lợi nhuận trước thuế	41.328	42.236
Thuế TNDN	-8.206	-8.383
Lợi nhuận sau thuế	33.122	33.853
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	33.101	33.831
Một số chỉ tiêu an toàn và hiệu quả		
Chỉ tiêu hiệu quả		
NIM	3,00%	2,86%
ROAE	22,03%	18,74%
ROAA	1,81%	1,72%
Chỉ tiêu an toàn		
Tỷ lệ dư nợ tín dụng (bao gồm TPDN)/huy động vốn TT1	91,10%	95,64%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN	77,9%	80,3%
Tỷ lệ nợ xấu	0,99%	0,96%
Hệ số an toàn vốn CAR	11,39%	12,16%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Tầm nhìn và sứ mệnh đến năm 2025

NGÂN HÀNG
SỐ 1
TẠI VIỆT NAM

TOP
100
NGÂN HÀNG LỚN NHẤT KHU VỰC CHÂU Á

TOP
300
TẬP ĐOÀN TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG LỚN NHẤT THẾ GIỚI

TOP
1000
DOANH NGHIỆP NIÊM YẾT LỚN NHẤT TOÀN CẦU

ĐÓNG GÓP LỚN VÀO SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CỦA VIỆT NAM.

Định hướng đến năm 2030, Vietcombank (VCB) phát triển với định hướng giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam.

Mục tiêu chiến lược đến năm 2025



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

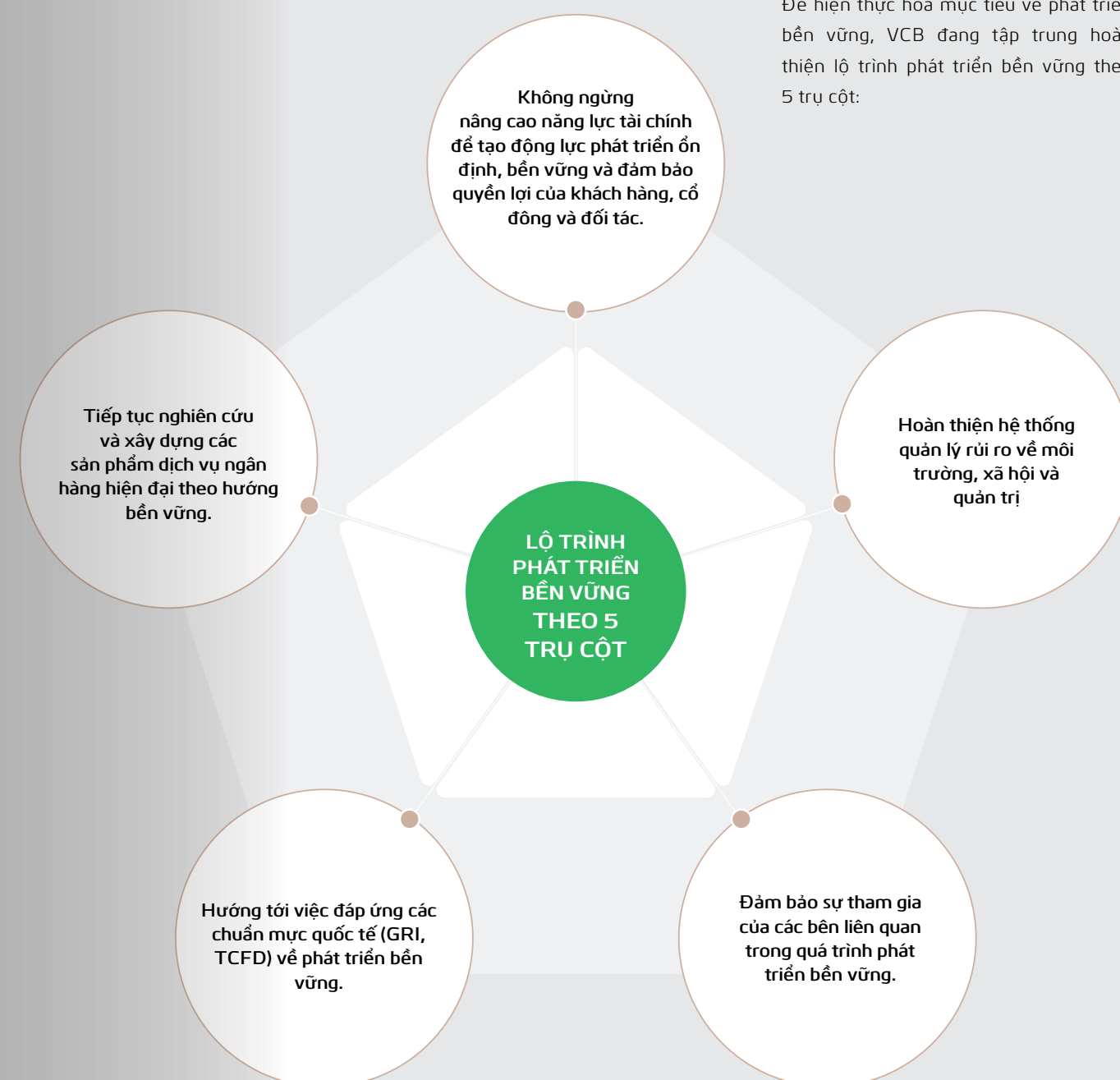
Mục tiêu về phát triển bền vững

VCB luôn chú trọng yếu tố phát triển bền vững và xác định mục tiêu then chốt là trở thành ngân hàng dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp. VCB tin rằng với quy mô, tầm ảnh hưởng và cách tiếp cận toàn diện đối với các vấn đề về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG), chúng tôi sẽ góp phần thúc đẩy tiến trình giải quyết các thách thức cấp bách về môi trường và xã hội của thời đại, thúc đẩy bền vững và xây dựng đất nước Việt Nam.

Trên hành trình Xanh phát triển bền vững, VCB đã chủ động, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các tổ chức tín dụng yếu kém, góp phần ổn định tình hình, giữ vững an ninh tiền tệ, tín dụng, ngân hàng, củng cố niềm tin của nhân dân. VCB cũng là ngân hàng tiên phong trong thực hiện chủ trương cơ cấu lại các khoản vay, miễn, giảm lãi, phí hỗ trợ khách hàng; chú trọng

thực hiện các chính sách an sinh xã hội. Giai đoạn 2020 – 2024, VCB đã dành 2.500 tỷ đồng để thực hiện hoạt động an sinh xã hội, trong đó tập trung hỗ trợ người dân có hoàn cảnh khó khăn, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; đồng thời thúc đẩy tín dụng xanh, hướng tới một ngân hàng xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng.

Để hiện thực hóa mục tiêu về phát triển bền vững, VCB đang tập trung hoàn thiện lộ trình phát triển bền vững theo 5 trụ cột:



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025

Nhận xét chung

Triển vọng kinh tế thế giới 2025 được dự báo tiếp tục gặp nhiều yếu tố bất lợi. IMF dự báo kinh tế thế giới trong năm 2025 tăng trưởng ở mức 3,2% tương đương mức năm 2024. Doanh nghiệp còn quan ngại mở rộng sản xuất kinh doanh do rủi ro lãi suất còn hiện hữu và căng thẳng địa chính tiếp tục xói mòn thương mại quốc tế. Trong bối cảnh nền kinh tế chính trị Mỹ có thay đổi lớn, các nước xuất khẩu đang khẩn trương hoạch định các biện pháp, chính sách để đối mặt với chính sách thương mại và hàng rào thuế quan dăng cao tại Mỹ (dự kiến tác động từ sau 30/06/2025), điều này tác động lớn đến các ngành xuất khẩu và ngành vận tải biển trong thời gian tới, giá cước vận tải biển tăng mạnh trong các tháng tới do các nước đẩy mạnh xuất khẩu trước khi chính quyền Mỹ áp dụng chính sách thương mại mới.

Môi trường vĩ mô của Việt Nam trong năm 2025 được dự báo tiếp tục duy trì ổn định, tăng trưởng đối với cả ba trụ cột tăng trưởng là tiêu dùng, đầu tư và xuất khẩu. Mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 được kỳ vọng ở mức ~8% (cao hơn năm 2024), lạm phát được kiểm soát ở mức dưới 4,5%, chính sách tiền tệ tiếp tục được điều tiết theo xu hướng thận trọng và linh hoạt.

Trong năm 2025, NHNN tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ linh hoạt và các giải pháp tín dụng phù hợp nhằm hỗ trợ phục hồi sản xuất kinh doanh. Chính sách tỷ giá được điều chỉnh linh hoạt thích ứng nhằm đảm bảo ổn định lạm phát theo mục tiêu. Các chính sách quy định tạo điều kiện thực hiện các mục tiêu của Đề án “Cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2021–2025” được kỳ vọng thực thi triển khai sớm trong năm 2025.

Định hướng kinh doanh VCB năm 2025 bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và quản triệtp hương châm hành động: **“Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững”** và quan điểm chỉ đạo, điều hành: **“Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”** triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh.



Trách nhiệm



Kỷ cương



Kết nối



Sáng tạo

Một số chỉ tiêu chính

TỔNG TÀI SẢN

TĂNG

≥ 10%

HUY ĐỘNG VỐN

TĂNG TRƯỞNG PHÙ HỢP VỚI TĂNG TRƯỞNG TÍN DỤNG.

TÍN DỤNG

TĂNG TỐI THIỂU

16,28%

VÀ TRONG HẠN MỨC NHNN GIAO

TỶ LỆ NỢ XẤU

THẤP HƠN

1,5%

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

TĂNG

≥ 5%

VÀ THEO PHÊ DUYỆT CỦA NHNN.

Các giải pháp chủ đạo

Nhằm triển khai thành công kế hoạch kinh doanh năm 2025, các giải pháp chủ đạo được VCB tổ chức thực hiện xuyên suốt gồm có:

1

Triển khai hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả, đảm bảo tăng trưởng và phát triển bền vững. Tiếp tục mở rộng phát triển danh mục khách hàng có chất lượng tốt, tiềm lực tài chính mạnh, quan hệ tổng thể. Đẩy mạnh bán hàng theo chuỗi và hệ sinh thái, phát huy sức mạnh tổng thể của các công ty con trong hệ sinh thái Vietcombank, mối liên kết với các đối tác, cổ đông chiến lược.

2

Bám sát mục tiêu Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2021–2025 và Định hướng hoạt động đến năm 2025, tầm nhìn 2030 gắn với mục tiêu trở thành Ngân hàng xanh, đi đầu về quản trị Môi trường – Xã hội – Doanh nghiệp (ESG), đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và cộng đồng.

3

Hoàn thiện việc rà soát mô hình tổ chức và sắp xếp tinh gọn bộ máy nhằm tối ưu hóa nguồn lực và nâng cao hiệu quả hoạt động.

4

Triển khai quyết liệt sáng kiến, mục tiêu chương trình hành động chuyển đổi số theo tiến độ đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng các công nghệ mới trong phát triển sản phẩm, dịch vụ và nâng cao chất lượng vận hành, quản trị rủi ro. Tập trung phát triển nền tảng dữ liệu nhằm nâng cao khả năng quản trị, điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn (big data).

5

Quyết liệt triển khai các giải pháp hỗ trợ VCB Neo trong công tác quản trị, vận hành hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và an ninh thông tin nhằm thực hiện đúng theo lộ trình Phương án Chuyển giao đã được phê duyệt.

6

Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao uy tín, hình ảnh thương hiệu Vietcombank. Lan tỏa giá trị nhân văn qua các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng

Dấu ấn Lãnh đạo Cam kết vì tương lai



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ – BAN ĐIỀU HÀNH

- 30 Tình hình tài chính
- 32 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 34 Tình hình đầu tư & thực hiện các dự án
- 38 Đánh giá kết quả hoạt động năm 2024
- 42 Định hướng hoạt động kinh doanh năm 2025
- 44 Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Vietcombank

CÁC CHỈ SỐ
TÀI CHÍNH CƠ BẢN

Đơn vị: tỷ đồng

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH		2023	2024
A Tình hình tài chính			
1	Tổng tài sản	1.839.725	2.085.874
2	Doanh thu	135.676	121.925 (*)
3	Thuế và các khoản phải nộp (số đã nộp trong kỳ)	11.648	12.045
4	Lợi nhuận trước thuế	41.328	42.236
5	Lợi nhuận sau thuế	33.122	33.853
B Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu			
1 Quy mô vốn			
1.1	Vốn điều lệ	55.891	55.891
1.2	Tỷ lệ an toàn vốn	11,39%	12,16%
2 Kết quả hoạt động kinh doanh			
2.1	Doanh số huy động tiền gửi	32.949.742	40.284.323
2.2	Doanh số cho vay	2.724.301	2.987.096
2.3	Doanh số thu nợ	2.600.818	2.811.195
2.4	Nợ xấu	12.796	14.143
2.5	Tỷ lệ tín dụng (bao gồm TPDN)/tổng huy động vốn thị trường 1 (quy VND)	91,10%	95,64%
2.6	Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi theo quy định của NHNN	77,9%	80,3%
2.7	Tỷ lệ nợ xấu/Tổng dư nợ tín dụng thị trường 1	1,00%	0,97%
3 Khả năng thanh toán (**)			
3.1	Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	19,6%	17,8%
3.2	Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày		
	- VND	105,4%	125,7%
	- Ngoại tệ quy USD	82,1%	130,4%

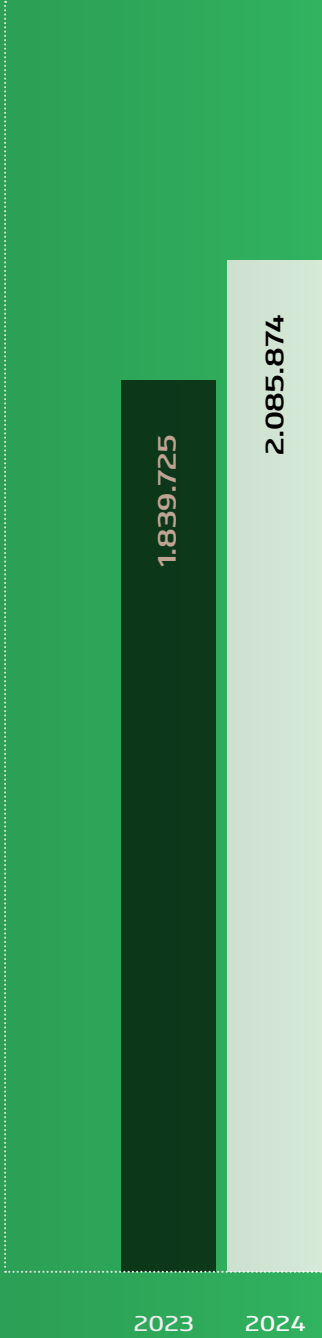
Ghi chú:

(*) Năm 2024, mặt bằng lãi suất cho vay của các ngân hàng có xu hướng giảm theo chỉ đạo điều hành của Chính phủ, NHNN và diễn biến của thị trường

(**) Các tỷ lệ được tính toán theo quy định tại Thông tư 22/2019/TT-NHNN, tại ngày 31/12/2024

TỔNG TÀI SẢN

▲ 13,38%



DOANH THU

▼ 10,13%



LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ

▲ 2,20%



Đơn vị: VND

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phần	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do	Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng
5.589.091.262	Cổ phần phổ thông	569.848.451	5.019.242.811

Cơ cấu cổ đông

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ đông
I	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	4.180.828.481	74,8%	1
II	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd	838.372.264	15,0%	1
III	Cổ đông khác	569.890.517	10,2%	30.085
1	Cổ đông là cá nhân trong nước	53.217.228	0,95%	29.224
2	Cổ đông là tổ chức trong nước	72.024.617	1,29%	172
3	Cổ đông là cá nhân nước ngoài	2.992.961	0,06%	1.368
4	Cổ đông là tổ chức nước ngoài	441.655.711	7,90%	243
	Tổng	5.589.091.262	100,00%	31.009



Danh sách cổ đông có số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng

TT	Tên cổ đông	Tổng số cổ phần sở hữu	Số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	Thời gian bị hạn chế chuyển nhượng
1	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (đại diện sở hữu vốn Nhà nước)	4.180.828.481	4.180.828.481	Theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Luật Các TCTD số 32/2024/QH15: “Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp tại tổ chức tín dụng là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ”
2	Cổ đông nội bộ	59.710	42.066	
	Hội đồng quản trị	33.921	33.921	
	Ban Điều hành	17.644	0	
	Ban Kiểm soát	8.145	8.145	
3	Cổ đông chiến lược nước ngoài Mizuho Bank Ltd.	838.372.264	838.372.264	
	Tổng	5.019.320.165	5.019.242.811	

* Theo QĐ số 1018/QĐ-NHNN ngày 31/05/2023 của NHNN v/v cử lại Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ông Đỗ Việt Hùng – Thành viên HĐQT VCB là người đại diện 30% vốn Nhà nước tại VCB.

* Theo QĐ số 1708/QĐ-NHNN ngày 14/08/2024 của NHNN v/v cử Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ông Nguyễn Thanh Tùng – Chủ tịch HĐQT VCB là người đại diện 40% vốn Nhà nước tại VCB.

* Theo QĐ số 1773/QĐ-NHNN ngày 23/08/2024 của NHNN v/v cử Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam, ông Nguyễn Tuấn Anh – Thành viên HĐQT VCB là người đại diện 10% vốn Nhà nước tại VCB.

Danh sách cổ đông lớn

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM	47-49 Lý Thái Tổ, Hoàn Kiếm, Hà Nội	4.180.828.481	74,8%
2	MIZUHO BANK LTD.	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo, Japan	838.372.264	15,00%

(Nguồn: Danh sách cổ đông VCB chốt tại ngày 31/12/2024 do Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam – VSDC cung cấp)

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Các khoản đầu tư/thoái vốn thực hiện trong năm 2024

Trong năm 2024, VCB đã thực hiện giảm một phần vốn đầu tư tại Swift.

STT	Tên đơn vị	Vốn đầu tư 31/12/2024	Vốn đầu tư 31/12/2023	Thoái vốn
1	Swift	2,71	2,94	(0,22)

Công ty con, liên doanh – liên kết

Thông tin chung công ty con

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất 03/GPDC-UBCK ngày 16/01/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.	Chứng khoán	1.734,82	100%
Công ty TNHH MTV Cho thuê Tài chính Vietcombank	VCBL	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017 do Ngân hàng Nhà nước cấp.	Cho thuê tài chính	500,00	100%
Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank	VCBR	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20/09/2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 03/01/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp.	Chi trả Kiểu hối	30,00	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	VCB Lào	Giấy phép hoạt động kinh doanh Ngân hàng số 17/BOL ngày 30/08/2024 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp.	Ngân hàng	1.820,40	100%
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông	VFC	Giấy phép hoạt động số 58327 ngày 10/02/1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp.	Dịch vụ Tài chính	235,22	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	VCBM	Giấy Đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009.	Chuyển tiền kiểu hối	204,98	87,5%
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198	VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép ngày 04/01/2024 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.	Cho thuê văn phòng	70,00	70%

Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của công ty con

Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Vietcombank VCBL Lợi nhuận trước thuế năm 2024 ~165 TỶ ĐỒNG VCBL là Công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê tài chính. Năm 2024, Công ty tiếp tục hoạt động ổn định và hiệu quả. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt ~ 165 tỷ đồng, tăng trưởng 7,6% so với năm trước. Dư nợ cho thuê tài chính đạt ~ 7.094 tỷ đồng, tăng trưởng 17% so với năm 2023.	Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank VCBS Lợi nhuận trước thuế năm 2024 633,76 TỶ ĐỒNG VCBS là công ty do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực chứng khoán. Mặc dù thị trường chứng khoán năm 2024 có nhiều khó khăn với sự cạnh tranh khốc liệt của các công ty chứng khoán khác nhưng Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 633,76 tỷ đồng.
Công ty tài chính Việt Nam tại Hồng Kông VFC Lợi nhuận trước thuế năm 2024 2,38 TRIỆU HKD VFC là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính tại thị trường Hong Kong. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 2,38 triệu HKD.	Công ty TNHH MTV Kiểu hối Vietcombank VCBR Lợi nhuận trước thuế năm 2024 31,49 TỶ ĐỒNG VCBR là công ty con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực nhận kiểu hối từ đối tác nước ngoài và thực hiện chi, trả cho người thụ hưởng tại Việt Nam. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 31,49 tỷ đồng.
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào VCB LÀO Lợi nhuận trước thuế năm 2024 29,64 TỶ LAK VCB Lào là ngân hàng con do Vietcombank sở hữu 100% vốn, hoạt động trong lĩnh vực tài chính ngân hàng tại thị trường Lào. Mặc dù thị trường có nhiều biến động trong năm 2024 nhưng VCB Lào vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 29,64 tỷ LAK.	Công ty Chuyển tiền Vietcombank VCBM Lợi nhuận trước thuế năm 2024 779.990 USD VCBM là công ty con do Vietcombank nắm giữ 87,5% vốn điều lệ, hoạt động trong lĩnh vực chuyển tiền kiểu hối tại Mỹ và chuyển về Việt Nam thông qua các đối tác chi trả trong nước. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 779.990 USD.
Công ty TNHH Cao Ốc Vietcombank 198 VCBT Lợi nhuận trước thuế năm 2024 80,54 TỶ ĐỒNG VCBT là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Công ty FELS Property Holdings Pte, Ltd. của Singapore với tỷ lệ vốn góp là 70:30, hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vietcombank Tower, địa chỉ số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024 với tỷ lệ cho thuê đạt 100%. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 80,54 tỷ đồng.	

Thông tin chung công ty liên doanh – liên kết

Tên	Tên viết tắt	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực	Vốn đầu tư 31/12/2024	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanch	VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 0303742875 ngày 18/10/2019 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp	Cho thuê văn phòng	410,36	52%
Công ty liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank	VCBF	Số 06/UBCK-GPHĐQLQ ngày 02/12/2005 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 32/GPĐC- UBCK ngày 14/05/2024 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp	Quản lý quỹ đầu tư	135,15	51%
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	VCBB	Số 283/GP ngày 05/12/1991 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 04/03/2002 do Bộ KH&ĐT cấp	Cho thuê văn phòng	11,11	16%

Thông tin chung công ty liên doanh – liên kết

Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank–Bonday–Benthanch VBB Lợi nhuận trước thuế năm 2024 220,75 TỶ ĐỒNG VBB là công ty liên doanh giữa Vietcombank với Công ty CP DVTM TP.HCM (Setra Corp.) và đối tác Bonday Investments Ltd. (Hongkong) với tỷ lệ góp vốn lần lượt là 52%; 18% và 30%. VBB hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Vietcombank, địa chỉ số 5 Công trường Mê Linh, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024 với tỷ lệ cho thuê đạt 96,5%. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 284,44 tỷ đồng.	Công ty TNHH quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank VCBF Lợi nhuận trước thuế năm 2024 81,35 TỶ ĐỒNG VCBF là công ty liên doanh giữa Vietcombank và Franklin Templeton với tỷ lệ vốn góp tương ứng là 51% và 49%, hoạt động trong các lĩnh vực: thành lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 55,82 tỷ đồng.
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday VCBB Lợi nhuận trước thuế năm 2024 53,12 TỶ ĐỒNG VCBB là Công ty Liên doanh giữa Vietcombank, Tổng Công ty Địa ốc Sài Gòn, và đối tác Bonday Investments Ltd., Hồng Kông. Công ty hoạt động trong lĩnh vực cho thuê văn phòng tại Tòa nhà Harbour View địa chỉ số 35 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty vẫn duy trì kết quả kinh doanh ổn định trong năm 2024 với tỷ lệ cho thuê đạt trên 95%. Lợi nhuận trước thuế năm 2024 đạt 53,12 tỷ đồng.	



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2024

Kết quả kinh doanh của Vietcombank

Trước những khó khăn, thách thức của kinh tế vĩ mô và ngành ngân hàng trong nửa đầu năm 2024, bám sát chỉ đạo của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của ngành ngân hàng, Ban Lãnh đạo Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) quán triệt phương châm hành động: **“Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững”** và quan điểm **“Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo”** trong chỉ đạo triển khai nhiều giải pháp thích ứng, linh hoạt, sáng tạo nhằm thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính được NHNN giao và các mục tiêu kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) phê duyệt. Hoạt động kinh doanh năm 2024 của hệ thống Vietcombank tiếp tục tăng trưởng cao về quy mô, chuyển dịch đúng định hướng, chất lượng được kiểm soát và hiệu quả gia tăng mạnh mẽ.

Hoạt động kinh doanh năm 2024 của hệ thống Vietcombank tiếp tục tăng trưởng cao về quy mô, chuyển dịch đúng định hướng, chất lượng được kiểm soát và hiệu quả gia tăng mạnh mẽ.

VCB DUY TRÌ VỊ THẾ LÀ NHTM DẪN ĐẦU

Vietcombank tiếp tục duy trì vị thế là Ngân hàng thương mại dẫn đầu Việt Nam về năng lực tài chính, giữ vững vị thế là ngân hàng có quy mô tăng trưởng tốt, chất lượng tín dụng được kiểm soát, hiệu quả kinh doanh vượt trội.

TỔNG TÀI SẢN ĐẠT TRÊN

2 triệu
tỷ đồng

TĂNG 13% SO VỚI NĂM 2023

QUY MÔ VỐN ĐIỀU LỆ ĐẠT TRÊN

55.891
tỷ đồng

CAO NHẤT HỆ THỐNG NGÂN HÀNG

HUY ĐỘNG VỐN THỊ TRƯỜNG ĐẠT

1,52 triệu
tỷ đồng

TĂNG 8% SO VỚI NĂM 2023

CÁC CHỈ SỐ SINH LỜI ROA, ROE LẦN LƯỢT

1,7%; 18,7%

ĐẠT Ở MỨC CAO SO VỚI CÁC NHTM NHÀ NƯỚC

DƯ NỢ TÍN DỤNG ĐẠT TRÊN

1,45 triệu
tỷ đồng

TĂNG 13,9% SO VỚI NĂM 2023

QUY MÔ VỐN HÓA ĐẠT

20
tỷ USD

TRONG SỐ 100 NGÂN HÀNG NIÊM YẾT CÓ QUY MÔ VỐN HOÁ LỚN NHẤT THẾ GIỚI

TỶ LỆ NỢ XẤU Ở MỨC

0,97%

Kết quả công tác điều hành

Để thực hiện thành công phương châm hành động “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững” mang lại kết quả của 06 đột phá và 03 trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh doanh, Ban Điều hành đã xây dựng hành động và chỉ đạo “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo” xuyên suốt và triển khai quyết liệt các nội dung quản trị điều hành trọng tâm trong năm 2024.



- Chỉ đạo quyết liệt triển khai các giải pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng ngay từ đầu năm 2024. Tiếp tục điều hành tín dụng tăng trưởng an toàn, cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng tăng trưởng hiệu quả, giữ vững định hướng tăng trưởng tập trung vào khách hàng truyền thống, khách hàng thuộc các ngành định hướng mở rộng.
- Chủ động và trách nhiệm điều chỉnh giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Vietcombank nghiêm túc thực hiện theo chủ trương và chỉ đạo của Chính phủ và NHNN trong việc thực hiện các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh.
- Tổ chức ký kết thoả thuận hợp tác toàn diện với các tập đoàn, tổng công ty. Theo đó, Vietcombank cung cấp giải pháp tài chính tổng thể và chuyên biệt dịch vụ ngân hàng bán buôn và ngân hàng bán lẻ.
- Tổ chức diễn đàn về phát triển dịch vụ sản phẩm tại nước ngoài trong các chương trình xúc tiến đầu tư của Chính phủ, làm việc với lãnh đạo cấp cao các tập đoàn đa quốc gia để tìm kiếm cơ hội mở rộng hợp tác cung cấp dịch vụ tài chính, tài trợ các dự án lớn.
- Ngày 17/10/2024, Vietcombank đã chính thức nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng thương mại TNHH Một thành viên Xây dựng Việt Nam (NHXD). Trong năm 2024, Vietcombank đã tập trung và triển khai đồng loạt các giải pháp hỗ trợ quyết liệt về mặt quản trị điều hành, quy trình quy chế và đồng hành triển khai hoạt động kinh doanh cùng NHXD.
- Vietcombank tích cực tham gia triển khai Đề án 06, chính sách xác thực điện tử của Bộ Công An. Vietcombank cũng là Ngân hàng duy nhất cung cấp đầy đủ phương thức xác thực sinh trắc học (qua CCCD gắn chip và ứng dụng VneID) ngay từ ngày hiệu lực 01/07/2024, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của các văn bản của NHNN về giao dịch ngân hàng điện tử.
- Vietcombank đã triển khai bán vàng miếng giao ngay cho người dân và là NHTM đầu tiên cung cấp tính năng đặt hẹn mua vàng miếng trên Digibank, hiện thực hóa chủ trương chuyển đổi số trong hoạt động thanh toán của NHNN, củng cố hình ảnh và vị thế của Vietcombank trên thị trường.
- Vietcombank ra mắt phiên bản New Digibank thay đổi hoàn toàn, khác biệt, đột phá về giao diện, trải nghiệm người dùng, đa dạng các phiên bản phù hợp với từng phân khúc khách hàng, trong đó ra mắt phiên bản Digibank “An vui” dành cho người cao tuổi.
- Kiện toàn nhân sự cấp cao: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành.
- Lần đầu tiên Vietcombank ghi danh và đã vinh dự nhận được 04/04 hạng mục trao giải của Ban Tổ chức giải thưởng HRAA. Vietcombank lần thứ năm liên tiếp được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động”, lần thứ chín liên tiếp, Vietcombank được công nhận là Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam.
- Vietcombank đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước với mức đóng thuế năm 2024 gần (trên trang web VCB là hơn) 12 nghìn tỷ đồng.
- Vietcombank liên tục là nhóm ngân hàng dẫn đầu về thực hành ESG tại Việt Nam và nằm trong Top 20 doanh nghiệp niêm yết có chỉ số Phát triển bền vững tốt nhất thị trường (VNSI) năm 2024. Đến hết năm 2024, Vietcombank đã phát hành thành công 2 nghìn tỷ đồng trái phiếu xanh đầu tiên tại Việt Nam tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam và đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế.
- Vietcombank tiếp tục chú trọng phát triển bền vững, không ngừng nâng cao năng lực quản trị, điều hành cũng như đóng góp bảo vệ môi trường, thực hiện an sinh xã hội theo đúng định hướng của Chính phủ và NHNN.

ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025

Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ năm 2025 và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển Vietcombank đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và quán triệt phương châm hành động: “**Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững**”, quan điểm chỉ đạo điều hành “**Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo**”, Ban Lãnh đạo Vietcombank chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, nhất quán xuyên suốt để triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh

Một số chỉ tiêu chính

Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025
Tổng tài sản	Tăng ≥ 10%
Huy động vốn TT1	Tăng trưởng phù hợp với tăng trưởng tín dụng Kiểm soát $LDR^{TT22} \leq 85\%$
Tín dụng (đã gồm bán nợ cho Ngân hàng Xây dựng)	Tăng ≥ 16,28% và trong hạn mức NHNN giao
Tỉ lệ nợ xấu	< 1,5%
Lợi nhuận trước thuế	Tăng ≥ 5% và theo phê duyệt của NHNN

(*) Chỉ tiêu KHKD có thể được điều chỉnh theo kế hoạch tài chính NHNN phê duyệt

Nhiệm vụ trọng tâm triển khai thực hiện các mục tiêu

Về chỉ đạo hoạt động kinh doanh

- Tăng trưởng tín dụng theo đúng định hướng tín dụng ngành, tập trung ưu tiên tăng trưởng tín dụng vào những ngành mở rộng.
- Phát triển dịch vụ quản lý tài chính và sản phẩm đầu tư dành cho các phân khúc khách hàng bán lẻ trọng tâm. Phát triển các mảng hoạt động dịch vụ tư vấn tài chính mua bán, sáp nhập doanh nghiệp, góp vốn, mua cổ phần doanh nghiệp. Phát triển hệ sinh thái số hợp tác với bên thứ ba để có cơ hội bán các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng.
- Duy trì, phát huy lợi thế trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ, TTQT-TTTM.
- Điều hành linh hoạt, hiệu quả lãi suất huy động vốn, lãi suất cho vay phù hợp với diễn biến thị trường, định hướng kinh doanh. Bám sát diễn biến thị trường để điều chỉnh, cung ứng các sản phẩm phải sinh đáp ứng yêu cầu của các tệp khách hàng khác nhau.
- Đẩy nhanh tiến độ và chất lượng chuyển dịch khách hàng lên kênh số theo chính sách và định hướng phân khúc.
- Tiếp tục mở rộng phát triển khách hàng hiện tại có chất lượng tốt, tiềm lực tài chính mạnh, quan hệ tổng thể. Đẩy mạnh bán hàng theo chuỗi và hệ sinh thái, tận dụng mối liên kết với các công ty con, đối tác, cổ đông chiến lược.

Về chỉ đạo quản trị nội bộ

- Triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược đến năm 2030 và Kế hoạch hành động chuyển đổi theo tiến độ đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; gắn với mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh, đi đầu về quản trị Môi trường – Xã hội – Doanh nghiệp (ESG), đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và cộng đồng.
- Đẩy nhanh tiến độ ứng dụng các công nghệ mới và các phương pháp hiện đại trong phát triển sản phẩm, dịch vụ. Tập trung phát triển nền tảng dữ liệu nhằm nâng cao khả năng quản trị, điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn (big data).
- Hoàn thiện các chính sách, quy định về công tác tuyển dụng, quản lý, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng cán bộ; rà soát chế độ đãi ngộ, tạo động lực cho cán bộ.
- Nghiên cứu xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo đội ngũ nhân viên tài năng.
- Tiếp tục chú trọng công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, đặc biệt là hoạt động đổi mới sáng tạo và ứng dụng công nghệ.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy định nội bộ về quản lý và xử lý thu hồi nợ, hoạt động cấp tín dụng và các quy định nội bộ liên quan, kịp thời cập nhật các thay đổi, điều chỉnh trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- Tiếp tục triển khai các biện pháp hỗ trợ VCB Neo trong quản trị, vận hành hệ thống, đảm bảo hoạt động liên tục và an ninh thông tin cho VCB Neo.
- Lan tỏa giá trị nhân văn qua các hoạt động an sinh xã hội, hỗ trợ cộng đồng.
- Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác truyền thông, quan hệ nhà đầu tư nhằm nâng cao uy tín, hình ảnh thương hiệu Vietcombank.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA VCB

Tính độc lập của thành viên Hội đồng quản trị

HĐQT có 01 thành viên HĐQT độc lập có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều lệ Ngân hàng và các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

Không phải là người đang làm việc cho chính Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền kể trước đó;

Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng ngoài những khoản phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những

người này là cổ đông lớn của Ngân hàng, người quản lý hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc công ty con của Ngân hàng;

Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

Không phải là người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 năm liền kể trước đó.

Hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông, thành viên HĐQT độc lập có báo cáo đánh giá hoạt động của HĐQT.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động

Năm 2024, nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn, thách thức với nhiều diễn biến khó lường và tiềm ẩn nhiều rủi ro từ những yếu tố tiêu cực toàn cầu như lạm phát tăng cao, xung đột địa chính trị kéo dài, các nền kinh tế lớn tăng trưởng chậm lại. Tuy nhiên, với sự chỉ đạo điều hành quyết liệt, chủ động, linh hoạt của Ban lãnh đạo cùng định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, VCB đã hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch được giao, giữ vững vị thế của một Ngân hàng chủ lực và vai

trò dẫn dắt nền kinh tế, đảm bảo mục tiêu ổn định, an toàn của thị trường tiền tệ và ngành ngân hàng.

Trong năm 2024, VCB tiếp tục đẩy mạnh phương châm hành động “Chuyển đổi, Hiệu quả, Bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành: “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo”. Đến 31/12/2024, các chỉ tiêu hoạt động kinh doanh cơ bản hoàn thành kế hoạch được ĐHĐCĐ và NHNN giao, cụ thể như sau.

Kết quả hoạt động kinh doanh

- Tổng tài sản đạt ~2,1 triệu tỷ đồng, tăng ~13,4% so với năm 2023.
- Huy động vốn tăng trưởng đều qua các năm và được điều hành linh hoạt phù hợp với tốc độ tăng trưởng tín dụng nhằm đảm bảo nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và đảm bảo các chỉ số an toàn. Tổng huy động vốn đạt ~1,5 triệu tỷ đồng, tăng ~8% so với năm 2023, hoàn thành 100% kế hoạch. Huy động vốn không kỳ hạn tăng trưởng ấn tượng trên 20%.
- Dư nợ tín dụng đạt ~1,5 triệu tỷ đồng, tăng ~14% so với cuối năm 2023. Tăng trưởng tín dụng được kiểm soát trong hạn mức NHNN giao, cơ cấu tín dụng chuyển dịch theo hướng an toàn, hiệu quả. Tín dụng từ bán buôn và bán lẻ đều đạt kết quả tăng trưởng tốt, trong đó, cơ cấu tín dụng tiếp tục chuyển dịch vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh và lĩnh vực ưu tiên.
- Chất lượng tín dụng được kiểm soát chặt chẽ. Tỷ lệ nợ xấu ở mức dưới 1%, thấp hơn đáng kể so với kế hoạch được giao, tỷ lệ dự phòng bao phủ nợ xấu nội bảng là 222%, cao nhất trong nhóm các ngân hàng lớn tại Việt Nam.
- Tính đến hết năm 2024, tổng số thuế và phí đã nộp ngân sách nhà nước của VCB là 12 nghìn tỷ đồng, tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho ngân sách nhà nước.
- LNTT đạt 42.236 tỷ đồng, tăng ~2,2% so với năm 2023, thiết lập kỷ lục mới và tiếp tục là ngân hàng có quy mô lợi nhuận đứng đầu thị trường.
- Các tỷ lệ an toàn của VCB luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và đáp ứng tiêu chuẩn của Basel II. Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất của ngân hàng theo quy định của Thông tư 41/2016/TT-NHNN năm 2024 đạt 12,16%, tăng so với mức ~11% năm 2023.
- Với những kết quả đã đạt được, VCB duy trì vị thế là NHTM dẫn đầu về chất lượng, hiệu quả hoạt động; tiếp tục đứng đầu ngành ngân hàng và là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho NSNN. Ngân hàng tiếp tục giữ vững vị thế dẫn đầu trên thị trường trong nước và quốc tế: là doanh nghiệp niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất thị trường và nằm trong nhóm 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu. VCB còn vinh dự là doanh nghiệp có thương hiệu giá trị nhất Việt Nam (theo Forbes) cùng nhiều giải thưởng danh giá khác trong công tác quản trị rủi ro và phát triển nguồn nhân lực.



Công tác chỉ đạo,
quản trị, điều hành

- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã định hướng Ban Điều hành tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác quản trị điều hành, nhất quán phương châm hành động “Chuyển đổi, hiệu quả, bền vững” và quan điểm chỉ đạo, điều hành “Trách nhiệm – Quyết liệt – Sáng tạo”, tập trung triển khai 03 “trọng tâm”, 06 “đột phá” kinh doanh trong năm 2024, cụ thể như sau:
- Thực hiện có hiệu quả các giải pháp đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh trong 3 trụ cột trọng tâm (1) Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng chất lượng, hiệu quả, bền vững; (2) Gia tăng tỷ trọng thu nhập từ dịch vụ; (3) Gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn.
- Công tác huy động vốn: Điều hành công tác huy động vốn linh hoạt, phù hợp với tình hình sử dụng vốn và diễn biến của thị trường.
- Công tác tín dụng: Trong năm 2024, VCB đã thực hiện các giải pháp tăng trưởng tín dụng trên cơ sở đảm bảo thanh khoản và các chỉ số an toàn, chú trọng cho vay các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ, trong đó tổng dư nợ tín dụng ưu tiên tăng ~10% so với cuối năm 2023, chiếm 32% tổng quy mô tín dụng của toàn ngân hàng.
- Tiên phong giảm lãi suất để hỗ trợ khách hàng theo chủ trương của Chính phủ và NHNN. Trong năm 2024, VCB đã thực hiện 26 chương trình ưu đãi lãi suất cho vay với mức lãi giảm từ 2-5%/năm.
- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng dư nợ tín

- dụng, dư nợ cơ cấu, đảm bảo kiểm soát tỷ lệ nợ xấu dưới 1,5%;
- Về quản lý rủi ro, VCB đã hoàn thành sớm các yêu cầu Basel II theo phương pháp tiêu chuẩn và đang chuẩn bị để có thể đáp ứng Basel II theo phương pháp F-IRB/Basel III; đồng thời VCB vinh dự nhận cú đúp giải thưởng rủi ro gồm “Sáng kiến Quản lý rủi ro của năm” của tạp chí Asian Banking and Finance và “Ngân hàng Quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam” của tạp chí International Finance Magazine.
- Về hoạt động công nghệ thông tin (CNTT), VCB tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cấp kiến trúc và hạ tầng CNTT, đầu tư mở rộng khả năng lưu trữ và xử lý dữ liệu lớn, đảm bảo an toàn hệ thống CNTT; đồng thời, hiện đại hóa hệ thống thanh toán, nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.
- Đẩy mạnh triển khai Kế hoạch hành động chuyển đổi và đạt được những kết quả tích cực.
- Thực hiện việc kiện toàn nhân sự cấp cao, đảm bảo sự lãnh đạo, chỉ đạo xuyên suốt của Ban lãnh đạo VCB. Trong năm 2024, ngân hàng đã tái thành lập Khối Vốn và Thị trường nhằm gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn, kỳ vọng cung ứng đồng bộ các sản phẩm vốn cho khách hàng, khai thác cơ hội bán chéo dịch vụ ngân hàng đầu tư;
- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên lần thứ 17 và ĐHĐCĐ bất thường tháng 8/2024.
- Về tăng cường năng lực tài chính, đến cuối năm 2024, VCB đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương tăng vốn điều lệ từ nguồn lợi nhuận để lại, nâng vốn điều lệ của ngân hàng lên mức 83,6 nghìn tỷ – cao nhất trong hệ thống.
- VCB luôn thể hiện vai trò tiên phong trong việc thực hiện các chủ trương, định hướng lớn của Chính phủ, NHNN. Đặc biệt, trong năm 2024, VCB đã chính thức nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng Xây dựng và đang tích cực triển khai các biện pháp để sớm đưa NHXD ra khỏi diện kiểm soát đặc biệt, góp phần đảm bảo an ninh tiền tệ quốc gia.



Môi trường
và xã hội

- VCB tiếp tục chú trọng xây dựng chiến lược toàn diện về phát triển bền vững và thực hành ESG, khẳng định vị thế của một tổ chức tài chính xanh bền vững.
- Trong tháng 11/2024, VCB đã phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu xanh đầu tiên tại Việt Nam theo quy định pháp luật Việt Nam về trái phiếu xanh. Nguồn thu từ phát hành Trái phiếu xanh được phân bổ cho các dự án xanh của KHBB thuộc các ngành: Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch; Giao thông bền vững; Quản lý nước bền vững; Nông, Lâm, Thủy sản bền vững; Quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên; Sử dụng năng lượng hiệu quả; Công trình xanh.
- Đối với lĩnh vực tín dụng xanh: VCB tiên phong trong việc ưu tiên định hướng tín dụng cho các ngành phát triển bền vững. Tính tới hết 31/12/2024, dư nợ tín dụng xanh tại VCB đạt 48 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng ~14% so với cuối năm 2023.
- VCB tiếp tục lọt vào danh sách top 20 cổ phiếu trong danh mục chỉ số phát triển bền vững VNSI cao nhất thị trường cho kỳ đánh giá năm 2024. Trong năm 2024, VCB tiếp tục cải thiện các tiêu chí thực hành ESG và đang tích cực triển khai Chiến lược ESG tổng thể cho toàn Ngân hàng.
- Bên cạnh hoạt động kinh doanh, VCB cũng chú trọng các chương trình an sinh xã hội, đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, thể hiện rõ trách nhiệm xã hội của một DNNN lớn. Năm 2024, VCB đã thực hiện triển khai các chương trình an sinh xã hội với tổng số tiền ~ 571 tỷ đồng.





Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Điều hành

- Trong bối cảnh một năm tài chính vẫn còn nhiều khó khăn và thách thức, với tinh thần trách nhiệm và minh bạch trong công tác quản trị, HĐQT và Ban Điều hành đã định hướng, chỉ đạo quyết liệt, linh hoạt, nhất quán xuyên suốt để VCB hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024 với kết quả tăng trưởng bền vững, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và quy chế hoạt động của Ngân hàng. Ban Điều hành đã triển khai hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược, đảm bảo thu nhập cho nhân viên và hoạt động kinh doanh có trách nhiệm cao với cộng đồng và các bên liên quan.
- Tháng 01/2024, HĐQT đã ban hành Nghị quyết 01 về việc phê duyệt định hướng và các chỉ tiêu kinh doanh năm 2024. Trong năm, HĐQT đã giám sát, chỉ đạo Ban điều hành về hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu mà ĐHĐCĐ giao, các chỉ tiêu đều hoàn

thành theo kế hoạch, Ban Điều hành đã tuân thủ các quy định của Luật các TCTD, Điều lệ VCB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo.

- Trong năm 2024, HĐQT đã định hướng, giám sát, chỉ đạo BDH các mặt hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu về cơ bản đều hoàn thành theo kế hoạch, BDH đã tuân thủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ VCB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Ngân hàng.

- Định kỳ hàng tháng, HĐQT tổ chức họp phiên thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường, từ đó, quyết nghị những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn. Tại phiên họp này, TGD/Phó TGD phụ trách BDH báo cáo về mọi mặt hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và TGD chỉ đạo triển khai các công việc cụ thể; hàng tuần HĐQT duy trì họp HĐQT để giải quyết, xử lý kịp thời các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT.
- Ngoài ra, việc giám sát của HĐQT đối với hoạt động của BDH còn được thể hiện thông qua việc xem xét báo cáo hàng tháng do BKS lập.
- Bên cạnh việc định hướng, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ kinh doanh, ngay từ đầu năm 2024, HĐQT đã phê duyệt các kế hoạch cụ thể đến từng mảng hoạt động, tạo điều kiện cho BDH tổ chức triển khai thống nhất đến các đơn vị trong hệ thống. Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng gặp nhiều khó khăn, với chính sách chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt và định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, hoạt động kinh doanh của VCB tiếp tục đạt được các kết quả khả quan.
- Các Thành viên HĐQT, Ban Điều hành luôn đặt lợi ích của cổ đông, của Nhà nước và Ngân hàng làm mục tiêu hoạt động hàng đầu, thực hiện tốt công tác chỉ đạo điều hành của mình và hoàn thành các chức trách, nhiệm vụ được giao.



Phương châm hoạt động năm 2025



HDQT tăng cường vai trò định hướng, giám sát với hoạt động điều hành. Ban Điều hành lãnh đạo, chỉ đạo sát sao kế hoạch kinh doanh năm 2025. Gắn hiệu quả kinh doanh với đảm bảo an toàn sức khỏe, ổn định việc làm, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của cán bộ và người lao động.

Bám sát nhiệm vụ trọng tâm của Chính phủ năm 2025 và NHNN về việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của ngành ngân hàng, kết nối với mục tiêu chiến lược phát triển VCB đến năm 2025, tầm nhìn 2030 và kiên định phương châm hành động: **“Đổi mới, Hiệu quả, Bền vững”** và quan điểm chỉ đạo, điều hành: **“Trách nhiệm – Kỷ cương – Kết nối – Sáng tạo”** triển khai thành công các mục tiêu kinh doanh.

Theo đó, trong năm 2025, VCB sẽ tiếp tục tập trung thực hiện **6 đột phá**:

- Triển khai quyết liệt Định hướng Chiến lược đến năm 2030 và Kế hoạch hành động chuyển đổi theo tiến độ đã phê duyệt, đảm bảo chất lượng, hiệu quả; gắn với mục tiêu trở thành ngân hàng Xanh, đi đầu về quản trị Môi trường – Xã hội – Doanh nghiệp (ESG), đóng góp tích cực vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế và cộng đồng.
- Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển dịch cơ cấu hoạt động, cơ cấu danh mục, phân khúc khách hàng mục tiêu. Phát huy thế mạnh tổng thể của toàn hệ thống VCB, tăng cường bán chéo giữa các Khối, các Chi nhánh và các đơn vị thành viên, từng bước hình thành và phát huy sức mạnh hệ sinh thái VCB. Tập trung phát triển nền tảng dữ liệu nhằm nâng cao khả năng quản trị, điều hành và phát triển hoạt động kinh doanh trên cơ sở khai thác hiệu quả dữ liệu, đặc biệt là dữ liệu lớn (big data). Tăng cường ứng dụng công nghệ số và dữ liệu để tối ưu hóa quy trình vận hành, nâng cao tốc độ xử lý, tăng năng suất lao động, giải phóng định biên lao động từ công tác vận hành sang công tác bán hàng.
- Đẩy mạnh công tác phát triển khách hàng, công tác phát triển sản phẩm mới, đặc biệt các sản phẩm dịch vụ trên kênh số và các công cụ tài chính xanh; tập trung đẩy mạnh công tác chuyển dịch khách hàng lên kênh số; không ngừng cải thiện nâng cao trải nghiệm khách hàng.
- Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; chú trọng nguồn nhân lực thích ứng với chuyển đổi số, phát triển kỹ năng số và năng lực phân tích dữ liệu. Phát triển văn hóa số, tinh thần và phương pháp làm việc agile; phát huy tinh thần đổi mới sáng tạo.
- Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách nội bộ; đặc biệt là các cơ chế, chính sách đầu tư mua sắm, tuyển dụng và tạo động lực cho cán bộ.
- Triển khai thành công, hiệu quả Phương án nhận chuyển giao bắt buộc Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

Trong đó, tập trung vào **04 trọng tâm** trong chuyển dịch cơ cấu hoạt động kinh doanh:

- Chuyển dịch cơ cấu tín dụng theo hướng hiệu quả, bền vững, đảm bảo chất lượng, gia tăng tỷ lệ và chất lượng tài sản đảm bảo. Tăng trưởng tín dụng bán buôn gắn với phát triển đa dạng khách hàng và phân khúc khách hàng, đặc biệt phân khúc KH Midcom và KH FDI. Tăng trưởng tín dụng bán lẻ gắn với từng bước chuyển dịch cơ cấu sản phẩm; ưu tiên cho vay sản xuất kinh doanh; khai thác tối đa cơ hội hợp tác với các khách hàng lớn theo hệ sinh thái, theo chuỗi dọc và chuỗi ngang; duy trì thế mạnh cho vay bất động sản tiêu dùng, tăng cường hợp tác với các dự án lớn có đầy đủ hồ sơ pháp lý, các dự án VCB tài trợ bán buôn.



- Quyết tâm duy trì và phấn đấu cải thiện tỷ trọng thu dịch vụ trong tổng thu nhập hoạt động kinh doanh; đổi mới mô hình bán bancas để tăng hiệu suất bán, tăng thu phí thực chất cho VCB; tăng cường cung ứng các sản phẩm dịch vụ trên kênh số và nâng cao chất lượng dịch vụ để thu hút và giữ chân khách hàng, gia tăng CASA và phí dịch vụ; quyết liệt triển khai đồng bộ các giải pháp để khôi phục vị thế kinh doanh ngoại tệ hàng đầu trên thị trường; nghiên cứu, triển khai dịch vụ quản lý tài sản cho khách hàng cao cấp; phối hợp chặt chẽ với VCBS, VCBF tăng cường bán chéo các sản phẩm dịch vụ ngân hàng đầu tư.
- Gia tăng hiệu quả công tác quản lý vốn và kinh doanh vốn; tối ưu hóa danh mục đầu tư góp vốn dài hạn, tổ chức thoái vốn và đầu tư mới đảm bảo bền vững và hiệu quả. Phát triển mạnh mẽ vị thế tạo lập thị trường của VCB.
- Tiếp tục tập trung tăng cường công tác quản trị rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng và rủi ro hoạt động (bao gồm kiểm soát rủi ro đạo đức). Tăng cường công tác an ninh mạng và bảo mật dữ liệu; kiểm tra, rà soát độ an toàn của hệ thống CNTT đảm bảo khả năng hoạt động liên tục. Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng, đặc biệt là tín dụng bán lẻ; Triển khai hiệu quả các giải pháp để đảm bảo kiểm soát nợ xấu theo kế hoạch.

Dấu ấn Con người Cội nguồn phát triển

3

TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

- 54 Tổ chức & Nhân sự
- 56 Hội đồng quản trị
- 58 Ban Điều hành
- 60 Giám đốc khối
- 62 Ban Kiểm soát
- 63 Kế toán trưởng

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Ban lãnh đạo Vietcombank luôn chú trọng công tác phát triển nguồn nhân lực, coi đây là chìa khóa mang lại thành công cho ngân hàng.

TỔNG SỐ LAO ĐỘNG CỦA VIETCOMBANK TÍNH ĐẾN 31/12/2024 LÀ

24.306 NGƯỜI

Thực hiện mục tiêu trở thành ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam, Vietcombank đã và đang đổi mới toàn diện công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực, luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tinh về số lượng, mạnh về chất lượng; tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, tạo sức mạnh từ nội lực, góp phần đưa Vietcombank vươn lên mạnh mẽ, duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam, từng bước nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

- Mô hình tổ chức, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tại Trụ sở chính và Chi nhánh tiếp tục được rà soát, kiện toàn, chuẩn hóa theo Khối chức năng, tăng cường chuyên môn hóa, tinh gọn, hiệu quả, phù hợp với thông lệ quốc tế, gắn với chiến lược phát triển và định hướng hoạt động kinh doanh của Vietcombank trong từng thời kỳ.
- Mạng lưới hoạt động trong nước được mở rộng theo định hướng phát triển hoạt động bán lẻ thông qua việc thành lập mới các chi nhánh, phòng giao dịch nhằm nâng cao vị thế, sức cạnh tranh của Vietcombank trên các địa bàn.

- Hệ thống văn bản quy định nội bộ của Vietcombank về tổ chức và nhân sự thường xuyên được rà soát, hoàn thiện trong tất cả các khâu từ tuyển dụng, giao kết hợp đồng lao động tới đào tạo, quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, chuyển đổi vị trí công tác, đánh giá hiệu quả công việc, khen thưởng, kỷ luật,... mang lại hiệu quả tích cực trong việc thu hút, duy trì, quản lý và sử dụng cán bộ, tối ưu hóa nguồn nhân lực của Vietcombank.
- Công tác tuyển dụng của Vietcombank thời gian qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được một lượng nhân sự lớn có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của ngân hàng.
- Chất lượng nhân sự được kiểm soát từ đầu vào với chính sách tuyển dụng nghiêm túc, công bằng và chuyên nghiệp. Cán bộ nhân viên được bố trí công việc phù hợp với trình độ, năng lực và kinh nghiệm.

Thay đổi về nhân sự trong Hội đồng quản trị và Ban điều hành

THÀNH PHẦN BAN LÃNH ĐẠO CÓ THAY ĐỔI NHƯ SAU:

Giảm

Ông Nguyễn Mỹ Hào, Thành viên HĐQT nghỉ hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2024.

Ông Lại Hữu Phước, Trưởng Ban Kiểm soát được điều động bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra Giám sát, Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam kể từ ngày 01/8/2024.

Bà Đinh Thị Thái, Phó Tổng Giám đốc được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Vietcombank kể từ ngày 19/8/2024.

Ông Colin Richard Dinn, Giám đốc Khối Chuyển đổi chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 12/7/2024.

Ông Trần Thanh Nam, Giám đốc Khối Công nghệ thông tin & chuyển đổi số và Giám đốc đổi mới sáng tạo chấm dứt hợp đồng lao động theo nguyện vọng cá nhân kể từ ngày 01/6/2024

Tăng

Ông Nguyễn Thanh Tùng, Tổng Giám đốc được bầu giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ ngày 26/7/2024.

Ông Lê Quang Vinh, Phó Tổng Giám đốc được giao nhiệm vụ phụ trách Ban Điều hành Vietcombank kể từ ngày 26/7/2024.

Bà Đinh Thị Thái, Phó Tổng Giám đốc được bầu giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát Vietcombank nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ ngày 19/8/2024.

Bầu bổ sung bà Trương Thị Diệu Quế, Giám đốc Trung tâm tài trợ thương mại làm Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ ngày 19/8/2024.

Bầu bổ sung ông Trịnh Ngọc An, Giám đốc Vietcombank Thanh Hóa làm Thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ ngày 19/8/2024.

Bầu bổ sung ông Nguyễn Tuấn Anh, Quyền Chánh Thanh tra giám sát – Cơ quan Thanh tra giám sát ngân hàng – Ngân hàng Nhà nước Việt Nam giữ chức vụ Thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023–2028 kể từ ngày 19/8/2024.

Ông Vũ Quang Đông, Thành viên Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Vietcombank được tiếp nhận và bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Giám đốc phụ trách Khối Vốn và thị trường Vietcombank kể từ ngày 17/4/2024.

Hội đồng quản trị

ÔNG NGUYỄN THANH TÙNG

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Tổng hợp Paris Dauphine
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



ÔNG ĐỖ VIỆT HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị kinh doanh – Đại học Chulalongkurn (Thái Lan)
- Cử nhân kinh tế – Đại học Hàng hải



ÔNG NGUYỄN MẠNH HÙNG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ kinh tế – Cao học Việt Nam – Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG HỒNG QUANG

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội

BÀ NGUYỄN THỊ KIM OANH

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG SHOJIRO MIZOGUCHI

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Thương mại và quản lý – Trường Đại học Hitotsubashi (Nhật Bản)



ÔNG NGUYỄN TUẤN ANH

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Luật – Đại học Luật TP. HCM
- Cử nhân Tín dụng – Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học ngân hàng (nay là Học viện Ngân hàng)



ÔNG VŨ VIẾT NGOẠN

Thành viên độc lập Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sỹ Tài chính – Đại học Lassale (Hoa Kỳ)
- Thạc sỹ Tài chính ngân hàng – Học viện Finafrica (Italia)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



Ban điều hành

ÔNG LÊ QUANG VINH

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Tài chính – Đại học New South Wales, Australia
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân



(Ông Lê Quang Vinh được ĐHĐCD bất thường tháng 03/2025 bầu làm thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 và được HĐQT Vietcombank bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng giám đốc kể từ ngày 07/3/2025).

ÔNG NGUYỄN VIỆT CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế liên kết giữa Trường Đại học Kinh tế Quốc dân và Viện Khoa học xã hội Hà Lan
- Cử nhân Kinh tế – Trường Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG HỒ VĂN TUẤN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân.



BÀ PHÙNG NGUYỄN HẢI YẾN

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Ngân hàng – CPA Australia
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng



ÔNG ĐẶNG HOÀI ĐỨC

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Kinh tế – Trung tâm đào tạo & Nghiên cứu khoa học Ngân hàng (nay là Trường Đại học Ngân hàng TP Hồ Chí Minh)



ÔNG LÊ HOÀNG TÙNG

Phó Tổng Giám đốc

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Tài chính;
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Tài chính.



ÔNG SHOJIRO MIZOGUCHI

Thành viên Hội đồng quản trị

Trình độ chuyên môn:

- Cử nhân Thương mại và quản lý – Trường Đại học Hitotsubashi (Nhật Bản)

Giám đốc khối



ÔNG HỒNG QUANG

Giám đốc Khối Nhân sự

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh – Đại học Ngoại thương liên kết với Đại học Meiho (Đài Loan)
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Luật – Đại học Luật Hà Nội



BÀ ĐOÀN HỒNG NHUNG

Giám đốc Khối Bán lẻ

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Quan hệ Kinh tế Quốc tế – Đại học Tổng hợp Konstanz, CHLB Đức
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương



BÀ NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN

Giám đốc Khối Pháp chế và tuân thủ

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Luật – Đại học Luật Hà Nội
- Cử nhân Luật – Đại học Tổng hợp Hà Nội
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân



ÔNG VŨ QUANG ĐÔNG

Phó Giám đốc Khối phụ trách Khối Vốn và thị trường

Trình độ chuyên môn:

- Tiến sỹ Kinh tế – Đại học Georgetown – Hoa Kỳ;
- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Georgetown – Hoa Kỳ;
- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân;
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương

Ban kiểm soát

BÀ ĐÌNH THỊ THÁI

Trưởng Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế quốc dân
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương



BÀ TRƯƠNG THỊ DIỆU QUẾ

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế đối ngoại – Đại học Ngoại thương



ÔNG TRỊNH NGỌC AN

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Học viện Ngân hàng
- Cử nhân Kinh tế phát triển – Đại học Kinh tế quốc dân



BÀ ĐỖ THỊ MAI HƯƠNG

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Ngoại thương
- Cử nhân Kinh tế – Đại học Ngoại thương

BÀ TRẦN MỸ HẠNH

Thành viên Ban kiểm soát

Trình độ chuyên môn:

- Chứng chỉ sau đại học về Kinh tế học ứng dụng và Chính sách công (chương trình học bổng Fulbright)
- Cử nhân Kinh tế ngành Kế toán – Học viên Tài chính

Kế toán trưởng



BÀ LA THỊ HỒNG MINH

Kế toán trưởng

Trình độ chuyên môn:

- Thạc sỹ Kinh tế – Đại học Kinh tế Quốc dân
- Cử nhân Kinh tế – Học viện Ngân hàng

Dấu ấn Quản trị Chuẩn mực và bền vững



QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

66 Quản trị công ty

82 Quản trị rủi ro

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng Quản trị

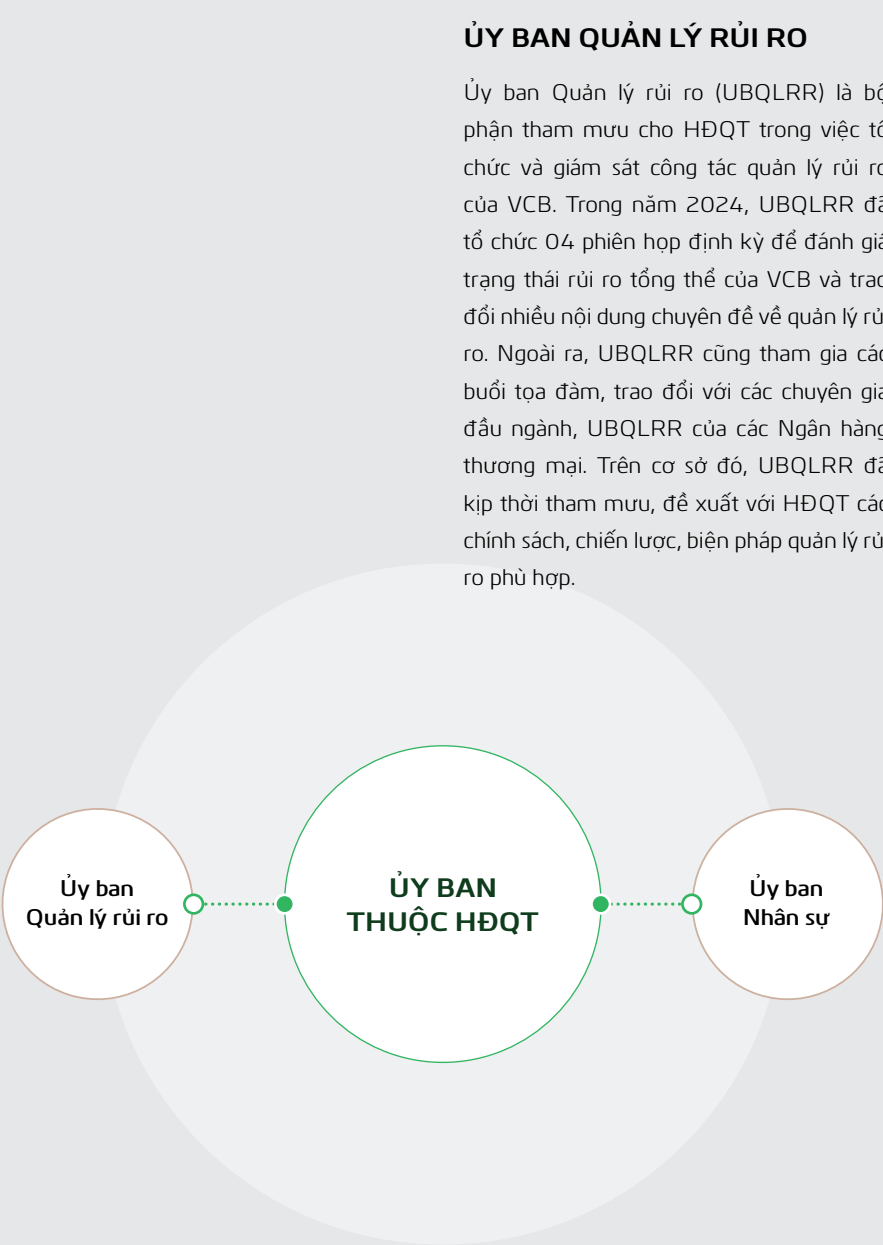
Cơ cấu Hội đồng quản trị

Sở hữu cổ phần của Vietcombank					
STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	GHI CHÚ
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	14.933	0.00027%	- Được HĐQT giao phụ trách Ban điều hành VCB kể từ ngày 30/08/2021. - Được ĐHĐCĐ bất thường năm 2023 bầu là TV HĐQT VCB nhiệm kỳ 2018 – 2023 kể từ ngày 30/01/2023. Cùng ngày HĐQT VCB thống nhất bổ nhiệm ông Nguyễn Thanh Tùng giữ chức vụ Tổng Giám đốc VCB. - Được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT nhiệm kỳ 2023 – 2028 kể từ ngày 21/04/2023. - Được bổ nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT VCB kể từ ngày 26/07/2024.
2	Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	0	0	- Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/04/2019. Được phân công phụ trách hoạt động của HĐQT VCB kể từ ngày 01/01/2024. - Không còn đảm nhiệm chức vụ Thành viên phụ trách hoạt động của HĐQT VCB kể từ ngày 26/07/2024. - Thành viên không điều hành.
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	3.420	0,00006%	- Được ĐHĐCĐ bất thường 2014 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 26/12/2014. - Thành viên không điều hành.
4	Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	0	0	Được ĐHĐCĐ bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 23/04/2021.
5	Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên HĐQT	10.566	0,00019%	- Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 28/04/2017. - Thành viên không điều hành. - Có đơn xin từ nhiệm chức vụ thành viên HĐQT kể từ ngày 01/11/2024 để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí.
6	Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT Giám đốc Khối Nhân sự	2	0	Được ĐHĐCĐ bầu là TV HĐQT kể từ ngày 27/04/2018.
7	Ông Vũ Viết Ngoạn	Thành viên HĐQT độc lập	0	0	- Được ĐHĐCĐ bầu là TV độc lập của HĐQT kể từ ngày 21/4/2023. - Thành viên độc lập.
8	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	5.000	0,00009%	- Được ĐHĐCĐ bất thường tháng 11 năm 2023 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 24/11/2023. - Thành viên không điều hành.
9	Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT	0	0	- Được ĐHĐCĐ bất thường tháng 8 năm 2024 bầu là TV HĐQT kể từ ngày 19/08/2024. - Thành viên không điều hành.

Trong những năm qua, dưới sự định hướng và chỉ đạo của HĐQT, VCB đã luôn tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật Việt Nam, đồng thời chủ động áp dụng các thông lệ tiên tiến về quản trị công ty trên thế giới và trong khu vực, hướng đến cải thiện cách thức quản trị cho toàn hệ thống và nâng cao nhận thức cho toàn thể cán bộ nhân viên về công tác quản trị.

Các Ủy ban thuộc Hội đồng quản trị

VCB có 02 Ủy ban thuộc HĐQT là: Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Việc thành lập các Ủy ban đảm bảo tuân thủ theo quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam (NHNN) và pháp luật. Các Ủy ban hoạt động theo Quy chế tổ chức và hoạt động của từng Ủy ban do HĐQT ban hành.



ỦY BAN QUẢN LÝ RỦI RO

Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR) là bộ phận tham mưu cho HĐQT trong việc tổ chức và giám sát công tác quản lý rủi ro của VCB. Trong năm 2024, UBQLRR đã tổ chức 04 phiên họp định kỳ để đánh giá trạng thái rủi ro tổng thể của VCB và trao đổi nhiều nội dung chuyên đề về quản lý rủi ro. Ngoài ra, UBQLRR cũng tham gia các buổi tọa đàm, trao đổi với các chuyên gia đầu ngành, UBQLRR của các Ngân hàng thương mại. Trên cơ sở đó, UBQLRR đã kịp thời tham mưu, đề xuất với HĐQT các chính sách, chiến lược, biện pháp quản lý rủi ro phù hợp.

ỦY BAN NHÂN SỰ

Ủy ban nhân sự (UBNS) có vai trò tham mưu, tư vấn cho HĐQT đối với các vấn đề liên quan đến nhân sự, chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các chính sách đãi ngộ khác của VCB. Sau khi các văn bản quy chế về quản lý cán bộ được ban hành đồng bộ, UBNS đã tích cực, chủ động trong công tác tham mưu, đánh giá, đề xuất việc quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, kiện toàn mô hình tổ chức theo các Khối và phát triển mạng lưới, nhân sự phù hợp với chiến lược phát triển và mục tiêu kinh doanh của VCB. Trong năm 2024, UBNS đã chủ động trong việc tham mưu đánh giá, đề xuất quy hoạch, bổ nhiệm, quản lý cán bộ thuộc phân cấp thẩm quyền, đảm bảo công khai, minh bạch, đủ tiêu chuẩn, điều kiện và đúng quy trình; kiện toàn hệ thống các văn bản, chính sách trong công tác quản lý cán bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của ngân hàng.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2024, HĐQT VCB đã tổ chức họp 54 phiên họp và lấy ý kiến bằng văn bản 171 nội dung để định hướng, chỉ đạo hoạt động của VCB trong từng thời kỳ, xem xét quyết định các công việc thuộc thẩm quyền xử lý của HĐQT, cũng như trao đổi về một số chuyên đề cụ thể khác.

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Số buổi họp trên cơ sở lấy phiếu ý kiến	Tỷ lệ tham dự
1	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	30/01/2023	54/54	171/171	100%
2	Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	26/04/2019	54/54	171/171	100%
3	Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	26/12/2014	54/54	171/171	100%
4	Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	23/04/2021	54/54	171/171	100%
5	Ông Nguyễn Mỹ Hào ⁽¹⁾	Thành viên HĐQT	28/04/2017	43/54	158/171	100%
6	Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT Giám đốc Khối Nhân sự	27/04/2018	54/54	171/171	100%
7	Ông Vũ Viết Ngoạn ⁽²⁾	Thành viên HĐQT độc lập	21/04/2023	17/54	0/0	100%
8	Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	24/11/2023	54/54	171/171	100%
9	Ông Nguyễn Tuấn Anh ⁽³⁾	Thành viên HĐQT	19/08/2024	23/54	39/171	100%

Ghi chú:

- (1) Ông Nguyễn Mỹ Hào có đơn xin từ nhiệm chức vụ Thành viên HĐQT kể từ ngày 01/11/2024 để nghỉ việc hưởng chế độ hưu trí;
- (2) Ông Vũ Viết Ngoạn là thành viên độc lập của HĐQT nên chỉ tính tỷ lệ tham gia đối với các phiên họp toàn thể.
- (3) Ông Nguyễn Tuấn Anh được bầu làm thành viên HĐQT kể từ ngày 19/08/2024 nên chỉ tính tỷ lệ tham gia đối với các phiên họp và số buổi họp trên cơ sở phiếu lấy ý kiến từ ngày 19/08/2024.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với BĐH được thực hiện theo Quy chế quản trị nội bộ của ngân hàng.

Định kỳ hàng tháng, HĐQT tổ chức họp phiên thường kỳ đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh, phân tích tình hình kinh tế vĩ mô và diễn biến thị trường, từ đó, quyết nghị những chủ trương, định hướng chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn. Tại phiên họp này, TGD/Phó TGD phụ trách BĐH báo cáo về mọi mặt hoạt động của ngân hàng; báo cáo việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT; báo cáo một số chuyên đề theo yêu cầu của HĐQT. HĐQT phân công, giao nhiệm vụ cho từng thành viên HĐQT và TGD chỉ đạo triển khai các

công việc cụ thể; hàng tuần HĐQT duy trì họp HĐQT để giải quyết, xử lý kịp thời các công việc, hồ sơ và các vấn đề phát sinh từ hoạt động kinh doanh thuộc thẩm quyền, chức năng của HĐQT.

Ngoài ra, HĐQT còn giám sát các hoạt động điều hành thông qua việc xem xét báo cáo hàng tháng do BKS lập.

Trong năm 2024, HĐQT đã định hướng, giám sát, chỉ đạo BĐH các mặt hoạt động kinh doanh của VCB theo đúng định hướng và các mục tiêu chiến lược; các giải pháp đều được triển khai tích cực, đồng bộ, đảm bảo thực hiện đúng lộ trình và mục tiêu đề ra, các chỉ tiêu về cơ bản đều hoàn thành theo kế hoạch, BĐH đã tuân thủ các quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, Điều lệ VCB và các Nghị quyết của HĐQT trong việc chỉ đạo, quản lý, điều hành Ngân hàng.

Bên cạnh việc định hướng, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ kinh doanh, ngay từ đầu năm 2024, HĐQT đã phê duyệt các kế hoạch cụ thể đến từng mảng hoạt động, tạo điều kiện cho BĐH tổ chức triển khai thống nhất đến các đơn vị trong hệ thống. Trong bối cảnh nền kinh tế nói chung và ngành ngân hàng nói riêng gặp nhiều khó khăn, với chính sách chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt và định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, hoạt động kinh doanh của VCB tiếp tục đạt được các kết quả khả quan.



Hoạt động của Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Vũ Viết Ngoạn được ĐHĐCĐ bầu là thành viên HĐQT độc lập kể từ ngày 21/04/2023. Năm 2024, thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã tham gia đầy đủ 17/54 phiên họp toàn thể, đạt tỷ lệ 100%, góp phần quan trọng trong công tác giám sát và tổ chức thực hiện kiểm soát việc quản trị điều hành tại Ngân hàng, hoàn thành các nhiệm vụ được HĐQT phân công.

Đào tạo về quản trị công ty

Trong năm 2024, Hội đồng quản trị VCB đã tham dự các khóa học, chương trình hội nghị, hội thảo, tọa đàm qua hình thức trực tuyến/trực tiếp do Chính phủ, NHNN, Đảng ủy Khối Doanh nghiệp Trung ương, các đơn vị tư vấn quốc tế/trong nước tổ chức để trao đổi kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về quản trị ngân hàng, triển khai các dự án nâng cao năng lực hoạt động,

quản trị rủi ro, nhân sự, tài chính, chuyển đổi số...,liên tục cập nhật các kiến thức mới và chuẩn mực quản trị công ty theo thông lệ quốc tế nhằm không ngừng cải tiến, tiếp thu, chọn lọc và ứng dụng vào thực tế tình hình quản trị điều hành của VCB.

Một số các chương trình, hội thảo, tọa đàm về quản trị công ty mà Ban lãnh đạo VCB đã tổ chức/tham dự trong năm 2024:

STT	Hoạt động	Thời gian
1	Tổ chức khóa đào tạo và hội thảo về ESG trong ngành ngân hàng	Tháng 1
2	Tham dự Hội nghị trực tuyến đẩy mạnh tín dụng Ngân hàng năm 2024	Tháng 2
3	Tọa đàm phổ biến Báo cáo cập nhật Kinh tế vĩ mô 2023 và triển vọng 2024	Tháng 2
4	Tham dự gặp mặt đầu xuân của Thường trực Chính phủ với Doanh nghiệp nhà nước tiêu biểu	Tháng 2
5	Tham gia đoàn công tác tháp tùng Thủ tướng Chính phủ tại Australia	Tháng 3
6	Tham dự Hội nghị Xúc tiến đầu tư tài chính tại Hàn Quốc và Nhật Bản	Tháng 3
7	Hội thảo “Xu hướng tín dụng xanh và định hướng cho hoạt động kinh doanh của VCB”	Tháng 4
8	Tham dự Hội nghị về công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong ngành ngân hàng	Tháng 4
9	Tọa đàm phổ biến Báo cáo cập nhật Kinh tế vĩ mô Quý 1 năm 2024	Tháng 4
10	Tham dự Hội nghị thường niên ADB lần thứ 57 tại Tbilisi, Georgia	Tháng 5
11	Tham dự Chương trình làm việc với Ủy ban giám sát tài chính quốc gia	Tháng 5
12	Tham dự Đại hội nhiệm kỳ V Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam	Tháng 6
13	Tổ chức Hội thảo chuyên đề về phát triển sản phẩm vận hành hệ thống ngân hàng số	Tháng 6
14	Tổ chức đào tạo về Cloud trên nền tảng AWS nhằm thực hiện chiến lược chuyển đổi số	Tháng 7
15	Tọa đàm phổ biến Báo cáo cập nhật Kinh tế vĩ mô 6 tháng đầu năm 2024	Tháng 7
16	Tổ chức Hội thi tay nghề nghiệp vụ Quản lý rủi ro và Hội thảo về Văn hóa quản lý rủi ro	Tháng 8
17	Chương trình Hội nghị Xúc tiến đầu tư tài chính tại Úc và Singapore	Tháng 8
18	Hội thảo Thanh toán xuyên biên giới Việt Nam – Nhật Bản	Tháng 8
19	Tham dự Hội thảo về Luật Kinh doanh bất động sản 2023 và tác động đến Tổ chức tín dụng	Tháng 11
20	Tham dự Hội nghị Doanh nghiệp Niêm yết và Lễ trao giải Cuộc thi Bình chọn Doanh nghiệp Niêm yết 2024	Tháng 11
21	Tham dự Chương trình khảo sát thị trường trái phiếu xanh tại Luxembourg và Bỉ	Tháng 12
22	Tham dự Diễn đàn Thường niên về Quản trị công ty lần thứ 7 (AF7) do Viện thành viên HĐQT Việt Nam (VIOD) tổ chức với chủ đề: “Đầu tư vào Quản trị công ty: Chiến lược thu hút Nhà đầu tư có trách nhiệm trong xu thế quốc tế hóa thị trường	Tháng 12

Ban Kiểm soát

Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

Tại Nghị quyết số 16/TN2023/NQ–ĐHĐCĐ ngày 21/04/2023, ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 đã thông qua số lượng thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 là 05 thành viên và thông qua số thành viên được bầu vào BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028 tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 gồm 04 thành viên. Tại phiên họp đầu tiên của BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028, các Thành viên BKS đã thống nhất bầu ông Lại Hữu Phước giữ chức vụ Trưởng BKS VCB nhiệm kỳ 2023 – 2028.

Kể từ ngày 1/8/2024, Ông Lại Hữu Phước được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra giám sát – NHNN theo

Quyết định số 1638/QĐ–NHNN ngày 26/7/2024 của NHNN, theo đó, ông Lại Hữu Phước không còn đảm nhận chức vụ Thành viên BKS VCB theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 42 & điểm a, khoản 1 Điều 45, Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 và khoản 1 Điều 67 & điểm a, khoản 1, Điều 68 Điều lệ tổ chức và hoạt động của VCB.

Tại ĐHĐCĐ bất thường ngày 19/8/2024, ĐHĐCĐ đã thống nhất bầu bổ sung 03 thành viên BKS mới là bà Đinh Thị Thái, ông Trịnh Ngọc An và bà Trương Thị Diệu Quế. Như vậy, nhân sự BKS tại thời điểm 31/12/2024 gồm có 05 thành viên.

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu là TV BKS	Ngày không còn là TV BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
II	Giai đoạn từ 19/08/2024 – 31/12/2024					
1	Ông Lại Hữu Phước (**)	Trưởng BKS	26/06/2020 21/04/2023(*)	1/8/2024	10	10/11
2	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	26/04/2008 21/04/2023(*)		11	11/11
3	Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	29/04/2022 21/04/2023(*)		11	11/11
II	Giai đoạn từ 19/08/2024 – 31/12/2024					
1	Bà Đinh Thị Thái	Trưởng BKS	19/8/2024		04	04/04
2	Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên BKS	26/04/2008 21/04/2023(*)		04	04/04
3	Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên BKS	29/04/2022 21/04/2023(*)		04	04/04
4	Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên BKS	19/8/2024		04	04/04
5	Bà Trương Thị Diệu Quế	Thành viên BKS	19/8/2024		04	04/04

Ghi chú:

(*) Ngày bắt đầu là thành viên BKS nhiệm kỳ 2023 – 2028.

(**) Ông Lại Hữu Phước không tham gia buổi họp ngày 01/08/2024 do Ông Lại Hữu Phước được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng thuộc Cơ quan Thanh tra giám sát – NHNN kể từ ngày 01/08/2024 theo Quyết định số 1638/QĐ–NHNN ngày 26/7/2024 của NHNN.



Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, BĐH và Cổ đông:

BKS đã thực hiện giám sát HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các định hướng và mục tiêu kinh doanh năm 2024 của VCB đã được ĐHĐCĐ thông qua; giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ trong việc quản trị, điều hành Ngân hàng. Trong năm 2024, VCB đã bám sát các chính sách, chỉ đạo của NHNN trong việc thực thi chính sách tiền tệ, đề ra các giải pháp thích hợp và tập trung thực hiện các biện pháp nhằm thúc đẩy hoạt động kinh doanh, tập trung giải quyết, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc của các đơn vị trong toàn hệ thống để đảm bảo phát triển kinh doanh đạt mục tiêu đề ra. Nhìn chung, hoạt động kinh doanh của VCB đi đúng định hướng của ĐHĐCĐ với phương châm “Chuyển đổi – Hiệu quả – Bền vững”, hoạt động quản trị, điều hành của HĐQT và BĐH đã tuân thủ các quy định của Luật Các Tổ chức tín dụng và Điều lệ Ngân hàng.

Công tác giám sát của BKS được thực hiện thông qua việc giám sát tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ VCB đối với HĐQT, BĐH trong việc quản trị điều hành; giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của HĐQT nhằm thực hiện các định hướng của ĐHĐCĐ; thẩm định Báo cáo tài chính, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập Báo cáo tài chính; theo dõi việc ban hành, cập nhật, sửa đổi các văn bản quy định của VCB nhằm phù hợp với quy định của NHNN và quy định của pháp luật có liên quan;...

Thực hiện quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, BKS đã thực hiện theo dõi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD; cập nhật thông tin định kỳ và đột xuất khi có phát sinh, đảm bảo các thông tin được cập nhật đầy đủ, kịp thời theo quy định.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác:

Thực hiện Quy chế quản trị nội bộ VCB, BKS thường xuyên tham dự và đóng góp ý kiến tại các phiên họp định kỳ của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng của BĐH. BKS được cung cấp các báo cáo, thông tin, tài liệu và tham gia ý kiến tại các cuộc họp về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ngân hàng phục vụ cho việc kiểm toán, giám sát của BKS.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, BĐH trong việc thực hiện các chức năng nhiệm vụ, phối hợp trong hoạt động giám sát, kiểm toán của ngân hàng. Trên cơ sở kết quả giám sát và kiểm toán nội bộ, BKS đã đưa ra các ý kiến, kiến nghị với HĐQT, BĐH về

các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả và an toàn hoạt động của Ngân hàng. Ngoài ra, BKS thường xuyên tham gia ý kiến, kiến nghị, đề xuất với HĐQT, BĐH trong việc ban hành, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các văn bản quy định, chính sách, quy định nội bộ của VCB; tham gia ý kiến tư vấn về các biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành của VCB. Các kiến nghị của BKS được HĐQT, BĐH ghi nhận và chỉ đạo các đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

Hoạt động kiểm toán, thẩm định báo cáo tài chính và các hoạt động khác của BKS:

Trong năm 2024, BKS đã chỉ đạo các bộ phận trực thuộc triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ VCB: thực hiện công tác thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023; theo dõi tình hình quản lý giới hạn, tỷ lệ đảm bảo an toàn của VCB; theo dõi, giám sát từ xa các chi nhánh, công ty con của VCB; triển khai 29 cuộc kiểm toán tại các Phòng/Ban/Trung tâm Trụ sở chính VCB, các chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện của VCB trong nhiều lĩnh vực như: kiểm toán chuyên đề liên quan đến hoạt động tín dụng, công tác xử lý nợ xấu, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro; kiểm toán dự án/hệ thống công nghệ thông tin, kiểm toán mô hình xác suất vỡ nợ, kiểm toán quy trình đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP), kiểm toán công trình xây dựng Trụ sở chi nhánh, kiểm toán hoạt động của các công ty con, chi nhánh; thực hiện đầy đủ, kịp thời các báo cáo định kỳ và đột xuất theo yêu cầu của NHNN và theo quy định quản trị nội bộ của VCB.

BKS đã chủ động, tăng cường theo dõi, đôn đốc các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính và các chi nhánh trong quá trình thực hiện kiến nghị của BKS, Kiểm toán nội bộ và kiến nghị theo kết luận của các đơn vị thanh tra, kiểm tra bên ngoài.

Các thành viên/cán bộ BKS đã tích cực, chủ động tham gia các dự án nâng cao năng lực quản trị và các dự án khác của ngân hàng; nghiên cứu, đề xuất, triển khai các sáng kiến khoa học; tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức quản trị, điều hành; xây dựng kế hoạch, chương trình, nội dung đào tạo, tập huấn cho đội ngũ cán bộ giám sát, kiểm toán; tăng cường trao đổi kinh nghiệm và phương pháp kiểm toán cho cán bộ mới.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của người nội bộ

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

Thù lao của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD và người quản lý khác được công bố tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2024 của VCB (Thuyết minh số 41).

Thù lao bình quân của từng thành viên HĐQT, tiền lương của TGD và người quản lý khác trong năm 2024 theo giới tính cụ thể như sau:

	Trung bình thu nhập năm 2024 (Triệu VND)	Số lượng thành viên năm 2024
Hội đồng quản trị	1.744	8
Nam	1.672 (*)	7 (**)
Nữ	2.249	1
Ban Điều hành	1.788	9
Nam	1.838	5
Nữ	1.724	4
Tổng cộng	1.767	17

(*) TV HĐQT Nguyễn Mỹ Hào thu nhập 10 tháng do nghỉ việc để hưởng chế độ hưu trí kể từ ngày 01/11/2024.

TV HĐQT Nguyễn Tuấn Anh thu nhập 4 tháng 12 ngày do bổ nhiệm làm TV HĐQT kể từ ngày 19/08/2024.

(**) Không bao gồm TV HĐQT độc lập Vũ Viết Ngoạn.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ và người có liên quan

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với ngân hàng	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp
1	Công ty TNHH Cao ốc VCB Tower 198 (VCBT)	– Công ty con – PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VCBT	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30/05/1996 và sửa đổi lần gần đây nhất theo giấy phép ngày 01/03/2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp
2	Công ty liên doanh TNHH VCB – Bonday – Benthanh (VBB)	– Công ty liên doanh – PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VBB	Số 2458/GP ngày 07/02/2005 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 0303742875 ngày 18/10/2019 do Sở KH&ĐT TP.HCM cấp
3	Ngân hàng Mizuho Bank Ltd	Cổ đông lớn	CA 5593
4	Công ty TNHH Tài chính Việt Nam (VFC)	– Công ty con – PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 10/02/1978
5	Công ty TNHH Tài chính Việt Nam (VFC)	– Công ty con – PTGD Phùng Nguyễn Hải Yến là Chủ tịch Công ty VFC	Đăng ký kinh doanh số 58327 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp ngày 10/02/1978

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan

Trong năm 2024, VCB có phát sinh 02 giao dịch mua, bán cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Lý do tăng, giảm
1	Đỗ Thị Kim Dung	Chị gái của người nội bộ Đỗ Việt Hùng	0	0	1.000	0,000017%	Mua, bán cổ phiếu (giao dịch trong tháng 6, 8, 10, 12/2024)
2	Vũ Đức Minh Hiếu	Con trai của người nội bộ	0	0	0	0	Mua, bán cổ phiếu. Số lượng: 5.000 cổ phiếu (giao dịch trong các tháng 4,5,6,9, 10/2024)

Trong năm 2024, VCB có phát sinh các giao dịch giữa Ngân hàng và người nội bộ và người có liên quan, cụ thể như sau:

Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với ngân hàng	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
Phòng 1406, Tầng 14, tháp VCB, 198 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội	29/08/2024	Nghị quyết số 283/NQ-VCB-HĐQT ngày 21/09/2016	Giao dịch thuê văn phòng cho Trụ Sở chính VCB tại tòa nhà VCB Tower
Lầu 22, VCB Tower, Số 05, Công trường Mê Linh, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP Hồ Chí Minh	02/01/2024 28/03/2024 25/06/2024 28/10/2024	Nghị quyết số 118/NQ-VCB. HĐQT ngày 22/04/2015	Thuê trụ sở của Hội sở chính tại tòa nhà VCB Tower
1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8176, Japan	22/02/2024	Nghị quyết số 68/NQ-VCB-HĐQT ngày 21/02/2024	Sửa đổi Hợp đồng mua cổ phần lần 2 với Mizuho Bank.
Tầng 16, tòa nhà Golden Star, 20-24 Lockhart Road, Hongkong	13/03/2024	Nghị quyết số 107/NQ-VCB-HĐQT ngày 13/03/2024	Phê duyệt giới hạn tiền gửi với VFC
Tầng 16, tòa nhà Golden Star, 20-24 Lockhart Road, Hongkong	16/04/2024	Nghị quyết số 143/NQ-VCB-HĐQT ngày 26/03/2024	Phê duyệt chủ trương mua bán trái phiếu Chính phủ Việt Nam bằng USD phát hành trên thị trường quốc tế giữa VCB và VFC

TT	Tên tổ chức/ cá nhân	Mối quan hệ liên quan với ngân hàng	Số giấy NSH, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với ngân hàng	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
6	Ngân hàng Mizuho Bank Ltd	Cổ đông lớn	CA 5593	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8176, Japan	11/06/2024	Nghị quyết số 275/NQ-VCB-HĐQT ngày 11/06/2024	Phê duyệt giới hạn tín dụng với Mizuho Bank
7	Ngân hàng Mizuho Bank Ltd	Cổ đông lớn	CA 5593	1-5-5 Otemachi, Chiyoda-ku, Tokyo 100-8176, Japan	20/09/2024	Nghị quyết số 459/NQ-VCB-HĐQT ngày 19/09/2024	Phê duyệt điều chỉnh Giới hạn tín dụng đối với Mizuho Bank Ltd.
8	Công ty TNHH Chứng khoán VCB (VCBS)	– Công ty con – TV HĐQT Nguyễn Thị Kim Oanh là Chủ tịch HĐQT của VCBS	Giấy phép hoạt động số 09/GPHDKD ngày 24/04/2002 và theo giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 03/GPDC-UBCK ngày 16/01/2024	Tầng 5-6-7-8 Toà nhà Thủ đô, số 72 Trần Hưng Đạo, Phường Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, TP HN	08/07/2024	Nghị quyết số 317/NQ-VCB-HĐQT ngày 25/06/2024	Phê duyệt Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu hộ/chi hộ tiền giao dịch chứng khoán giữa VCB và VCBS.
9	Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCBL)	Công ty con	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31/10/2017	Tầng 04, tòa nhà 25T1, N05, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, TP HN	03/10/2024	Nghị quyết số 478/NQ-VCB-HĐQT ngày 02/10/2024	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với VCBL
10	Công ty Chuyển tiền VCB (VCBM)	– Công ty con – PTGD Lê Hoàng Tùng là Chủ tịch Công ty VCBM	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009_6 ngày 15/06/2009 do chính quyền bang Nevada, Hoa Kỳ cấp	12112 Brookhurst street, suite 11, Garden Grove, CA 92840, United States	11/10/2024	Nghị quyết số 425/NQ-VCB-HĐQT ngày 06/09/2024	Giao dịch cung cấp dịch vụ đào tạo của chương trình “Nâng cao chất lượng tuân thủ PCRT/CTTKB và tuân thủ cấm vận”
11	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CB)	Ngân hàng do VCB thực hiện quyền sở hữu theo phương án chuyển giao bắt buộc (CGBB)	Giấy phép hoạt động số 0047/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/12/1993	145-147-149 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	25/12/2024	Nghị quyết 632/NQ-VCB-HĐQT ngày 25/12/2024	Phê duyệt giới hạn tín dụng đối với CB
12	Ngân hàng thương mại TNHH MTV Xây dựng Việt Nam (CB)	Ngân hàng do VCB thực hiện quyền sở hữu theo phương án CGBB	Giấy phép hoạt động số 0047/NH-GP do NHNN cấp ngày 29/12/1993	145-147-149 Hùng Vương, Phường 2, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An, Việt Nam	31/12/2024	Nghị quyết 652/NQ-VCB-HĐQT ngày 31/12/2024	Phê duyệt chủ trương và thẩm quyền thực hiện giao dịch với CB
13	Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (VCB Lào)	– Công ty con – PTGD Hồ Văn Tuấn là Chủ tịch HĐQT VCB Lào	Giấy phép hoạt động số 17/BOL ngày 30/08/2024 do Ngân hàng Nhà nước Lào cấp	Nhà số 12, Lô 15, Đại lộ Lanexang, Bản Hatsadee-Tai, Quận Chanthabouly,Viêng Chăn, Lào	30/12/2024	Nghị quyết 651/NQ-VCB-HĐQT ngày 30/12/2024	Phê duyệt chủ trương và thẩm quyền thực hiện giao dịch nhận tiền gửi với VCB Lào

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

VCB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các quy định nội bộ về quản trị công ty. Trong năm 2024, VCB đã thực hiện đầy đủ và kịp thời việc CBTT đúng hạn báo cáo tình hình quản trị công ty 6 tháng/ cả năm, báo cáo thường niên và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật. VCB cũng vinh dự được nằm trong danh sách 50 Doanh nghiệp niêm yết tiên phong và cam kết nâng cao quản trị công ty Việt Nam

– VNCG50 do Viện Thành viên Hội đồng quản trị Việt Nam VIOD công bố. Trong thời gian tới, VCB sẽ tiếp tục cải thiện và nâng cao hoạt động quản trị công ty thông qua việc cập nhật và áp dụng các chuẩn mực quốc tế, tăng cường công tác đào tạo về quản trị cho các cấp lãnh đạo, tiếp tục kiện toàn và tăng cường vai trò giám sát của BKS trong quản trị nội bộ,...

Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Tiếp xúc nhà đầu tư

Dẫn đầu về chất lượng tài sản, hiệu quả hoạt động và là công ty đại chúng có vốn hóa lớn nhất Việt Nam, hoạt động quan hệ nhà đầu tư luôn được VCB chú trọng, chuyên nghiệp hóa và hướng đến những chuẩn mực quốc tế tốt nhất. Ngân hàng đã thực hiện gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi với cổ đông, nhà đầu tư, chuyên gia phân tích để cập nhật tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh, chiến lược của VCB cũng như trao đổi về bối cảnh kinh tế vĩ mô, tình hình tài chính – ngân hàng và môi trường kinh doanh tại Việt Nam. Trong năm 2024, VCB đã thực hiện 4 cuộc họp công bố kết quả kinh doanh định kỳ hàng quý, 53 cuộc tiếp xúc với 660 nhà đầu tư, chuyên gia phân

tích trong và ngoài nước, tham dự 12 sự kiện nhà đầu tư, 4 trong nước và 8 tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới (Singapore, Hongkong, Seoul,...). Các hoạt động này của VCB luôn được các công ty chứng khoán, nhà đầu tư đánh giá cao về chất lượng cũng như mức độ chuyên nghiệp, bài bản. Qua đó, thông tin về hoạt động kinh doanh của VCB được truyền tải đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời, chính xác tới nhà đầu tư và thị trường, góp phần giữ vững vị thế đứng đầu về giá trị vốn hóa cũng như hiệu quả đầu tư của cổ phiếu VCB, vượt lên những biến động bất lợi trên thị trường chứng khoán nói chung.

Hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Nhận thức rõ vai trò của thông tin minh bạch, kịp thời về tình hình hoạt động của doanh nghiệp đối với nhà đầu tư, hoạt động công bố thông tin tại VCB luôn nhận được nhiều sự quan tâm, chú trọng. VCB đã thực hiện công bố chính xác, kịp thời và đầy đủ các nội dung thông tin định kỳ, bất thường

về hoạt động ngân hàng bằng cả Tiếng Việt và Tiếng Anh, đảm bảo tuân thủ theo quy định cũng như gia tăng niềm tin của cổ đông và nhà đầu tư thông qua việc kịp thời nắm bắt và cập nhật được tình hình hoạt động cũng như những kế hoạch, chiến lược của VCB.



Những thành tựu trong năm 2024

Với sự quyết tâm và nỗ lực của cả hệ thống, VCB đã hoàn thành tốt chỉ tiêu kinh doanh trọng yếu và tiếp tục giữ vững vị trí số 1 về lợi nhuận trong hệ thống ngân hàng với chất lượng tài sản được kiểm soát tốt. Năm 2024, lợi nhuận trước thuế của VCB đạt kỷ lục 42,2 nghìn tỷ đồng, cao nhất ngành với chỉ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu bình quân (ROAE) duy trì ở mức tốt (~18,7%). Về quản trị rủi ro, trong bối cảnh tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều biến động, VCB tiếp tục duy trì quan điểm điều hành thận trọng, kiểm soát tốt chất lượng tài sản, thể hiện ở tỷ lệ nợ xấu ở mức 0,97%, tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng thuộc nhóm cao nhất hệ thống ngân hàng với 223%.

Với những thành tựu nổi bật trong năm 2024, VCB đã nhận được sự ghi nhận tích cực từ các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế và trong nước. Fitch Ratings, Moody's và S&P xếp hạng VCB ở mức cao nhất trong các ngân hàng thương mại Việt Nam với triển vọng ổn định, tương đương mức tín nhiệm quốc gia. Theo đó, định hạng tín nhiệm nhà phát hành dài hạn, Fitch Ratings, Moody's và S&P lần lượt xếp hạng VCB tương ứng ở các mức BB+, Ba2, BB.

Bên cạnh đó, VCB tiếp tục được nhận hàng loạt các giải thưởng thường niên danh giá như: 04/04 hạng mục trao giải của Ban tổ chức giải thưởng danh giá HRAA; lần thứ 9 liên tiếp được Anphabe công nhận là Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam; Ngân hàng có giá trị thương hiệu lớn nhất Việt Nam hai năm liên tiếp theo Brand Finance; Ngân hàng mạnh nhất Việt Nam lần thứ 7 liên tiếp theo The Asian Banker;

12 năm liên tiếp đứng trong danh sách 50 công ty niêm yết tốt nhất Việt Nam theo Forbes;... Những giải thưởng và phản hồi tích cực từ nhà đầu tư là minh chứng cho những cống hiến và nỗ lực không mệt mỏi trong công tác quan hệ nhà đầu tư những năm qua, nhằm hướng tới xây dựng hình ảnh thương hiệu VCB minh bạch và chuyên nghiệp.

Đáng chú ý, VCB liên tục là nhóm ngân hàng dẫn đầu về thực hành ESG tại Việt Nam và nằm trong Top 20 doanh nghiệp niêm yết có chỉ số Phát triển bền vững tốt nhất thị trường (VNSI) năm 2024. VCB cũng đã phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu xanh để tài trợ các dự án thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường và mang lại lợi ích về môi trường. Sự kiện đánh dấu một NHTM đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu xanh đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế, được đánh giá cao với xếp hạng Medium Green (mức thứ 2/6 bậc theo Khung đánh giá Shade of Green của S&P Global).

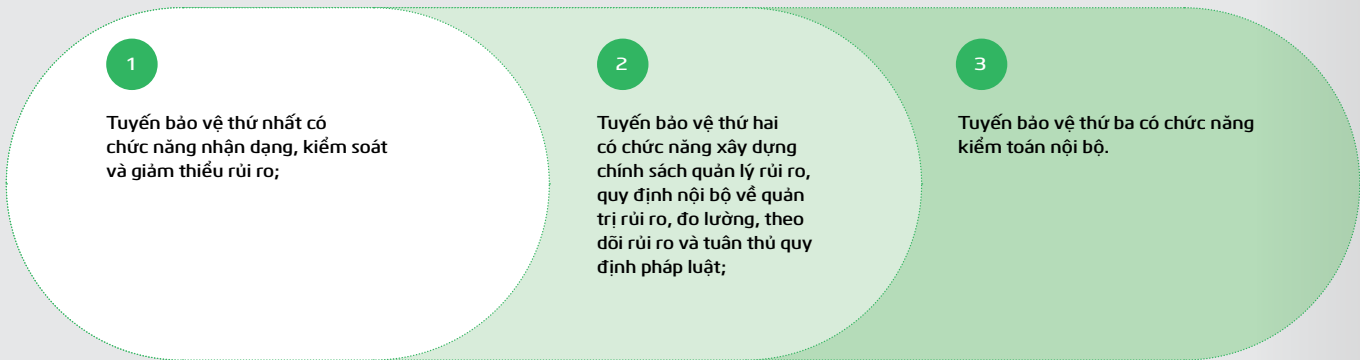
Năm 2024, VCB tiếp tục triển khai kế hoạch tăng vốn điều lệ do Đại hội đồng cổ đông giao, thông qua việc phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại song song với việc tích cực các bước thực hiện kế hoạch phát hành cổ phiếu riêng lẻ, giúp nâng cao mức vốn điều lệ và năng lực tài chính của VCB.

QUẢN TRỊ RỦI RO

Nhằm giữ vững mục tiêu chiến lược là ngân hàng quản trị rủi ro tốt nhất Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động nâng cao văn hóa quản trị rủi ro, tiên phong trong nghiên cứu, áp dụng các mô hình, phương thức quản trị rủi ro tiên tiến theo chuẩn mực quốc tế, định hướng của Cơ quan quản lý, cũng như nhu cầu quản trị nội bộ.

Thông tin chung

Về cơ cấu tổ chức, Vietcombank thường xuyên rà soát, kiện toàn bộ máy quản trị rủi ro phù hợp với nguyên tắc ba tuyến bảo vệ:



Đồng thời, Ngân hàng tăng cường, nâng cao vai trò, hoạt động của các Ủy ban, Hội đồng, Bộ phận trong công tác quản lý rủi ro, như: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng rủi ro, Bộ phận Quản lý rủi ro, Bộ phận Tuân thủ, Kiểm toán nội bộ... qua đó nâng cao hiệu quả kiểm soát rủi ro, đồng thời hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả tốt nhất cho Ngân hàng.

Các văn bản, chính sách, quy định, hướng dẫn về quản lý rủi ro được Vietcombank liên tục rà soát, cập nhật định kỳ hoặc ban hành mới nhằm đáp ứng các yêu cầu, định hướng của Cơ quan quản lý (như Luật các tổ chức tín dụng mới và Thông tư hướng dẫn dưới luật của Ngân hàng Nhà nước có hiệu lực 01/7/2024...), cũng như thực trạng hoạt động của Ngân hàng.

Vietcombank cũng chú trọng trong nghiên cứu, xây dựng các công cụ, mô hình đo lường rủi ro theo các phương pháp tiên tiến. Các mô hình lượng hóa rủi ro đã được xây dựng với tỷ lệ bao phủ gần như toàn bộ danh mục của Ngân hàng. Bên cạnh đó, các hệ thống công nghệ thông tin hỗ trợ cũng thường xuyên được Vietcombank nâng cấp nhằm đáp ứng tốt nhất yêu cầu quản trị. Công tác rà soát và nâng cao chất lượng dữ liệu tại Vietcombank được chú trọng và duy trì thường xuyên, liên tục nhằm đáp ứng yêu cầu về kiểm soát chất lượng cũng như tính đầy đủ của dữ liệu. Vietcombank xác định mục tiêu đảm bảo chất lượng dữ liệu là mục tiêu ưu tiên hàng đầu trong giai đoạn này để duy trì và nâng cao khả năng cạnh tranh của Ngân hàng.

Năm 2024, trong bối cảnh tình hình kinh tế – xã hội trong nước còn nhiều khó khăn, Vietcombank vẫn tiếp tục duy trì hoạt động kinh doanh hiệu quả và tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện các giải pháp nâng cao công tác quản lý rủi ro cho Ngân hàng.

Tiếp nối thành công là Ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận cho phép áp dụng Thông tư 41/2016/TT-NHNN trước thời hạn quy định, cũng như hoàn thành việc đánh giá nội bộ về mức đủ vốn (ICAAP – Trụ cột 2 Basel II), ngoài việc vận hành công tác quản

lý rủi ro và tính vốn theo chuẩn mực Basel II phương pháp tiêu chuẩn, Vietcombank tiếp tục chủ động nghiên cứu, triển khai các giải pháp, sáng kiến liên quan đến Basel II theo phương pháp nâng cao, cũng như nghiên cứu, chuẩn bị các năng lực cần thiết để triển khai, áp dụng Basel III. Qua đó, Vietcombank hướng đến trở thành ngân hàng tiên phong tại Việt Nam đáp ứng các chuẩn mực Basel cao hơn ngay khi Ngân hàng Nhà nước ban hành quy định, hướng dẫn chính thức.

Cũng trong năm 2024, Vietcombank tiếp tục đẩy mạnh triển khai các sáng kiến chiến lược nhằm tiếp tục giữ vững mục tiêu là Ngân hàng quản trị rủi ro hàng đầu Việt Nam.



Công tác quản lý các loại hình rủi ro trọng yếu tại Vietcombank trong năm 2024

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng bao gồm:

1

Rủi ro tín dụng (là rủi ro do khách hàng không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng hoặc thỏa thuận với ngân hàng).

2

Rủi ro tín dụng đối tác (là rủi ro do đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trước hoặc khi đến hạn của các giao dịch tự doanh; giao dịch repo và giao dịch reverse repo; giao dịch sản phẩm phái sinh để phòng ngừa rủi ro; giao dịch mua bán ngoại tệ, tài sản tài chính để phục vụ nhu cầu của khách hàng, đối tác và các giao dịch để đối ứng với các giao dịch này).

Khung quản lý rủi ro tín dụng của Vietcombank bao gồm cơ cấu tổ chức, các chính sách, quy trình, mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng, hạn mức và báo cáo rủi ro tín dụng. Một số kết quả quản lý rủi ro tín dụng chính trong thời gian vừa qua có thể kể đến như sau:

- Vận hành hiệu quả hệ thống khung dấu hiệu cảnh báo sớm (“EWS”) đối với khách hàng doanh nghiệp giúp đánh giá và nhận diện sớm các khách hàng doanh nghiệp tiềm ẩn rủi ro, kịp thời đưa ra các biện pháp phòng ngừa, nhằm nâng cao chất lượng danh mục tín dụng của Ngân hàng. Bên cạnh đó, trong năm 2024, Ngân hàng đã hoàn thiện xây dựng mô hình định lượng cảnh báo sớm đối với khách hàng bán lẻ và đang triển khai tin học hóa mô hình, để tăng cường nhận diện sớm các khách hàng bán lẻ tiềm ẩn rủi ro.
- Rà soát thường xuyên, điều chỉnh kịp thời hệ thống các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng nhằm phù hợp với quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Đặc biệt trong 2024, nhằm đáp ứng quy định của Luật các tổ chức tín dụng mới và Thông tư hướng dẫn dưới luật của Ngân hàng nhà nước có hiệu lực 01/7/2024, Vietcombank đã kịp thời rà soát, điều chỉnh và ban hành mới các văn bản chính sách về quản lý rủi ro tín dụng: (i) quy định khung về quản lý rủi ro tín dụng; (ii) quy định về giới hạn tín dụng đối với một khách hàng/nhóm khách hàng; (iii) quy định về thẩm quyền phê duyệt tín dụng; (iv) quy định về người có liên quan; (v) quy định về nghiệp vụ thư tín dụng; (vi) quy định về cho vay; (vii) quy định về bao thanh toán;...
- Nâng cấp, xây dựng và triển khai các mô hình lượng hóa rủi ro tín dụng theo Basel II; nghiên cứu tiến tới đáp ứng Basel III; từng bước đưa vào ứng dụng trong các chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động điều hành kinh doanh.
- Tiếp tục nâng cao chất lượng, tính kịp thời và chủ động trong công tác quản lý danh mục tín dụng thông qua việc triển khai các báo cáo quản trị đa chiều phù hợp với thực tế diễn biến tình hình kinh tế vĩ mô và đặc thù danh mục tín dụng của Vietcombank. Đồng thời, triển khai, hoàn thiện các chương trình, dự án, sáng kiến nhằm nâng cao năng lực quản trị và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý danh mục tín dụng.
- Xây dựng, rà soát định hướng ngành kinh tế trên cơ sở đánh giá các diễn biến, tác động vĩ mô và phân tích danh mục để thực hiện điều chỉnh kịp thời góp phần hỗ trợ công tác phát triển kinh doanh, xây dựng kế hoạch tín dụng, cũng như thẩm định, rà soát và phê duyệt tín dụng.
- Cải thiện chất lượng, cập nhật thường xuyên thông tin về nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan nhằm mục tiêu quản trị, kiểm soát rủi ro trong cấp tín dụng đối với danh mục nhóm khách hàng có mối quan hệ liên quan, đặc biệt là nhóm khách hàng trọng yếu theo khẩu vị rủi ro riêng của Vietcombank.
- Xây dựng, theo dõi và quản lý hạn mức rủi ro tín dụng, bao gồm: (i) Hạn mức cấp tín dụng theo đối tượng khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế trên cơ sở khả năng trả nợ của khách hàng, rủi ro tín dụng của ngành, lĩnh vực kinh tế; (ii) Hạn mức cấp tín dụng theo sản phẩm, hình thức bảo đảm trên cơ sở rủi ro tín dụng tương ứng của sản phẩm, hình thức bảo đảm.



Đồng thời trong bối cảnh kinh tế vĩ mô chịu sự tác động của kinh tế thế giới với biến động nhanh, khó lường ảnh hưởng đến toàn bộ nền kinh tế và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, người dân, Vietcombank đã duy trì đồng bộ các giải pháp về chính sách/quy định và hệ thống công nghệ tiên tiến, đồng thời thường xuyên đánh giá chất lượng danh mục tín dụng. Mặc dù gặp những khó khăn chung của nền kinh tế ảnh hưởng đến chất lượng tín dụng của Ngân hàng, nhưng Vietcombank vẫn đảm bảo chất lượng tín dụng được kiểm soát, cho thấy Vietcombank đã khẳng định vị thế một Ngân hàng vững mạnh về tài chính, tiếp tục duy trì hoạt động tín dụng an toàn, hiệu quả.

Quản lý rủi ro hoạt động

Khung quản lý rủi ro hoạt động (QLRRHĐ) của Vietcombank bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức, văn hóa quản lý rủi ro, hệ thống các chính sách, quy trình QLRRHĐ, khẩu vị, hạn mức rủi ro hoạt động, các công cụ, hệ thống và báo cáo QLRRHĐ. Khung QLRRHĐ liên tục được nâng cấp, kiện toàn và triển khai đầy đủ, bảo đảm tuân thủ quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, theo tiêu chuẩn tiên tiến Basel II, hướng đến đáp ứng tiêu chuẩn Basel III và phù hợp với thực tiễn hoạt động của Ngân hàng.

Năm 2024, Vietcombank tiếp tục chú trọng, tăng cường công tác QLRRHĐ với mục tiêu giảm thiểu tổn thất rủi ro hoạt động để bảo vệ Ngân hàng, cổ đông và khách hàng. Các cấu phần thuộc khung QLRRHĐ, đặc biệt là các công cụ QLRRHĐ (như công tác báo cáo sự cố, tự đánh giá rủi ro và các chốt kiểm soát, xây dựng và theo dõi các chỉ số rủi ro hoạt động chính (KRI), đánh giá rủi ro sản phẩm, quy trình mới) tiếp tục được triển khai đồng bộ nhằm nhận dạng, đo lường, theo dõi và kiểm soát đầy đủ, kịp thời rủi ro hoạt động trong tất cả các sản phẩm, hoạt động kinh doanh, quy trình nghiệp vụ, hệ thống công nghệ thông tin và các hệ thống quản lý khác của Ngân hàng. Ngân hàng luôn chú trọng chủ động nhận diện, giám sát thường xuyên, ưu tiên các giải pháp giám sát, kiểm soát sớm để kịp thời ngăn chặn các rủi ro hoạt động tiềm ẩn gây tổn thất cho hoạt động ngân hàng, góp phần hỗ trợ hiệu quả hoạt động kinh doanh và bảo đảm an toàn hoạt động.

Bên cạnh đó, Vietcombank cũng thường xuyên cải thiện những hành động cụ thể để quản lý rủi ro hoạt động, bao gồm đẩy mạnh triển khai khung quản lý rủi ro gian lận, khung quản lý rủi ro công nghệ thông tin, QLRRHĐ đối với hoạt động thuê ngoài, và quản lý kinh doanh liên tục. Ngoài các biện pháp phòng ngừa, phát hiện và giảm thiểu rủi ro hoạt động, Vietcombank tiếp tục thực hiện chuyển giao rủi ro hoạt động thông qua các gói bảo hiểm đối với tài sản của ngân hàng như một biện pháp bổ sung để quản lý rủi ro hoạt động và bảo vệ Ngân hàng trước nguy cơ tổn thất nghiêm trọng. Văn hóa QLRRHĐ của Vietcombank tiếp tục được củng cố, phát triển thông qua công tác đào tạo nâng cao về QLRRHĐ, về quy tắc ứng xử cho toàn bộ người lao động, đào tạo cơ bản về QLRRHĐ cho toàn bộ nhân viên mới, và xây dựng một môi trường lao động gắn kết, tuân thủ, có trách nhiệm để ngăn ngừa rủi ro.

Quản lý rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro do biến động bất lợi của giá thị trường bao gồm nhưng không giới hạn tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán và giá hàng hoá đối với giá trị danh mục tài sản tài chính của ngân hàng. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro lãi suất và rủi ro giá cổ phiếu trên Sổ kinh doanh; rủi ro ngoại hối, rủi ro giá hàng hóa trên Sổ kinh doanh và Sổ ngân hàng.

Khung quản lý rủi ro thị trường của Vietcombank là sự kết hợp chặt chẽ giữa cơ cấu tổ chức, chính sách, quy trình, mô hình và công cụ quản trị rủi ro, thiết lập và giám sát hạn mức, phân tích và báo cáo rủi ro. Vietcombank áp dụng các đại lượng đo lường (định giá, độ nhạy, giá trị chịu rủi ro VaR, lãi/lỗ theo giá thị trường, kiểm tra hồi tố VaR, kiểm tra sức chịu đựng, tính toán vốn yêu cầu cho rủi ro thị trường theo Thông tư 41) theo thông lệ quốc tế đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Ngân hàng. Việc quản lý rủi ro thị trường được thực hiện chi tiết đến từng đơn vị kinh doanh, nghiệp vụ trên cơ sở xác định từng hồ sơ rủi ro nói riêng và khẩu vị rủi ro của Vietcombank nói chung. Trên cơ sở khung quản lý rủi ro thị trường đồng bộ, Vietcombank có thể chủ động phòng ngừa rủi ro nhằm hạn chế các tác động bất lợi của biến động thị trường.

Trong năm 2024, Vietcombank tiếp tục rà soát, định kỳ cập nhật khung quản lý rủi ro thị trường đáp ứng quy định của pháp luật, nhu cầu của đơn vị kinh doanh đối với các sản phẩm mới, đẩy mạnh nghiên cứu và triển khai thử nghiệm các chuẩn mực quốc tế cao hơn như Basel III (tính vốn cho rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng đối tác theo phương pháp tiêu chuẩn Basel, tính vốn cho rủi ro điều chỉnh tín dụng theo phương pháp cơ bản rút gọn), ứng dụng chuyển đổi số, tăng cường tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý rủi ro thị trường.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh do

Khung quản trị rủi ro thanh khoản của Vietcombank đã được thiết lập đầy đủ bao gồm cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro theo thông lệ quốc tế, các tiêu chuẩn tiên tiến về Basel, đồng thời tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Ngân hàng Nhà nước về tỷ lệ khả năng chi trả và thanh khoản trong hoạt động ngân hàng. Các quy định, quy trình, hạn mức, công cụ quản lý rủi ro thanh khoản ... đều được rà soát và cập nhật hàng năm để kịp thời sửa đổi đáp ứng yêu cầu của cơ quan quản lý và thực tế triển khai trong nội bộ Ngân hàng.

Trong năm 2024, Vietcombank luôn đảm bảo an toàn thanh khoản trong khi vẫn tối ưu hiệu quả kinh doanh trong bối cảnh duy trì lãi suất thấp trong cả năm để hỗ trợ nền kinh tế theo định hướng của Ngân hàng Nhà nước. Ngoài việc theo dõi, kiểm soát rủi ro thanh khoản chặt chẽ hàng ngày, Vietcombank đã tổ chức diễn tập kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) nhằm đảm bảo các cấp/phòng/ban/bộ phận nắm vững vai trò, trách nhiệm của đơn vị khi xảy ra tình huống khẩn cấp. Đồng thời, Vietcombank đã thực hiện quản lý rủi ro thanh khoản theo Basel III thông qua việc định kỳ đo lường, giám sát và báo cáo về tỷ lệ NSFR và LCR quy VND.



Quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng

Rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của ngân hàng phát sinh do:



1
Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ xác định lại lãi suất;

2
Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm tái định giá;

3
Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;

4
Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Đối với công tác quản trị rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng, Vietcombank đã thiết lập hệ thống chính sách, quy trình, hướng dẫn, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và kiểm soát báo cáo rủi ro theo các thông lệ quốc tế như Basel II và hướng dẫn đến đáp ứng Basel III cũng như tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước tại Thông tư 13/2018/TT-NHNN.

Vietcombank áp dụng các công cụ, hạn mức quản lý rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng vào hoạt động quản trị (quản lý trạng thái chênh lệch kỳ hạn tái định giá giữa tài sản có nhạy cảm lãi suất và tài sản nợ nhạy cảm lãi suất và các khoản mục ngoại bảng nhạy cảm lãi suất trên sổ Ngân hàng; thay đổi thu nhập lãi thuần (thay đổi NII) và thay đổi giá trị kinh tế của vốn chủ sở hữu (thay đổi EVE)). Ngoài ra, Vietcombank cũng sử dụng sản phẩm phái sinh phù hợp để giảm thiểu tác động tiêu cực của biến động lãi suất.

Trong năm 2024, Vietcombank luôn theo dõi, giám sát các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng đảm bảo các hạn mức rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng luôn duy trì trong giới hạn đã thiết lập.

Quản lý rủi ro tập trung

Rủi ro tập trung là rủi ro do ngân hàng có hoạt động kinh doanh tập trung vào một khách hàng (bao gồm người có liên quan), đối tác, sản phẩm, giao dịch, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tiền tệ ở mức độ có tác động đáng kể đến thu nhập, trạng thái rủi ro theo quy định nội bộ của ngân hàng. Rủi ro tập trung bao gồm rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng và rủi ro tập trung đối với hoạt động giao dịch tự doanh.

Vietcombank đã thiết lập khung quản trị rủi ro tập trung đầy đủ, bao gồm mô hình, cơ cấu tổ chức quản trị, hệ thống văn bản chính sách, quy trình, quy định, hạn mức toàn diện nhằm nhận diện, đo lường, giám sát và báo cáo rủi ro đảm bảo tuân thủ các quy định của Ngân hàng Nhà nước, cũng như quy định nội bộ của Vietcombank.

Trong công tác quản lý rủi ro tập trung đối với hoạt động cấp tín dụng, Vietcombank chủ trương đa dạng hóa danh mục cấp tín dụng theo các nguyên tắc sau:

1

Xác định hạn mức rủi ro tập trung tín dụng cho sản phẩm tín dụng, khách hàng, ngành, lĩnh vực kinh tế, loại tài sản bảo đảm;

2

Xác định người có liên quan của khách hàng theo quy định của pháp luật và theo định danh của Ngân hàng;

3

Xác định mức độ đa dạng và mức độ tương tác giữa các sản phẩm tín dụng, ngành, lĩnh vực kinh tế.

Trong năm 2024, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tín dụng luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục nâng cao phương pháp luận về Khung kiểm tra sức chịu đựng về vốn đối với rủi ro tín dụng và rủi ro tập trung tín dụng nhằm tối ưu hoá nguồn vốn trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Đối với rủi ro tập trung trong hoạt động giao dịch tự doanh, Vietcombank đã triển khai công cụ quản lý dựa trên các tiêu chí xác định danh mục giao dịch tự doanh qua đó thiết lập hạn mức đảm bảo mức độ đa dạng, mức độ tương tác. Các hạn mức được thiết lập dựa trên mức tối đa của tỷ trọng giữa số dư của sản phẩm, loại tiền tệ và đối tác giao dịch so với tổng số dư giao dịch tự doanh. Trong năm 2024, Vietcombank luôn giám sát, theo dõi sát sao các hạn mức này nhằm đảm bảo các hạn mức rủi ro tập trung tự doanh luôn duy trì trong hạn mức đã thiết lập. Ngoài ra, các phương pháp đo lường và hạn mức rủi ro được Vietcombank rà soát/cập nhật để đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật, khẩu vị rủi ro cũng như đáp ứng nhu cầu kinh doanh của Ngân hàng.



Dấu ấn Tầm nhìn
Đổi mới Sáng tạo không ngừng



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 94 Tổng quan
- 100 Các nội dung về phát triển bền vững
- 120 Các hoạt động an sinh xã hội

TỔNG QUAN

Năm 2024, Hội nghị Công ước khung của Liên hợp quốc về Biến đổi Khí hậu lần thứ 29 (COP29) được diễn ra tại Baku, Azerbaijan với gần 57.000 người đăng ký tham dự. Hội nghị diễn ra hàng năm và là diễn đàn ra quyết định đa phương duy nhất trên thế giới về biến đổi khí hậu, quy tụ hầu hết mọi quốc gia trên thế giới. Hội nghị COP29 là sự kiện quốc tế lớn quan trọng, được cộng đồng quốc tế đặc biệt quan tâm trong bối cảnh biến đổi khí hậu diễn biến hết sức phức tạp, khó lường, tác động ngày càng nghiêm trọng trên phạm vi toàn cầu, ảnh hưởng đến phát triển bền vững của các nước và sinh kế của người dân, đòi hỏi các quốc gia hành động khẩn trương, mạnh mẽ và tăng cường hợp tác quốc tế, phối hợp hành động để đạt được mục tiêu đề ra trong thỏa thuận Paris.

Việt Nam đã cập nhật NDC năm 2020, tiếp tục cập nhật 2022 và đã công bố Thông báo quốc gia lần thứ ba của Việt Nam cho UNFCCC phù hợp với lộ trình đạt mục tiêu phát thải ròng bằng “0”; đưa trách nhiệm thực hiện NDC vào Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật khác để toàn dân thực hiện. Đến với Hội nghị COP 29, Việt Nam ủng hộ quan điểm các nước phát triển cần đảm bảo mục tiêu tài chính thu, cũng như các khoản chi tiêu qua các báo cáo hằng năm. Đồng thời, Việt Nam đề xuất ba nội dung. Thứ nhất, các nước phát triển cần đi đầu trong thực hiện trách nhiệm của mình; phải cắt giảm mạnh mẽ đưa mức phát thải ròng về “0” trước năm 2040, sớm hơn đáng kể so với các nước đang phát triển. Thứ hai, các quốc gia cần triển khai Đóng góp do quốc gia tự quyết định cho giai đoạn hiện nay và khẩn trương xây dựng NDC3.0 cho giai đoạn tiếp theo. Thứ ba, cần thúc đẩy hợp tác quốc tế, phát huy vai trò trung tâm của Liên Hợp quốc trong ứng phó với biến đổi khí hậu, bao gồm thực hiện Sáng kiến về Cảnh báo sớm

cho tất cả với trọng tâm là hỗ trợ các quốc gia đang phát triển hoàn thiện Hệ thống Cảnh báo sớm, ứng phó với thiên tai.

Nhận thức tầm quan trọng của phát triển bền vững trong hoạt động ngân hàng, NHNN đã ban hành nhiều cơ chế chính sách nhằm thúc đẩy phát triển ngân hàng xanh, hoạt động tín dụng xanh và phát triển bền vững. NHNN cũng đang xây dựng Sổ tay hướng dẫn đánh giá các rủi ro môi trường và xã hội cho 15 ngành kinh tế có rủi ro môi trường và xã hội cao nhất... Công đoàn ngành Ngân hàng Việt Nam đã tổ chức hội thi “Ngân hàng xanh cho cuộc sống xanh” vào ngày 13-14/11/2024. Đây là cuộc thi chuyên môn nghiệp vụ lớn, lần đầu tiên được tổ chức trên phạm vi toàn ngành nhằm lan tỏa hình ảnh ngành Ngân hàng phát triển bền vững, tiên phong triển khai mạnh mẽ các hoạt động vì cộng đồng nói chung, hướng tới xây dựng tương lai xanh bền vững nói riêng.

Với định hướng đến năm 2030 giữ vững vị trí số 1 tại Việt Nam, đứng trong 200 tập đoàn tài chính ngân hàng lớn nhất thế giới, 700 doanh nghiệp niêm yết lớn nhất toàn cầu và đóng góp lớn vào sự phát triển bền vững của Việt Nam, Vietcombank đặt mục tiêu dẫn đầu về quản trị môi trường, xã hội và doanh nghiệp (ESG) thông qua Hệ thống Quản lý Môi trường Xã hội (ESMS) và Hệ thống Quản lý rủi ro Môi trường Xã hội theo định hướng các Chỉ số Phát triển bền vững tại Việt Nam của Bộ tiêu chuẩn VNSI, từng bước hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững về Môi trường Quản trị Xã hội (ESG) theo các chuẩn mực quốc tế GRI, TCFD.



Với những nỗ lực trong thời gian qua, năm 2024 Vietcombank tiếp tục lọt vào Top 20 doanh nghiệp có Chỉ số phát triển bền vững tốt nhất tại Việt Nam (VNSI). Thành công này là sự ghi nhận những nỗ lực không ngừng của Vietcombank trong các cam kết góp sức cùng Chính phủ Việt Nam thực hiện chiến lược phát triển bền vững, đề cao tính minh bạch, trách nhiệm và kiến tạo giá trị chung cho cộng đồng. Tổng điểm các hạng mục đánh giá của Vietcombank năm 2024 có sự gia tăng cho thấy ngân hàng đã chủ động rà soát và từng bước cải thiện các tiêu chí về chính sách, hệ thống quản lý, chỉ số hiệu suất môi trường, xã hội, quản trị công ty, công bố và minh bạch thông tin.





Phạm vi báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của Vietcombank là bức tranh tổng thể về hoạt động của Ngân hàng bao gồm Trụ sở chính tại Hà Nội, các Chi nhánh, công ty con, văn phòng đại diện và phòng giao dịch trên toàn quốc. Thông tin và dữ liệu sử dụng để công bố thông tin được cập nhật theo năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01/01/2024 đến kết thúc ngày 31/12/2024.

Tiêu chuẩn áp dụng

Báo cáo phát triển bền vững này được lập dựa trên tham chiếu theo các tiêu chuẩn của Hướng dẫn lập Báo cáo phát triển bền vững của Tổ chức sáng kiến báo cáo toàn cầu (Global Reporting Initiative – GRI) với 4 cấu phần chính: Thông tin chung, các tiêu chuẩn về kinh tế (GRI 200), các tiêu chuẩn về xã hội (GRI 300) và các tiêu chuẩn về môi trường (GRI 400). Bên cạnh đó, Báo cáo cũng đề cập đến sự tuân thủ của Vietcombank đối với các yêu cầu công khai thông tin về chính sách quản trị công ty (GRI 100).

Sự tham gia của các bên liên quan

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2024
CỔ ĐÔNG / NHÀ ĐẦU TƯ		
Đại hội đồng cổ đông	Thường niên hoặc bất thường	- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 4 năm 2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường vào tháng 8 năm 2024. - Cung cấp, đăng tải đầy đủ toàn bộ các tài liệu, nội dung, chương trình họp để cổ đông nghiên cứu trước khi tham dự họp Đại hội.
Cập nhật thông tin định kỳ qua website IR, trực tiếp, điện thoại, email	Hàng quý hoặc thường xuyên khi có phát sinh	- Cam kết bảo đảm quyền lợi phi tài chính, minh bạch thông tin cho các cổ đông. - Thực hiện công bố kịp thời, chính xác, đầy đủ nội dung thông tin định kỳ, bất thường về hoạt động của Vietcombank theo quy định. - Định kỳ hàng quý tổ chức hội nghị công bố kết quả kinh doanh và cập nhật bộ tài liệu giới thiệu về ngân hàng để nhà đầu tư/cổ đông theo dõi thông tin. - Làm việc thường xuyên, liên tục với các tổ chức định hạng tín nhiệm hàng đầu thế giới như Moody’s, Fitch, S&P để cập nhật về tình hình hoạt động của ngân hàng. - Duy trì đối thoại với Nhà đầu tư thông qua các kênh tiếp xúc trực tiếp, trực tuyến, email, điện thoại để kịp thời nắm bắt mối quan tâm của Nhà đầu tư.
Gặp gỡ các nhà đầu tư	Hàng quý và thường xuyên khi có phát sinh	- Thực hiện tiếp xúc với hơn 600 Nhà đầu tư trong năm 2024. - Tham gia 8 sự kiện đầu tư được tổ chức tại các thị trường tài chính lớn trên thế giới.
KHÁCH HÀNG		
Trung tâm hỗ trợ khách hàng và số hotline hoạt động 24/7	24/7	- Tiếp nhận và xử lý 24/7 các thông tin, yêu cầu của khách hàng thông qua các kênh hỗ trợ khách hàng bao gồm: điện thoại tổng đài, website VCB, email doanh nghiệp, mạng xã hội, ứng dụng ngân hàng số với tính chính xác, kịp thời, và đạt hiệu quả cao. - Thường xuyên đổi mới, cải tiến để nâng cao chất lượng dịch vụ hỗ trợ khách hàng. Tỷ lệ cuộc gọi rút đạt mức 11,95% phù hợp với tiêu chuẩn chất lượng chung của Contact Center. - Triển khai nhiều dịch vụ ứng dụng công nghệ hiện đại, đầu tư hệ thống giải pháp trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence) trong hoạt động để tăng mức độ an toàn, bảo mật đồng thời tối ưu trải nghiệm của khách hàng.
Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng	Hàng quý	- Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của khách hàng định kỳ hàng quý trong năm 2024. - Với phương thức khảo sát đa dạng theo thời gian thực (Pop-up, OTT, Qrcode), cùng bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế nhất quán và liền mạch giữa các kênh phục vụ, VCB đã thực hiện 65 chương trình khảo sát và nhận được hơn 1 triệu lượt phản hồi từ phía Khách hàng, trong đó 94% Khách hàng đánh giá hài lòng và rất hài lòng. Các ý kiến của Khách hàng được VCB lắng nghe, phân tích thấu đáo và ứng xử kịp thời nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ Khách hàng.

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2024
NGƯỜI LAO ĐỘNG		
Khảo sát mức độ hài lòng	Thường niên	Thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của người lao động năm 2024.
Hội nghị người lao động thường niên	Thường niên	Tổ chức thành công hội nghị người lao động thường niên.
Ấn phẩm nội bộ, bản tin nội bộ	Hàng ngày và định kỳ (tháng, quý)	Website cập nhật thông tin hàng ngày; Bản tin hình, Bản tin nội bộ phát hành hàng tháng; Đặc san Người Dẫn Đầu phát hành hàng quý.
Trao đổi với Công đoàn	Thường niên	Tổ chức thành công Hội nghị Ban chấp hành công đoàn Vietcombank định kỳ; thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Ban Lãnh đạo và Ban Thường vụ Công đoàn Vietcombank ban hành kèm theo Nghị quyết liên tịch số 555/NQLT-BLĐ-BTVCVCB ngày 29/3/2024.
Môi trường kết nối, đào tạo, giao lưu	Hàng ngày	Tổ chức thường xuyên các hoạt động, sự kiện nội bộ.
CƠ QUAN QUẢN LÝ		
Duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên	Hàng tháng	Nghiêm túc thực hiện các định hướng, chiến lược của Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước, duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên.
Gặp gỡ trao đổi tại các diễn đàn	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Cung cấp các bài tham luận, báo cáo chuyên đề	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Đóng góp ý kiến đối với các dự thảo chính sách	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
CỘNG ĐỒNG		
Phối hợp với chính quyền địa phương	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên.
Các chương trình an sinh xã hội chung tay cùng chính quyền địa phương	Thường xuyên	Thực hiện thường xuyên.

Phương thức tương tác với các bên liên quan	Tần suất thực hiện	Thực tế triển khai trong năm 2024
CƠ QUAN BẢO CHÍ		
Cung cấp thông tin cho báo chí	2 kỳ/năm	Cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh vào các kỳ trong năm gồm: i) sơ kết hoạt động kinh doanh 6 tháng đầu năm; ii) tổng kết hoạt động kinh doanh cả năm.
Thông cáo báo chí về ra mắt sản phẩm, dịch vụ mới hoặc các chương trình, hoạt động khác liên quan	Khi có phát sinh	Cung cấp thông cáo báo chí cho các cơ quan báo chí đăng tải thông tin.
Trả lời phỏng vấn báo chí	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
Gặp gỡ trao đổi trực tiếp theo quy định với nhà thầu tại bước đối chiếu tài liệu hoặc bước thương thảo hợp đồng (nếu có) và bước hoàn thiện hợp đồng theo quy định của pháp luật về đấu thầu và Quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại VCB, hợp tác với nhà cung cấp	Khi có phát sinh	Khi có phát sinh.
Đảm bảo tính cạnh tranh	Thường xuyên trong quá trình lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp	Đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trong quá trình lựa chọn nhà thầu/ lựa chọn nhà cung cấp.
Đảm bảo công bằng, minh bạch trong tổ chức lựa chọn nhà thầu/ lựa chọn nhà cung cấp	Thường xuyên trong quá trình thực hiện	Nghiêm túc tuân thủ theo quy định của pháp luật về đấu thầu và quy định nội bộ của VCB.
Hiệu quả kinh tế thông qua chất lượng dịch vụ, nguồn gốc hàng hóa rõ ràng	Thường xuyên trong quá trình thực hiện	Hàng hóa, dịch vụ được mua sắm đáp ứng yêu cầu sử dụng của VCB, đáp ứng về chất lượng, chi phí và các nội dung liên quan khác mang lại hiệu quả kinh tế trong đầu tư.

CÁC NỘI DUNG VỀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tiêu chuẩn kinh tế

Hiệu quả kinh doanh vượt trội, đóng góp tích cực cho phát triển kinh tế xã hội

Trong nhiều năm, Vietcombank luôn đóng vai trò là kênh tài trợ vốn chủ lực cho các công trình trọng điểm quốc gia và các ngành kinh tế mũi nhọn như: hạ tầng giao thông, dầu khí, điện lực, hàng không... Kể từ khi Việt Nam được cấp lại nguồn vốn vay ODA, Vietcombank đã được Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước tin tưởng giao phục vụ trên 300 dự án vay vốn ODA với tổng trị giá quy USD là gần 30 tỷ USD, bao gồm các dự án trọng điểm là động lực phát triển kinh tế xã hội của đất nước, trong mọi lĩnh vực như hạ tầng cơ sở, giao thông, y tế, nông nghiệp...

Năm 2024, trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều khó khăn thách thức, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế yếu, với sự chỉ đạo điều hành chủ động, linh hoạt, định hướng tăng trưởng an toàn, hiệu quả, bền vững, Vietcombank đã nỗ lực vượt khó đạt được kết quả kinh doanh ấn tượng, tiếp tục dẫn đầu hệ thống ngân hàng về quy mô lợi nhuận, chất lượng tài sản và hiệu quả kinh doanh.

Kết thúc năm 2024, Vietcombank tiếp tục ghi nhận kết quả kinh doanh vượt trội với tổng tài sản vượt mốc 2 triệu tỷ đồng, tăng 13% so với năm 2023; Dự nợ tín dụng đạt 1,46 triệu tỷ đồng, tăng 14% so với năm 2023 và trong giới hạn tăng trưởng tín dụng của NHNN giao; Tổng huy động vốn từ thị trường đạt 1,53 triệu tỷ đồng, tăng hơn 8% so với năm 2023. Vietcombank tiếp tục kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng và đẩy mạnh công tác xử lý nợ xấu. Dự nợ xấu nội bảng là 14.143 tỷ đồng, tỷ lệ nợ xấu 0,97%, trong khi dự quỹ dự phòng rủi ro ở mức 31.429 tỷ đồng. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu nội bảng đạt mức 222%, thuộc nhóm cao nhất trong các ngân hàng lớn tại Việt Nam. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất của Vietcombank đạt 42.236 tỷ đồng, tăng 2% so với năm 2023. Quy mô vốn hóa thị trường VCB đạt gần 20 tỷ USD, tiếp tục ở mức lớn nhất thị trường và tiếp tục trong top 100 ngân hàng niêm yết có quy mô vốn hóa lớn nhất toàn cầu năm 2024.

Bên cạnh đó, Vietcombank tiếp tục giữ vững vị trí là một trong những doanh nghiệp đóng góp lớn nhất cho Ngân sách nhà nước (các khoản thuế và phí phải nộp Ngân sách nhà nước năm 2024 trên 12.000 tỷ đồng).



Ưu tiên đặc biệt cho tín dụng xanh và tài chính bền vững

Tín dụng xanh đang là một chủ đề được các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước quan tâm và dành nhiều ưu tiên, đặc biệt là đối với sự phát triển kinh tế – xã hội. Trong đó, các lĩnh vực năng lượng tái tạo, đầu tư vào công trình xanh, phương tiện giao thông điện và nông nghiệp sạch đang là các xu hướng thị trường nhằm hiện thực hóa các cam kết mạnh mẽ của Chính phủ Việt Nam tại COP 26. Với vai trò là ngân hàng thương mại tiên phong, Vietcombank luôn xác định tăng trưởng phải gắn liền với yếu tố bền vững, cũng như cấp tín dụng cho các dự án xanh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của ngân hàng. Vietcombank tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy định nội bộ liên quan đến quản lý rủi ro môi trường và xã hội trong hoạt động cấp tín dụng, ban hành quy trình đánh giá lựa chọn và giải ngân dự án xanh, lồng ghép các quy định về bảo vệ môi trường trong chính sách sản phẩm, dịch vụ...; tiếp tục ưu tiên mở rộng và hướng dòng vốn tín dụng vào các ngành/lĩnh vực thân thiện với môi trường như năng lượng tái tạo, tài nguyên nước và xử lý rác thải...; tăng cường tiếp cận các nguồn vốn/chương trình tín dụng xanh từ các tổ chức trong và ngoài nước như JBIC, AFD, KFW, JICA. Đến cuối năm 2024, dư nợ cho các dự án xanh tại Vietcombank chiếm 3,3% tổng dư nợ của Ngân hàng. Cụ thể, vốn tài trợ cho các dự án năng lượng tái tạo, năng lượng sạch chiếm 84,7%; quản lý nước bền vững tại khu vực đô thị và nông thôn chiếm 7,8%; xử lý chất thải và phòng chống ô nhiễm chiếm 3,1%; giao thông bền vững chiếm 1,5%; tái chế, tái sử dụng các nguồn tài nguyên chiếm 1,1%; các lĩnh vực khác chiếm 1,8%.

Đối với khách hàng bán lẻ (KHBL), dư nợ cho vay KHBL có yếu tố xanh theo từng sản phẩm tại Vietcombank đạt được như sau: Dư nợ cho vay mua ô tô điện Vinfast ~ 150 tỷ đồng, chiếm 4% tổng dư nợ cho vay mua ô tô của KHBL; Dư nợ cho vay đầu tư điện mặt trời đặt ~ 173 tỷ đồng và dư nợ cho vay đầu tư trang trại nuôi heo (tuân thủ quy định về bảo vệ môi trường) ~ 90 tỷ đồng, chiếm ~ 1,2% dư nợ cho vay trung dài hạn sản xuất kinh doanh của KHBL.

Ngày 14/11/2024, Vietcombank phát hành thành công 2.000 tỷ đồng trái phiếu xanh, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu xanh tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam đồng thời tuân thủ tự nguyện Nguyên tắc Trái phiếu Xanh của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA). Nguồn vốn thu được từ phát hành trái phiếu xanh sẽ được giải ngân cho các dự án thuộc 7 lĩnh vực gồm: Năng lượng tái tạo, năng lượng sạch, Giao thông bền vững, Quản lý nước bền vững, Công trình xanh, Nông – lâm – thủy sản bền vững và bảo tồn đa dạng sinh học, Quản lý chất thải và hiệu quả tài nguyên, và Sử dụng năng lượng hiệu quả. Khung trái phiếu xanh của Vietcombank được tư vấn bởi tổ chức quốc tế Viện tăng trưởng xanh toàn cầu (GGGI) và được tổ chức xếp hạng tín nhiệm uy tín S&P Global đánh giá cao với xếp hạng Medium Green (mức cao thứ hai trong thang sáu bậc theo khung đánh giá Shade of Green của S&P Global). Điều này khẳng định chất lượng, sự tuân thủ, tính minh bạch ở cấp độ cao trong việc lựa chọn dự án, quản lý giải ngân nguồn tiền từ phát hành, các chế độ về quản trị và bảo

PHÁT HÀNH THÀNH CÔNG

2000 tỷ đồng

(trái phiếu xanh, là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam phát hành trái phiếu xanh tuân thủ quy định pháp luật Việt Nam đồng thời tuân thủ tự nguyện Nguyên tắc Trái phiếu Xanh của Hiệp hội Thị trường Vốn Quốc tế (ICMA))

ĐƯỢC TỔ CHỨC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM UY TÍN S&P GLOBAL ĐÁNH GIÁ CAO VỚI XẾP HẠNG

MEDIUM GREEN

(mức cao thứ hai trong thang sáu bậc theo khung đánh giá Shade of Green của S&P Global)

CHƯƠNG TRÌNH CHO VAY LẠI CÁC DỰ ÁN XANH TỪ NGUỒN VỐN JBIC TRỊ GIÁ

500 triệu USD

NĂM 2024, VCBS ĐÃ TƯ VẤN HỒ SƠ CHÀO BÁN VÀ LÀM ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

1.000 tỷ đồng

TRÁI PHIẾU XANH CHO IDI

cáo của Vietcombank. Sự kiện này khẳng định vai trò tiên phong của Vietcombank trong lĩnh vực tài chính bền vững cũng như hỗ trợ các dự án thân thiện với môi trường.

Về các chương trình được tài trợ từ nguồn vốn xanh, trong năm 2024 Vietcombank đã tích cực triển khai tiếp cận nguồn vốn từ các tổ chức quốc tế như chương trình cho vay lại các dự án xanh từ nguồn vốn vay Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JBIC) trị giá 500 triệu USD nhằm bảo tồn môi trường, ngăn chặn sự nóng lên toàn cầu. Ngoài ra, Vietcombank cũng đã làm việc với nhiều tổ chức quốc tế khác như: Cơ quan Phát triển Pháp (AFD), Ngân hàng Tái thiết Đức (KFW), Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA) để trao đổi, làm việc nhằm tìm kiếm cơ hội hợp tác cho vay đối với các dự án xanh.

Năm 2022, VCBS đã tư vấn phát hành thành công 1.725 tỷ đồng trái phiếu xanh cho EVNFinance – trái phiếu doanh nghiệp đầu tiên được xác định là trái phiếu xanh theo tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời là sản phẩm tiên phong được bảo lãnh thanh toán một phần bởi tổ chức bảo lãnh nước ngoài tại thị trường Việt Nam. Cụ thể, cùng sự hỗ trợ của Viện Tăng trưởng xanh Toàn cầu (Global Green Growth Institute), trái phiếu EVNFinance được thiết kế gắn liền với Khung Trái Phiếu Xanh theo nguyên tắc Trái Phiếu Xanh của ICMA, đồng thời tự nguyện tuân thủ theo Tiêu chuẩn Trái phiếu xanh ASEAN năm 2018. Đây không chỉ là giao dịch thể hiện được bước tiến của VCBS trong việc xây dựng sản phẩm tài chính kết hợp với các tổ chức nước ngoài, mà còn khẳng định vị thế tiên phong của VCBS trên thị trường đối với các sản phẩm tài chính xanh. Sau thành công với giao dịch trái phiếu xanh cho EVN Finance, tháng 10/2024, VCBS một lần nữa củng cố vị

thế và uy tín trong lĩnh vực tài chính thông qua giao dịch tư vấn hồ sơ chào bán và làm đại lý phát hành 1.000 tỷ đồng trái phiếu cho IDI – Một trong Top 5 doanh nghiệp xuất khẩu cá tra lớn nhất Việt Nam. Đây là trái phiếu xanh đầu tiên phát hành bằng đồng nội tệ tại khu vực Châu Á bởi một doanh nghiệp hoạt động sản xuất trong ngành thủy hải sản. Nguồn vốn huy động từ đợt phát hành trái phiếu này sẽ được IDI sử dụng để phát triển các dự án chiến lược gồm Nhà máy Chế biến Thủy sản Hoa Kỳ (giai đoạn II) và Trung tâm giống thủy sản công nghệ cao Sao Mai, nhằm mở rộng thị trường xuất khẩu đến khu vực Châu Mỹ vốn là thị trường có sức mua lớn và rất nhiều tiềm năng để phát triển, cải thiện hiệu quả sản xuất, nâng cao năng suất và lợi nhuận, đồng thời hỗ trợ sinh kế bền vững cho nông dân địa phương. Trong thời gian tới, với tinh thần đặt phát triển bền vững và bảo vệ môi trường làm mục tiêu cốt lõi trong chiến lược phát triển dài hạn của Công ty, VCBS sẽ tiếp tục ưu tiên dành nguồn lực cho các công cụ tài chính xanh, tiếp tục góp phần thúc đẩy thị trường trái phiếu xanh Việt Nam và mở ra cơ hội đầu tư bền vững cho các nhà đầu tư trong nước cũng như quốc tế.

Hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý

Với vai trò dẫn dắt thị trường của một ngân hàng chủ đạo và trách nhiệm xã hội của một thương hiệu lớn, nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp quản trị chi phí tối ưu, Vietcombank có nguồn lực bền vững để thực hiện nhiều chương trình, chính sách giảm lãi suất cho vay nhằm hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn với chi phí hợp lý.

Trong năm 2024, Vietcombank thực hiện 14 đợt giảm lãi suất cho vay theo các chương trình lãi suất đối với khách hàng. Bên cạnh đó, VCB cũng triển khai 22 chương trình, chính sách cho vay lãi suất ưu đãi với lãi suất thấp hơn từ 0,5% đến 2% so với lãi suất bình quân. Hết năm 2024, tổng số khách hàng được giảm lãi suất là gần 110.000 khách hàng với quy mô dư nợ hỗ trợ đạt hơn 900.000 tỷ đồng, chiếm 63% tổng dư nợ, và quy mô hỗ trợ lãi vay đến khách hàng khoảng 6.500 tỷ đồng.

Một số chương trình giảm lãi suất, lãi suất ưu đãi tiêu biểu như: (+) Chương trình Cho vay ngắn hạn VND, USD ưu đãi và đặc biệt ưu đãi; (+) Chương trình cho vay khách hàng FDI; (+) Chương trình cho vay trung dài hạn lãi suất cố định 1–5 năm, trung dài hạn lãi suất cạnh tranh; (+) Chương trình lãi suất ưu đãi sản xuất kinh doanh cho khách hàng SME, hộ kinh doanh; (+) Chương trình an tâm lãi suất đối với khách hàng bán lẻ; (+) Chương trình giảm lãi suất cho vay hỗ trợ và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế 2024; (+) Chương trình cho vay hỗ trợ doanh nghiệp xuất khẩu năm 2024; (+) Chính sách giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ cá nhân, doanh nghiệp tại các địa phương bị ảnh hưởng bởi cơn bão số 3 – Yagi...

Vietcombank là ngân hàng đi đầu trong chuyển đổi số và công nghệ, luôn tiên phong về ứng dụng khoa học công nghệ, VCB tích cực triển khai hoạt động ngân hàng số với nhiều sản phẩm dịch vụ ngân hàng đột phá (VCB Digibank, VCB Digibiz, VCB Cashup, VCBCC...), tạo điều kiện thuận lợi nhất cho khách hàng và người dân trong giao dịch ngân hàng nhằm tiết giảm thời gian, chi phí hoạt động cho cả khách hàng và VCB. Năm 2024, ngân hàng đã ra mắt phiên bản VCB Digibank thế hệ mới dành cho khách hàng cá nhân, ghi nhận hơn 11 triệu khách hàng chuyển đổi thành công. Trong đó có phiên bản Digibank “An Vui” dành cho người cao tuổi với gần 78 nghìn khách hàng người cao tuổi đã tải ứng dụng và nhận được nhiều phản hồi tích cực. Đồng thời, VCB thực hiện liên tục các chính sách miễn, giảm phí dịch vụ liên quan đến gói sử dụng tài khoản, chuyển tiền trong và ngoài hệ thống VCB, bên cạnh các chính sách miễn giảm phí đặc biệt cho nhiều nhóm đối tượng khách hàng đặc thù, các khách hàng theo các sản phẩm chuỗi... Trong năm 2024, VCB tiếp tục khuyến khích khách hàng chuyển đổi giao dịch trên các kênh ngân hàng số thông qua các chính sách “zero fee” – miễn toàn bộ phí chuyển tiền trong nước dành cho khách hàng cá nhân; chính sách phí gói ưu đãi dành cho khách hàng SMEs; chính sách miễn phí chuyển tiền của VCB, ưu đãi tỷ giá khi chuyển tiền đi nước ngoài trên các kênh số của VCB. Ngoài ra, thủ tục mở tài khoản thanh toán trực tuyến đơn giản được xây dựng thông qua tài khoản xác thực và định danh điện tử; dịch vụ thanh toán QR Việt Lào dành cho khách hàng cá

nhân có nhu cầu thực hiện thanh toán mua sắm hàng hóa dịch vụ tại các đơn vị chấp nhận thanh toán tại Lào, giúp hàng chục triệu khách hàng tiết kiệm hàng ngàn tỷ đồng phí dịch vụ mỗi năm. Với mục tiêu đưa các sản phẩm dịch vụ hiện hữu lên kênh điện tử, kênh số nhằm gia tăng trải nghiệm của khách hàng và tạo sự thuận tiện trong giao dịch trong thời kỳ chuyển đổi số, trong năm 2024, Vietcombank đã triển khai tính năng giải ngân thấu chi trên ứng dụng VCBDigibiz, VCBDigibank với tất cả các sản phẩm cho vay dành cho KHLB sản xuất kinh doanh.

Đồng thời, hiện thực hóa chiến lược chuyển đổi số, ngân hàng tích cực tham gia triển khai Đề án 06, chính sách xác thực điện tử của Bộ Công An. Vietcombank là ngân hàng duy nhất cung cấp đầy đủ phương thức xác thực sinh trắc học (qua CCCD gắn chip và ứng dụng VneID) ngay từ ngày đầu triển khai (01/07/2024). Đến hết 31/12/2024, đã có hơn 10 triệu khách hàng Vietcombank thực hiện xác thực sinh trắc học, đáp ứng các yêu cầu theo quy định của NHNN về giao dịch ngân hàng điện tử.

ĐÃ CÓ HƠN

10 triệu

TRIỆU KHÁCH HÀNG
VIETCOMBANK THỰC HIỆN
XÁC THỰC SINH TRẮC HỌC

QUY MÔ HỖ TRỢ LÃI VAY ĐẾN
KHÁCH HÀNG KHOẢNG

6.500 tỷ đồng

TỔNG SỐ KHÁCH HÀNG ĐƯỢC
GIẢM LÃI SUẤT LÀ GẦN

110.000 khách hàng

Thông lệ mua sắm hiệu quả, hợp lý và tiết kiệm

Hoạt động mua sắm của Vietcombank được thực hiện tập trung, đảm bảo tính đồng bộ, đạt được quy mô mua sắm hiệu quả, tiết kiệm chi phí và thời gian. Tất cả các loại hàng hóa, dịch vụ mua sắm được chuẩn hóa. Nhu cầu mua sắm được tổng hợp và lên kế hoạch mua sắm từ đầu năm, trên cơ sở đó Vietcombank ký kết hợp đồng với các nhà cung cấp thông qua việc tổ chức lựa chọn nhà thầu/lựa chọn nhà cung cấp. Việc mua sắm luôn đảm bảo các tiêu chí cạnh tranh, công bằng, minh bạch, hiệu quả kinh tế, hợp lý và tiết kiệm chi phí.

Trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất về năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu, Vietcombank đánh giá về năng lực tài chính, lợi nhuận, nghĩa vụ thuế và nhân sự tham gia thực hiện công việc thuộc phạm vi gói thầu của nhà thầu trên cơ sở các tài liệu do nhà thầu cung cấp hoặc công bố, đảm bảo nhà thầu được Vietcombank lựa chọn là đơn vị có năng lực, minh bạch về tài chính, không nợ thuế, nhân sự tham gia triển khai công việc là những người có trình độ, kinh nghiệm về chuyên môn phù hợp với tính chất gói thầu, không sử dụng lao động trẻ em.

Vietcombank thực hiện quản lý hợp đồng với nhà thầu về tiến độ thực hiện, chất lượng, chi phí và các nội dung liên quan khác theo quy định tại Quy trình mua sắm hàng hóa dịch vụ của VCB.

Các tiêu chí lựa chọn nhà thầu/ nhà cung cấp được nêu trong Quy trình mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Trong năm 2024, để cập nhật các thay đổi của pháp luật liên quan đến hoạt động tổ chức lựa chọn nhà thầu, ngày 01/06/2024, Vietcombank đã ban hành Quy trình số 963/QT-VCB-MSQLTS.CSTCKT về mua sắm hàng hóa, dịch vụ tại Vietcombank, đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật Việt Nam và quy định nội bộ của Vietcombank.

Năm 2024, Vietcombank đã và đang thực hiện xây dựng kho dữ liệu về nhà cung cấp theo từng lĩnh vực hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở nhà thầu tham gia đấu thầu các gói thầu của Vietcombank.

Công tác phòng chống tham nhũng quyết liệt, toàn diện

Đấu tranh phòng, chống tham nhũng luôn là một nhiệm vụ quan trọng, được Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị đặc biệt quan tâm. Là doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, với vị thế của ngân hàng số 1 Việt Nam, Vietcombank luôn chủ động quán triệt và thực hiện quyết liệt công tác phòng chống tham nhũng. Vietcombank đã tổ chức quán triệt, ban hành nhiều chính sách, nội quy lao động, quy định về đạo đức nghề nghiệp và triển khai thực hiện thống nhất trên phạm vi toàn hệ thống.

Trong năm 2024, qua công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Vietcombank cũng như kết quả công tác thanh tra, kiểm toán của các cơ quan bên ngoài như Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Ngân hàng Nhà nước, Vietcombank không được ghi nhận và báo cáo. Cán bộ, đảng viên, người lao động luôn có ý thức rèn luyện, không ngừng nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; không có biểu hiện suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống; có thái độ tôn trọng khách hàng, tận tâm, tận lực phục vụ khách hàng, được khách hàng tin tưởng.

Tiêu chuẩn về môi trường⁽¹⁾

Tuân thủ pháp luật về môi trường

Vietcombank luôn tuân thủ các văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường như Luật bảo vệ môi trường năm 2020, các Nghị định và Thông tư hướng dẫn có liên quan; tích cực triển khai các định hướng của Chính phủ trong việc bảo vệ môi trường, đồng thời khuyến khích các cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường. Định kỳ hàng năm, Vietcombank ký kết các hợp đồng dịch vụ với các đơn vị chuyên môn để thực hiện quan trắc nước thải và quan trắc môi trường lao động định kỳ, ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải tại các trụ sở làm việc theo quy định của pháp luật.

Phát thải

KHÍ THẢI

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh khí thải trực tiếp, chỉ phát sinh khí thải gián tiếp trong quá trình vận hành hoạt động.

Đối với phương tiện vận chuyển: Vietcombank trang bị những phương tiện vận chuyển, công cụ lao động hiện đại, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và đăng kiểm theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Ngân hàng thực hiện bảo dưỡng/sửa chữa định kỳ các phương tiện vận chuyển để đảm bảo an toàn, tiết kiệm nhiên liệu. Hàng năm, Vietcombank cũng thực hiện rà soát và đánh giá chất lượng phương tiện trên toàn hệ thống để kịp thời thay thế các phương tiện cũ không đạt tiêu chuẩn.

Đối với khí thải từ hệ thống điều hòa không khí, máy phát điện: Hệ thống điều

Trong năm 2024, Vietcombank không phát sinh vi phạm, không phát sinh tiền bị xử phạt do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

hòa hiện đại, tiết kiệm năng lượng và được được vận hành thông qua phần mềm điều khiển tự động tòa nhà (BMS), hệ thống này có chức năng đặt lịch và thông số hoạt động theo yêu cầu/khung thời gian để tránh khung giờ cao điểm và đạt hiệu quả sử dụng và tiết kiệm năng lượng hiệu quả, khí thải đối với hệ thống điều hòa không khí là không phát sinh, ga lạnh khi sửa chữa điều hòa nếu phải hút gas thì lượng gas này đều được thu hồi vào bình chứa và tái sử dụng, tuyệt đối không xả ra môi trường; máy phát điện được trang bị chỉ là máy phát điện dự phòng (chỉ chạy khi mất điện lưới hoặc phát sinh sự cố) nên thời gian chạy là không đáng kể. Ngân hàng thực hiện định kỳ bảo dưỡng các thiết bị để tối ưu hiệu suất, tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu phát sinh khí thải và kịp thời sửa chữa, thay thế khi thiết bị cũ, hư hỏng.

TÒA NHÀ VIETCOMBANK SỐ 05 CÔNG TRƯỜNG MÊ LINH (QUẬN 1, TP HỒ CHÍ MINH) ĐÃ ĐẠT CHỨNG NHẬN

LEED PLATINUM

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu phát thải nhà kính đã thực hiện trong năm 2024:

- Hệ thống điều hòa không khí được điều chỉnh tự động, nhiệt độ dao động từ 24–25oC, giảm thiểu năng lượng tiêu thụ.
- Hạn chế in ấn tài liệu không cần thiết; tăng cường họp/ làm việc trực tuyến để hạn chế di chuyển... Năm 2024, Vietcombank tiếp tục triển khai hệ thống Office 365 trên toàn hệ thống, qua đó hỗ trợ tiết kiệm nguyên vật liệu đầu vào, văn phòng phẩm, giảm các chi phí hành chính quản trị và tăng cường hiệu quả công việc.
- Tại Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải (Hoàn Kiếm, Hà Nội), Ban quản lý Tòa nhà triển khai mỗi tuần 1 sáng kiến tiết kiệm năng lượng, sử dụng hiệu quả vật tư tiêu hao và 3R. Năm 2024 có tổng số 63 sáng kiến và có nhiều sáng kiến đã áp dụng ngay.

LƯỢNG BÙN THẢI NĂM 2024 TẠI ĐỊA ĐIỂM LÀM VIỆC CỦA TRỤ SỞ CHÍNH VÀ CHI NHÁNH TP HCM Ở MỨC

35^{m³}

giảm 83% so với năm 2023

NƯỚC THẢI

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh nước thải trực tiếp, chỉ phát sinh nước thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường. Ngân hàng khuyến khích cán bộ nhân viên sử dụng tiết kiệm nước tại văn phòng, mức tiêu thụ nước được theo dõi chặt chẽ. Bên cạnh đó, Vietcombank duy trì sử dụng phần lớn các thiết bị vệ sinh cảm biến tự động giúp tiết kiệm nguồn nước, định kỳ quan trắc xả thải/môi trường đúng theo yêu cầu tại giấy phép xả thải vào nguồn nước hoặc giấy phép môi trường.

- Tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh (Quận 1, Tp Hồ Chí Minh) đã đạt chứng nhận Leed platinum từ 30/8/2024 của tổ chức USGBCI (Mỹ) và chứng nhận Well Core Gold của Viện IWBI (Mỹ) xác nhận tòa nhà vận hành tiết kiệm năng lượng, các giải pháp về sử dụng vật liệu an toàn cho sức khỏe, môi trường sống làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó Tòa nhà được cấp chứng nhận ISO 9001 về quản lý chất lượng dịch vụ; ISO 14001 về hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001 về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp; ISO 50001 về hệ thống quản lý năng lượng từ tháng 11/2023 của Tổ chức quốc tế BSI (Anh). Tháng 8/2024, Tòa nhà Vietcombank Tower được UBND TPHCM chứng nhận doanh nghiệp xanh năm 2024. Đây chính là thành quả từ giai đoạn xây dựng đến nâng cấp, bảo trì nhằm duy trì tiêu chuẩn cao nhất về hiệu năng và tính bền vững.

Tại Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải (Hoàn Kiếm, Hà Nội), năm 2024, Tòa nhà đã nhận được thông báo số 971/TB-TNMT xác nhận hoàn thành vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải để nâng cao chất lượng nước thải sau xử lý (hệ thống cải tạo, nâng cấp). Đồng thời, Ban quản lý Tòa nhà đã có sáng kiến thu hồi nước mưa để tái sử dụng cho rửa sàn, tưới cây, để xuất áp dụng từ năm 2026.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu bùn thải năm 2024 ở mức 35 m3, giảm 83% so với năm 2023.

¹ Năm 2024, Tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội và Tòa nhà Vietcombank số 05 Công trường Mê Linh, Quận 1, Tp Hồ Chí Minh điều chỉnh lại cách tính một số số liệu năm 2024 và 2023.

LƯỢNG RÁC THẢI SINH HOẠT
NĂM 2024 TẠI ĐỊA ĐIỂM LÀM
VIỆC CỦA TRỤ SỞ CHÍNH VÀ
CHI NHÁNH TP. HCM Ở MỨC

344 tấn

giảm 34% so với năm 2023.

CHẤT THẢI

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, VCB không có hoạt động sản xuất phát sinh chất thải nguy hại đối với môi trường xung quanh, chỉ phát sinh chất thải sinh hoạt trong quá trình vận hành hoạt động.

Vietcombank đưa ra định mức văn phòng phẩm và đánh giá trực tiếp vào kết quả hoạt động hàng năm của các đơn vị. Chất thải rắn được phân loại, thu gom và có nhân viên xử lý theo đúng quy trình. Vietcombank tích cực triển khai quá trình chuyển đổi số, sử dụng công nghệ lưu trữ hồ sơ trên phần mềm giúp tránh rủi ro, thất lạc hồ sơ đồng thời giảm thiểu sử dụng giấy in. Ngoài ra, Vietcombank thường xuyên tái sử dụng bình mực, máy in, giấy in, ruột bút bi, hạn chế thay mới để giảm chất thải ra môi trường.

TIẾNG ỒN

Các trang thiết bị phục vụ hoạt động kinh doanh được bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phát sinh tiếng ồn ở mức tối thiểu, duy trì môi trường giao dịch yên tĩnh, lịch sự cho khách hàng, tạo môi trường làm việc văn minh, thoải mái cho người lao động.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu chất thải sinh hoạt tiếp tục được thực hiện trong năm 2024:

- Phân loại rác thải tại nguồn, có thùng đựng riêng;
- Dùng thùng nhựa đựng rác thay thế cho túi nilon;
- Tuyên truyền bằng các biển hiệu với các nội dung tiết kiệm giấy dán trong các nhà vệ sinh;
- Hạn chế tối đa việc sử dụng các vật dụng sử dụng 1 lần và các loại túi nilon.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu rác thải sinh hoạt năm 2024 ở mức 344 tấn, giảm 34% so với năm 2023.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội), kết quả quan trắc định kỳ cho thấy tiếng ồn luôn đáp ứng TCVN 7878-20188: TCVN Âm học – Mô tả, đo và đánh giá tiếng ồn môi trường – Phần 2 Xác định mức áp suất âm và phương pháp đánh giá; QCVN 26: 2010/ BTNMT – Quy chuẩn quốc gia về tiếng ồn.

Môi trường

LƯỢNG TIÊU THỤ NƯỚC
SẠCH NĂM 2024 TẠI ĐỊA
ĐIỂM LÀM VIỆC CỦA TRỤ
SỞ CHÍNH VÀ CHI NHÁNH
TP. HCM Ở MỨC

43.914 m³

giảm 8% so với năm 2023.

Vietcombank luôn chú trọng đến công tác bảo vệ môi trường, hướng đến mô hình ngân hàng xanh và tạo dựng một không gian làm việc thân thiện cho người lao động. Bên cạnh đó, Vietcombank luôn đề cao xây dựng văn hóa doanh nghiệp xanh, chú trọng thực hiện tiết kiệm điện, nước, giấy và các vật liệu văn phòng; khuyến khích cán bộ trồng và chăm sóc cây xanh tại nơi làm việc cũng như có ý thức giữ gìn môi trường làm việc xanh-sạch-đẹp.

TIÊU THỤ NƯỚC SẠCH

Năm 2024, toàn hệ thống Vietcombank tiếp tục sử dụng nước tinh khiết giữ trong chai thủy tinh để tái sử dụng nhiều lần, đảm bảo thân thiện với môi trường và tiết kiệm nguồn nước.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu nước tiêu thụ tiếp tục được thực hiện trong năm 2024 và kết quả thực hiện:

- Thay thế dần thiết bị vệ sinh cơ khí bằng thiết bị tự động; căn chỉnh lưu lượng nước theo tiêu chuẩn LEED 2009.
- Kiểm tra việc sử dụng nước thường xuyên để đảm bảo nước không bị rò rỉ.
- Sửa chữa kịp thời đường ống và van nước.
- Dán thông báo, truyền thông sử dụng tiết kiệm nước tại khu vực sử dụng nước.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank Tower 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank Tower số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu tiêu thụ nước sạch năm 2024 ở mức 43.914 m³, giảm 8% so với năm 2023².

² Các Tòa nhà sử dụng nguồn nước sạch thành phố và không tái chế và tái sử dụng nước.



TIÊU THỤ ĐIỆN NĂNG

Năm 2024, Vietcombank tiếp tục thực hiện các biện pháp tiết kiệm điện tại các tòa nhà văn phòng như lắp sensor cảm biến cho đèn khu vực công cộng; lắp biến tần cho quạt thông gió tầng hầm; lắp sensor cảm biến cho quạt các nhà vệ sinh; lắp biến tần cho quạt cấp khí tươi; vận hành hệ thống tự động, cài đặt thông số linh hoạt và phù hợp thông qua hệ thống điều khiển tự động tòa nhà.

Các biện pháp và sáng kiến giảm thiểu tiêu thụ điện năng tiếp tục được thực hiện trong năm 2024 và kết quả thực hiện:

Tại tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội: Lắp đặt bổ sung 2 bộ biến tần cho bơm nước hệ thống điều hòa trung tâm; Cải tạo các bộ đèn tuýp led 1,2 mét thành các bộ đèn 2 bóng 0,6 mét và lắp cảm biến cho 1 bóng; Thay đổi nhiệt độ nước lạnh cài đặt khi 2 chiller vận hành song song; Thay đổi tần số chạy quạt thông

gió; Triển khai áp dụng và nhận giấy chứng hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001. Kết quả thực hiện, tiết kiệm 105.189Kwh/năm cho hệ thống cơ điện so với năm 2023; đạt giải nhì về “Giải thưởng hiệu quả năng lượng trong công trình xây dựng” do Bộ Công thương và Hiệp hội Khoa học Công nghệ sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả Việt Nam chứng nhận.

Tại tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM: Tòa nhà đã đạt chứng nhận Leed platinum từ 30/8/2024 của tổ chức USGBCI (Mỹ) và chứng nhận Well Core Gold của Viện IWBI (Mỹ) xác nhận tòa nhà vận hành tiết kiệm năng lượng, các giải pháp về sử dụng vật liệu an toàn cho sức khỏe, môi trường sống làm việc đạt tiêu chuẩn quốc tế. Với thiết kế hướng tới tối ưu hóa năng lượng tiêu thụ, lượng tiêu thụ điện năng của Vietcombank năm 2024 tại tòa nhà số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM duy trì ở mức tương đương các năm trước mặc dù đã vận hành gần 10 năm.

Riêng tại trụ sở làm việc của Trụ sở chính (tòa nhà Vietcombank 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội) và chi nhánh Hồ Chí Minh (tòa nhà Vietcombank số 5 Công trường Mê Linh, Quận 1, TP HCM), số liệu tiêu thụ điện năng năm 2024 ở mức 8,6 triệu kwh, tăng nhẹ 1% so với năm 2023.



Khuyến khích cán bộ nhân viên nâng cao nhận thức và tham gia các hoạt động chung tay bảo vệ môi trường

Trong năm 2024, Vietcombank triển khai nhiều hoạt động, phong trào để tiếp tục xây dựng văn hóa bảo vệ môi trường cho nhân viên. Cụ thể:

- Triển khai các hoạt động kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5 và triển khai Hướng dẫn số 86/HD-CTNH ngày 14/3/2024 của Ban Thường vụ Công đoàn Ngân hàng Việt Nam v/v “Hướng dẫn tổ chức các hoạt động hưởng ứng tháng hành động về An toàn, vệ sinh lao động năm 2024”. Các cấp công đoàn cơ sở đã tổ chức các hoạt động như: Chương trình thi đua văn minh công sở Xanh Sạch Đẹp; Phong trào “Ngân hàng xanh – Cuộc sống xanh”..., ban hành hướng dẫn phổ biến, tổ chức cho toàn thể Đoàn viên công đoàn sắp xếp, dọn dẹp lại

Văn phòng làm việc, khu vực làm việc, bàn làm việc của từng cán bộ đảm bảo Quy tắc 5S đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Công đoàn Ngân hàng Việt Nam đã tặng Cờ cho 02 tập thể, Bằng khen cho 3 tập thể và 02 cá nhân thuộc Công đoàn Vietcombank có thành tích xuất sắc trong phong trào Xanh – Sạch – Đẹp, Bảo đảm An toàn, vệ sinh lao động.

- Năm 2024, Vietcombank đã tham dự và giành giải Nhì tại Hội thi “Ngân hàng xanh cho cuộc sống xanh” do Công đoàn Ngân hàng Việt Nam tổ chức, khẳng định nhận thức và chuyên môn cao của cán bộ nhân viên Vietcombank về tín dụng xanh và định hướng phát triển bền vững trong ngành ngân hàng.
- Ban hành hướng dẫn phổ biến, tổ chức cho toàn thể Đoàn viên công đoàn sử dụng bình đựng nước tái chế, dùng giấy một mặt tái sử dụng, tiết kiệm giấy in hộp chuyển sang tài liệu điện tử...



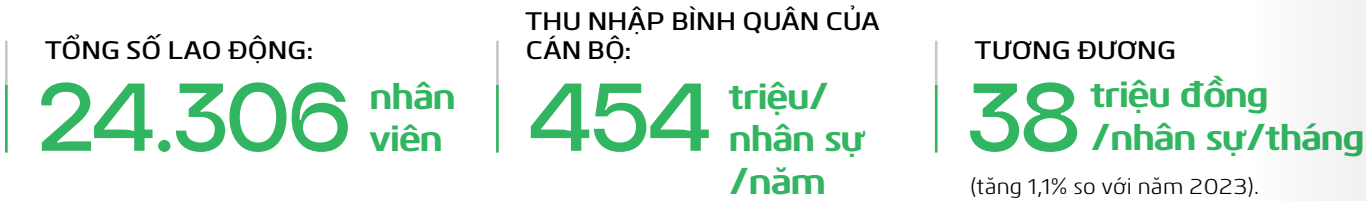
Tiêu chuẩn về xã hội

Liên quan tới người lao động

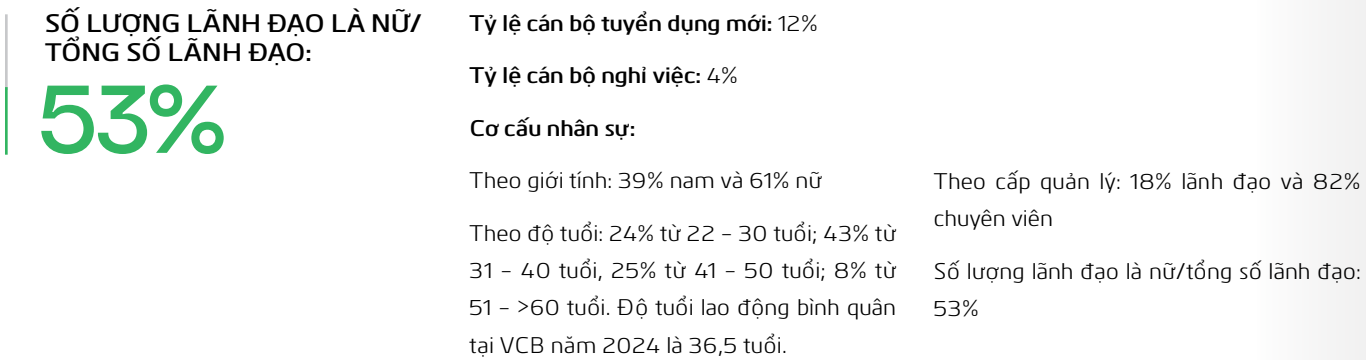
Với mục tiêu chiến lược đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trở thành Ngân hàng đứng đầu về chất lượng nguồn nhân lực tại Việt Nam, Vietcombank đã và đang thực hiện đổi mới toàn diện công tác quản trị và phát triển nguồn nhân lực, luôn chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ tinh về số lượng, mạnh về chất lượng; tích cực triển khai nhiều giải pháp đồng bộ nhằm xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của hoạt động kinh doanh, tạo sức mạnh từ nội lực, góp phần đưa Vietcombank vươn lên mạnh mẽ, duy trì vị thế ngân hàng hàng đầu tại Việt Nam và từng bước nâng cao vị thế trong khu vực và trên thế giới.

Trong năm 2024, Vietcombank lần thứ năm liên tiếp được nhận bằng khen “Doanh nghiệp tiêu biểu vì Người lao động” do Bộ Lao động Thương binh & Xã hội, Tổng liên đoàn lao động Việt Nam và Phòng thương mại và công nghiệp Việt Nam VCCI trao tặng.

THỐNG KÊ VỀ TỔNG SỐ LAO ĐỘNG VÀ THU NHẬP BÌNH QUÂN CỦA NHÂN SỰ TRONG NĂM 2024



MỘT SỐ THỐNG KÊ KHÁC VỀ NHÂN SỰ TRONG NĂM 2024⁽³⁾



³ Thống kê theo số lượng nhân sự riêng lẻ của Ngân hàng.

CÔNG TÁC TUYỂN DỤNG CÓ NHIỀU ĐỔI MỚI

TOP 50
THƯƠNG HIỆU NHÀ TUYỂN DỤNG ĐƯỢC ƯA THÍCH NHẤT

TOP 500
NHÀ TUYỂN DỤNG HÀNG ĐẦU VIỆT NAM

Trong năm 2024, toàn hệ thống đã triển khai hơn 70 đợt tuyển dụng tập trung và riêng lẻ cho Chi nhánh và các đơn vị trụ sở chính (trong đó, bao gồm 11 đợt tuyển dụng tập trung cho Chi nhánh). Tổng số 2.562 cán bộ và nhân viên hỗ trợ kinh doanh được tuyển mới và đi làm trong năm.

Vietcombank không ngừng đổi mới, kiện toàn chính sách tuyển dụng để nâng cao hiệu quả, thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trên thị trường nhằm thực hiện chiến lược kinh doanh của Ngân hàng. Công tác tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Trong điều kiện thị trường tuyển dụng ngày càng cạnh tranh khốc liệt, uy tín thương hiệu của Vietcombank là một lợi thế trong công tác tuyển dụng. Ngân hàng đã nâng cấp và hoàn thiện hệ thống phần mềm nộp hồ sơ và thi tuyển trực tuyến tập trung tại Trụ sở chính – ứng viên có thể nộp hồ sơ trực tuyến và nhận các thông báo tuyển dụng từ hệ thống, nâng cao tính chuyên nghiệp, đảm bảo kết quả công khai, tiết giảm chi phí, tăng trải nghiệm của ứng viên đối với thương hiệu tuyển dụng Vietcombank.

Bên cạnh đó, để có được nguồn nhân sự đầu vào chất lượng, Vietcombank có các chính sách tuyển dụng linh hoạt, hiệu quả, có cơ chế tuyển dụng riêng, đặc thù đối với ứng viên có kinh nghiệm, chuyên gia, lao động có trình độ cao và sinh viên xuất sắc nhằm thu hút được nguồn ứng viên giỏi có kiến thức, trình độ chuyên môn, tính chuyên nghiệp cao, đáp ứng nhu cầu quản

trị vận hành và làm chủ các hệ thống công nghệ hiện đại.

Công tác tuyển dụng lao động cho chi nhánh được tổ chức liên tục hàng tháng, phương thức tuyển dụng được cải tiến thông qua việc sử dụng hệ thống phần mềm tuyển dụng trực tuyến tập trung tại TSC. Đối với các đơn vị tại TSC, triển khai tuyển dụng liên tục khi phát sinh nhu cầu lao động theo phương thức linh hoạt, may đo, phù hợp với đặc thù của từng vị trí công việc và mỗi đơn vị. Các đợt tuyển dụng lao động cho các đơn vị tại TSC và Chi nhánh đã được tổ chức tốt, thu hút được nhiều nhân sự có chất lượng đáp ứng yêu cầu công việc. Bên cạnh các hình thức tuyển dụng truyền thống, Vietcombank cũng đã triển khai tuyển dụng cán bộ từ nguồn sinh viên xuất sắc của một số Trường Đại học uy tín và đã mang lại hiệu quả tích cực. Công tác tuyển dụng của Vietcombank những năm qua được thị trường đánh giá cao và đã thu hút được nguồn nhân sự có chất lượng, đáp ứng yêu cầu công việc và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng. Công tác tuyển dụng được triển khai một cách công khai, minh bạch nhằm tạo sự bình đẳng cho tất cả đối tượng lao động.

Với những kết quả tích cực trong công tác tuyển dụng, 03 năm liên tục (2022 – 2024) Vietcombank được vinh danh trong “Top 50 thương hiệu nhà tuyển dụng được ưa thích nhất” và “Top 500 nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam” (bảng xếp hạng do Báo Đầu tư và Viet Research phối hợp thực hiện). Đặc biệt, năm 2024, Vietcombank xuất sắc dẫn đầu trong các danh sách bình chọn nêu trên.

CHẾ ĐỘ ĐÃI NGỘ, PHÚC LỢI CẠNH TRANH, HẤP DẪN HÀNG ĐẦU

Chính sách về tiền lương và chế độ đãi ngộ được Vietcombank rà soát, hoàn thiện thường xuyên nhằm đảm bảo công bằng nội bộ và cạnh tranh với thị trường. Tiền lương chi trả cho Người lao động gắn với yêu cầu công việc, trình độ chuyên môn, chất lượng, khối lượng công việc hoàn thành, tương xứng với giá trị đóng góp của mỗi người. Theo đó, tiền lương của người lao động bao gồm: tiền lương cố định được xác định theo ngạch, bậc phù hợp với vị trí công việc chuyên môn đảm nhận và tiền lương hiệu quả được xác định theo kết quả thực hiện công việc của đơn vị và cá nhân người lao động. Ngoài ra, Vietcombank áp dụng cơ chế lương chuyên gia, cơ chế lương đặc thù với mức tiền lương và chế độ đãi ngộ cạnh tranh nhằm thu hút những lao động trình độ cao, đặc biệt giỏi, khan hiếm trên thị trường.

Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên tại Vietcombank liên tục tăng trưởng qua các năm, luôn đứng trong top đầu ngành ngân hàng và đạt mức cao so với mặt bằng chung của thị trường. Thu nhập bình quân của cán bộ Vietcombank năm 2024 đạt 454 triệu đồng, tương đương 38 triệu đồng/tháng, tăng 1,1% so với năm 2023. Như vậy, Vietcombank đã chi hơn 11.000 tỷ đồng trong năm 2024 cho tiền lương và phụ cấp cho cán bộ. Vietcombank triển khai cơ chế đánh giá minh bạch, công bằng, tạo động lực: hiệu quả công việc được đo lường đánh giá dựa trên các bộ chỉ tiêu đối với từng vị trí công việc đảm bảo đánh giá cả định tính và định lượng và ghi nhận toàn diện đóng góp của cán bộ, từ đó gắn với chế độ đãi ngộ, khen thưởng phù hợp, minh bạch.

Ngoài việc tuân thủ các nghĩa vụ theo quy định của Nhà nước về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho người lao động, Vietcombank còn triển khai các gói phúc lợi cho người lao động với các hình thức phong phú và ngày càng được mở rộng, nâng cao như: Khám sức khỏe định kỳ hàng năm (bổ sung khám chuyên sâu và khám riêng đối với lao động nữ); Bảo hiểm sức khỏe hàng năm, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo; Bảo hiểm nhân thọ cho người lao động, chi hỗ trợ các trường hợp thai sản, ốm đau; chi cho lao động nữ; chi trợ cấp cán bộ nghỉ hưu; chi nghỉ mát, sinh nhật; quà tặng cho cán bộ nhân dịp lễ tết, quà tặng cho người cao tuổi đã công tác tại Vietcombank hoặc có con làm việc tại Vietcombank, khen thưởng cho con của người lao động có thành tích học tập tốt... Vietcombank nỗ lực cải thiện và nâng cao hơn nữa về thu nhập và các đãi ngộ vượt trội nhằm đảm bảo quyền lợi của người lao động và cạnh tranh với thị trường. Năm 2024, Vietcombank đã triển khai chế độ nghỉ nhân dịp sinh nhật và chế độ “Happy day” đối với người lao động tạo điều kiện để người lao động cân bằng công việc và cuộc sống.

Năm 2024, Công đoàn VCB và Đoàn Thanh niên VCB đã triển khai nhiều hoạt động thiết thực góp phần nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho người lao động và xây dựng Vietcombank trở thành Ngân hàng xanh phát triển bền vững vì cộng đồng như:

- Triển khai ký Thỏa ước lao động tập thể năm 2024 với chính sách mới ưu việt, có lợi hơn cho người lao động theo tinh thần Nghị quyết của Ban Chấp hành Công đoàn NHVN về “Chăm lo đoàn viên người lao động trong ngành Ngân hàng thông qua ký kết thỏa ước lao động tập thể” như: Người sử dụng lao động thực hiện đóng góp vào quỹ hưu trí bổ sung tự nguyện cho người lao động; Người lao động được nghỉ 01 ngày nhân dịp sinh nhật của bản thân, nghỉ 01 giờ trong thời gian làm việc mỗi tuần mà vẫn được hưởng nguyên lương theo quy định nội bộ của Vietcombank từng thời kỳ.
- Tổ chức Giải chạy “Vietcombank Run & Share 2024: Vượt trái tim, Một niềm tin” thu hút 15.168 đoàn viên tham gia, đóng góp bổ sung 10,1 tỷ đồng vào Quỹ “Vững Tương lai”; Tổ chức chương trình hiến máu “Vietcombank: Trao giọt hồng – Trao yêu thương” lần thứ 2 năm 2024 trên toàn hệ thống Vietcombank;
- Tổ chức thăm hỏi, hỗ trợ 46 đoàn viên và 280 người thân đoàn viên Vietcombank mắc bệnh hiểm nghèo từ Quỹ Tình nghĩa; hỗ trợ 10 đoàn viên mắc bệnh hiểm nghèo giai đoạn nặng và 06 đoàn viên không may qua đời từ Quỹ Tương ái Vietcombank, trợ cấp 92 cháu bị khuyết tật bẩm sinh năm 2024;
- Phối hợp với các đơn vị thực hiện các khoản chi phúc lợi hỗ trợ, động viên đoàn viên, người lao động nhân dịp Lễ, Tết, sinh nhật; hỗ trợ kinh phí nghỉ mát; mua bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm bệnh hiểm nghèo, bảo hiểm tai nạn cho đoàn viên, người lao động...

MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC MINH BẠCH, CHUYÊN NGHIỆP, ĐƯỢC LẮNG NGHE, GHI NHẬN

Tại Vietcombank, các cán bộ nhân viên được làm việc trong một môi trường chuyên nghiệp, minh bạch, được tôn trọng, lắng nghe và ghi nhận với 05 giá trị văn hóa cơ bản: Tín – Chuẩn – Mới – Bền – Nhân. Hàng năm, Vietcombank đã thực hiện việc khảo sát mức độ hài lòng và gắn bó của cán bộ nhân viên (Employee Engagement Survey – EES). Theo kết quả khảo sát và đánh giá của Đơn vị tư vấn độc lập (Công ty Neilsen), mức điểm chỉ tiêu EES mà Vietcombank đạt được năm 2024 tiếp tục duy trì ở mức “Xuất sắc” trên thị trường.

Việc tổ chức triển khai thực hiện tốt Quy chế dân chủ ở cơ sở giúp người lao động được biết, được bàn và quyết định, được tham gia ý kiến và được kiểm tra, giám sát những vấn đề liên quan đến quyền, lợi ích, nghĩa vụ và trách nhiệm của người lao động. Hàng năm, Vietcombank tổ chức Hội nghị Người lao động, đối thoại định kì, kí kết thỏa ước lao động tập thể... đã tạo không gian thảo luận mở, khuyến khích ý kiến đóng góp, tăng cường sự gắn kết và kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, giải quyết các khó khăn, vướng mắc của đoàn

viên, người lao động. Công đoàn VCB đã phát huy tốt vai trò chức năng, nhiệm vụ, phát động nhiều phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị, kế hoạch kinh doanh, tích cực gìn giữ và phát huy 5 giá trị văn hóa cơ bản Tín – Chuẩn – Mới – Bền – Nhân, đồng thời chủ động tham mưu, đề xuất nhiều cơ chế, chính sách nhằm tạo sự gắn kết, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động góp phần xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ.

Năm 2024, Vietcombank tiếp tục khẳng định vị thế là ngân hàng có môi trường làm việc hấp dẫn nhất khi lần thứ 9 liên tiếp được bình chọn là “Ngân hàng có môi trường làm việc tốt nhất Việt Nam” (đứng thứ 1 ngành Ngân hàng và đứng thứ 2 trong Top 100 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam – Khối doanh nghiệp lớn theo công bố của Công ty Anphabe kết hợp với Công ty nghiên cứu thị trường Intage thực hiện); đứng thứ 1 trong Top 500 Nhà tuyển dụng hàng đầu Việt Nam 2024 (VBE500), Top 10 nơi làm việc tốt nhất Việt Nam 2024 trong các ngành kinh tế trọng điểm (VBW10) và Top 50 Nhà tuyển dụng ưa thích nhất năm 2024 (MAE50) theo công bố của Báo đầu tư kết hợp cùng Công ty CP Nghiên cứu Kinh doanh Việt Nam (Viet Research). Ngoài ra, Vietcombank lần thứ 5 liên tiếp được vinh danh “Doanh nghiệp tiêu biểu vì người lao động” theo Chương trình do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Bộ LĐTBXH và VCCI phối hợp tổ chức. Trong năm 2024, lần đầu tiên VCB ghi danh tham dự giải thưởng Nơi làm việc tốt nhất châu Á (HRAA) và đã vinh dự nhận được tất cả 04/04 hạng mục trao giải của Ban Tổ chức, bao gồm 1 giải thưởng chính “Nơi làm việc tốt nhất Châu Á” và 3 giải thưởng đặc biệt “Doanh nghiệp có chính sách Đa dạng, Công bằng và Hòa nhập nổi bật nhất”, “Doanh nghiệp quan tâm chăm sóc nhân viên tuyệt vời nhất” và “Doanh nghiệp có Môi trường làm việc bền vững”.



SỨC KHỎE VÀ AN TOÀN NGHỀ NGHIỆP

An toàn lao động là yếu tố quan trọng đối với người lao động, do đó việc cam kết cung cấp một môi trường làm việc an toàn và lành mạnh là điều rất quan trọng đối với Ngân hàng. Với mục tiêu xây dựng môi trường làm việc lành mạnh và an toàn, Vietcombank luôn nghiêm túc chấp hành các quy định về bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của Người lao động được chăm sóc sức khỏe và làm việc trong điều kiện an toàn, vệ sinh lao động. Cụ thể:

- Triển khai khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động với các danh mục khám chuyên sâu, mở rộng tại các bệnh viện uy tín, chất lượng cao và các gói khám bổ sung khám chuyên sâu, gói khám riêng đối với lao động nữ.
- Thực hiện chính sách bảo hiểm chăm sóc sức khỏe, bảo hiểm nhân thọ nhằm hỗ trợ cho việc khám, điều trị bệnh cũng như được hưởng một số quyền lợi khác.

- Tổ chức phòng y tế/bộ phận y tế cho tất cả các nhân viên, đặc biệt bố trí phòng vắt sữa cho các bà mẹ đang nuôi con nhỏ.
- Đo đạc quan trắc môi trường lao động hàng năm và thực hiện các điều chỉnh (nếu cần) để đảm bảo điều kiện làm việc cho người lao động.
- Đảm bảo công tác phòng cháy, chữa cháy và thực hiện diễn tập phòng cháy, chữa cháy theo quy định.

Người lao động làm việc tại các vị trí công việc liên quan đến nghiệp vụ kho quỹ được bảo đảm môi trường làm việc và hưởng các chế độ đặc thù so với người lao động làm các công việc trong điều kiện bình thường khác như: tăng số ngày nghỉ phép năm, được hưởng các chế độ bồi dưỡng bằng tiền và hiện vật phù hợp với quy định pháp luật lao động và quy định của Vietcombank trong từng thời kỳ.

Năm 2024, Công đoàn Vietcombank tiếp tục quan tâm chăm lo hỗ trợ đoàn viên bị ốm đau, tai nạn, bị ảnh hưởng bởi thiên tai. Toàn hệ thống VCB chưa ghi nhận phát sinh bất kỳ tai nạn, sự cố nghiêm trọng liên quan đến sức khỏe và an toàn nghề nghiệp của người lao động cần hỗ trợ pháp lý từ các công đoàn cơ sở.



CÔNG TÁC ĐÀO TẠO ĐA DẠNG, TOÀN DIỆN CẢ CHUYÊN MÔN VÀ KỸ NĂNG, NĂNG LỰC



Lộ trình đào tạo bài bản

Lộ trình đào tạo được xác định rõ ràng ngay từ khi nhân viên mới gia nhập Vietcombank và sẽ có điều chỉnh bổ sung phù hợp với từng giai đoạn để đáp ứng yêu cầu công việc và lộ trình phát triển nghề nghiệp. Căn cứ từng vị trí công việc, các cán bộ sẽ được sắp xếp để đào tạo theo các nhóm chương trình chuyên biệt, đáp ứng yêu cầu cần thiết của công việc thông qua nhiều hình thức đào tạo.

Chương trình đào tạo đa dạng, phong phú, để cao tính thực tiễn

Các chương trình đào tạo được xây dựng bài bản, chuyên nghiệp và không ngừng được đổi mới, nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của hoạt động kinh doanh. Vietcombank chú trọng trang bị năng lực cần thiết cho cán bộ nhân viên trong thời kỳ chuyển đổi số, đào tạo các dự án chuyển đổi và đào tạo nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ cán bộ chủ chốt. Các chương trình phát triển kỹ năng cho người lao động bao gồm các bài tập thực hành và tình huống thực tiễn được tăng cường nhằm giúp học viên tiếp cận vấn đề, nội dung đào tạo hiệu quả hơn (kỹ năng kiểm soát cảm xúc, kỹ năng tư vấn bán hàng, kỹ năng chăm sóc khách hàng,...). Bên cạnh đó, các chương trình cốt lõi cho cán bộ nhân viên được duy trì triển khai và đảm bảo chất lượng đào tạo, từ đó giúp cán bộ nhân viên nâng cao hiệu quả làm việc, gia tăng sự gắn kết với tổ chức.

Trong năm 2024, Vietcombank đã tổ chức 398 khóa đào tạo trực tiếp, đạt 104,7% kế hoạch năm 2024. Tính riêng các khóa đào tạo trong kế hoạch năm 2024, Vietcombank đã triển khai 333 khóa, tăng 3,7% so với năm 2023. Tổng số lượt đào tạo trong năm 2024 đạt hơn 166 nghìn lượt (tăng 18,7% so với năm 2023), trong đó chủ yếu tập trung các nội dung về Lãnh đạo và quản lý, Công nghệ thông tin và chuyển đổi số, Ngân hàng bán lẻ. Tỷ suất

đào tạo dành cho nhóm cán bộ quản lý đạt 11 lượt/cán bộ (cao hơn mức 7,3 lượt/cán bộ của năm 2023) và tỷ suất đào tạo dành cho nhóm cán bộ không giữ chức vụ đạt 7,8 lượt/cán bộ (cao hơn mức 5,7 lượt/cán bộ của năm 2023). Số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ năm 2024 là 36,1 giờ/năm, cao hơn so với tiêu chuẩn về số giờ đào tạo do BCG khuyến nghị đến năm 2025 là 35 giờ/cán bộ. Tính riêng các chương trình đào tạo trong kế hoạch, số giờ đào tạo trung bình trên một cán bộ trong năm 2024 là 32,5 giờ/năm, tăng 1,2% so với năm 2023.

Không ngừng đổi mới hình thức triển khai và phương pháp đào tạo

Các chương trình đào tạo được tổ chức với các hình thức đa dạng và khai thác công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả triển khai, bao gồm đào tạo tập trung trên lớp, đào tạo trực tuyến qua cầu truyền hình, MS Teams (hoặc các nền tảng trực tuyến khác), đào tạo qua kênh E-learning. Các lớp học cũng có thể kết hợp nhiều hình thức đào tạo nhằm tạo sự thuận tiện tối đa cho người học. Phương pháp đào tạo cũng được chú trọng đổi mới, lấy người học làm trung tâm, tăng cường tương tác và các hoạt động thực hành, bài tập ứng dụng có tính thực tiễn, giúp cho việc học tập đạt hiệu quả tốt hơn. Ngoài ra, việc đổi mới phương thức triển khai, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ trong hoạt động đào tạo góp phần giúp công tác triển khai, quản lý đào tạo chuyên nghiệp, hiệu quả, tiết kiệm thời gian, chi phí, nguồn lực và giúp các Đơn vị chủ động kế hoạch bố trí nhân sự tham gia đào tạo.

TRONG NĂM 2024,
VIETCOMBANK ĐÃ TỔ CHỨC

398 khóa

ĐÀO TẠO TRỰC TIẾP

TỔNG SỐ LƯỢT ĐÀO TẠO
TRONG NĂM 2024 ĐẠT HƠN

166 nghìn lượt

Liên quan tới nhân quyền

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ, SỬ DỤNG LAO ĐỘNG TRẺ EM, LAO ĐỘNG CƯỖNG BỨC, ÉP BUỘC

Vietcombank luôn đảm bảo sự minh bạch, rõ ràng, không có sự phân biệt đối xử về dân tộc, tôn giáo, giới tính trong tổ chức. Được thành lập từ tháng 05/2005, Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ Vietcombank đã thực hiện tốt vai trò tham mưu cho Ban Lãnh đạo trong việc đưa yếu tố giới vào công tác quản trị, điều hành; lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng, thực hiện các văn bản chính sách, chiến lược, chương trình, kế hoạch phát triển của Vietcombank. Đến ngày 31/12/2024, Vietcombank có 132 Ban Vì sự tiến bộ của phụ nữ cấp cơ sở.

Đặc biệt, Vietcombank đã chú trọng đến công tác quy hoạch và bố trí cán bộ quản lý nữ. Nguồn cán bộ nữ tại Vietcombank chiếm khoảng 61% số lượng nhân sự toàn hệ thống, trong đó tại Trụ sở chính có tới 56% cán bộ nữ được quy hoạch cán bộ quản lý giai đoạn năm 2021-2026, tương đương 501 người. Điều này cho thấy, sự bình đẳng giới và sự quan tâm của Ban Lãnh đạo trong việc sử dụng lao động nữ trong toàn hệ thống Vietcombank.

Bên cạnh đó, Vietcombank không sử dụng lao động trẻ em và luôn chủ động chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về lao động.



Trách nhiệm đối với cộng đồng và xã hội

VCB ĐÃ CAM KẾT TRIỂN KHAI CÁC CHƯƠNG TRÌNH AN SINH XÃ HỘI VỚI TỔNG NGÂN SÁCH

~571 tỷ đồng

ỦNG HỘ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ ĐỘT NÁT CHO HỘ NGHÈO CỦA THỦ TƯỚNG PHÁT ĐỘNG SỐ TIỀN

100 tỷ đồng

THẺ BHYT CHO NGƯỜI CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN VỚI SỐ TIỀN HỖ TRỢ GẦN

13 tỷ đồng

ỦNG HỘ QUỸ “VÌ NGƯỜI NGHÈO” TRUNG ƯƠNG ĐỂ HỖ TRỢ XÓA NHÀ TẠM, NHÀ ĐỘT NÁT, SỐ TIỀN

20 tỷ đồng

TÀI TRỢ XÂY TRƯỜNG TIỂU HỌC 2, THỊ TRẤN RẠCH GỐC, HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU, SỐ TIỀN

35 tỷ đồng

VCB ĐÃ THỰC HIỆN

65 chương trình khảo sát

VÀ NHẬN ĐƯỢC HƠN

1 triệu lượt phản hồi

Năm 2024, Vietcombank tiếp tục thực hiện khảo sát định đánh giá mức độ hài lòng của khách hàng để từng bước cải thiện chất lượng và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ tốt nhất cho cộng đồng và xã hội. Với phương thức khảo sát đa dạng theo thời gian thực (Pop-up, OTT, Qrcode), cùng bộ câu hỏi khảo sát được thiết kế nhất quán và liên mạch giữa các kênh phục vụ, VCB đã thực hiện 65 chương trình khảo sát và nhận được hơn 1 triệu lượt phản hồi từ phía Khách hàng, trong đó 94% Khách hàng đánh giá hài lòng và rất hài lòng. Các ý kiến của Khách hàng được VCB lắng nghe, phân tích thấu đáo và ứng xử kịp thời nhằm không ngừng nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ Khách hàng.

Bên cạnh đó, tiếp nối và phát huy truyền thống là một ngân hàng Xanh – Vì cộng đồng, trong năm 2024, VCB đã cam kết triển khai các chương trình an sinh xã hội với tổng ngân sách ~571 tỷ đồng. Trong đó ngân sách cam kết chi cho:

- Hoạt động an sinh xã hội và thiện nguyện chiếm ~47% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động y tế, giáo dục, đầu tư phát triển cộng đồng chiếm ~46% tổng ngân sách cam kết;
- Hoạt động khác chiếm ~7% tổng ngân sách cam kết.

Một số hoạt động tiêu biểu như triển khai chương trình “Tết cho người nghèo” 2024 và tặng sổ BHXH, thẻ BHYT cho người có hoàn cảnh khó khăn với số tiền hỗ trợ gần 13 tỷ đồng; Ủng hộ xóa nhà tạm, nhà đột nát cho hộ nghèo của Thủ tướng phát động, số tiền 100 tỷ đồng; Ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” Trung ương để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà đột nát, số tiền 20 tỷ đồng; Tài trợ xây Trường Tiểu học 2, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau, số tiền 35 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí xây dựng Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học xã Cao Sơn, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai, số tiền 20 tỷ đồng; Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, số tiền 7,5 tỷ đồng; Tài trợ kinh phí đầu tư xây dựng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa, số tiền 6 tỷ đồng...

94% khách hàng

ĐÁNH GIÁ HÀI LÒNG VÀ RẤT HÀI LÒNG

CÁC HOẠT ĐỘNG AN SINH XÃ HỘI

Với mục tiêu xuyên suốt là hướng tới một ngân hàng Xanh, phát triển bền vững vì cộng đồng, hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank không ngừng được đẩy mạnh với nhiều chương trình thiết thực, ý nghĩa, được triển khai trên quy mô lớn, đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng, xã hội. Chuỗi hoạt động an sinh xã hội được

Vietcombank triển khai suốt nhiều năm qua với sự tham gia tích cực từ trụ sở chính đến các chi nhánh, công ty trực thuộc trên toàn quốc, mục tiêu của các hoạt động không nằm ngoài việc chia sẻ khó khăn và nâng cao chất lượng đời sống dân nghèo tại những địa phương còn nhiều khó khăn trên cả nước.

Năm 2024, Vietcombank đã dành ~571 tỷ đồng cho công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn 2020 – 2024, số tiền dành cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank là hơn 2.311 tỷ đồng. Giáo dục và Y tế là 2 lĩnh vực trọng điểm được Vietcombank đặc biệt quan tâm, các hoạt động an sinh xã hội đầu tư cho 2 lĩnh vực này được Vietcombank triển khai rộng khắp tại nhiều địa phương nghèo trên cả nước suốt thời gian qua.

Đối với lĩnh vực giáo dục

Không chỉ xây dựng những ngôi trường mới, Vietcombank còn luôn đi đầu trong việc tài trợ trang thiết bị học tập, giảng dạy và nâng cấp các hạng mục xây dựng tại các trường đang hoạt động. Những bộ bàn ghế, thư viện, phòng học chức năng hay đơn giản chỉ là những bể nước sạch, nhà để xe, sân thể thao..., tuy đơn giản nhưng rất thiết thực với những ngôi trường còn nhiều khó khăn, góp phần quan trọng trong việc cải thiện, nâng cao chất lượng dạy và học cho thầy cô, học sinh. Bên cạnh đó, tiếp sức cho học sinh nghèo an tâm vững bước trên con đường tới trường cũng được Vietcombank đặc biệt quan tâm thông qua việc tặng hàng nghìn chiếc cặp phao cứu sinh cho các em học sinh nghèo vùng lũ, vùng sông nước; tặng xe đạp cho học sinh, sinh viên nghèo hiếu học. Hàng năm, Vietcombank cũng dành tặng hàng chục tỷ đồng tặng học bổng cho các học sinh, sinh viên có thành tích học tập xuất sắc hoặc có nỗ lực học tập trong điều kiện khó khăn thông qua các Quỹ học bổng, Quỹ khuyến

học tại các địa phương và các chương trình gây quỹ khuyến học trên phạm vi toàn quốc. Đặc biệt, nhân dịp kỷ niệm 60 năm thành lập (1/4/1963 – 1/4/2023) và đón nhận danh hiệu cao quý Anh hùng lao động, Vietcombank đã ra mắt Quỹ “Vững tương lai”, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo vượt khó, tài năng. Qua những hoạt động này, Vietcombank mong muốn được góp phần thắp lên niềm tin cho những em học sinh còn nhiều khó khăn, thấp lửa cho những đam mê và truyền thống hiếu học của thế hệ trẻ Việt Nam.

Năm 2024, Vietcombank đã thực hiện hỗ trợ cho 600 học sinh sinh viên nghèo vượt khó với tổng số tiền 6 tỷ đồng; trao học bổng cho các trường đại học lớn tại Việt Nam với tổng số tiền 1 tỷ đồng; cam kết thực hiện ASXH cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tại chương trình “Mùa xuân cho em” lần thứ 18 với chủ đề “Tô màu ước mơ em” thông qua Quỹ bảo trợ trẻ em Việt Nam...

Đối với lĩnh vực y tế

Không chỉ tài trợ xây dựng các bệnh viện, trạm y tế, trang bị các thiết bị thiết yếu cho công tác khám, chữa bệnh..., Vietcombank còn luôn quan tâm, chia sẻ khó khăn với các bệnh nhân như hỗ trợ chi phí phẫu thuật, thăm hỏi các bệnh nhân, đặc biệt là trẻ em nghèo có hoàn cảnh khó khăn. Những phong trào ủng hộ suất ăn cho bệnh nhân cũng được các nhóm đoàn thể Vietcombank thực hiện thường xuyên tại nhiều địa phương. Hoạt động hiến máu tình nguyện luôn được đông đảo đoàn viên thanh niên, cán bộ, người lao động Vietcombank nhiệt tình tham gia.

Bên cạnh những chương trình quy mô lớn do Vietcombank phối hợp với các địa phương và các cơ quan thực hiện, từng cá nhân cán bộ Vietcombank luôn ý thức và hàng ngày vẫn có những đóng góp cho nhiều chương trình thiết thực, có ý nghĩa để cùng chung tay góp sức xây dựng một xã hội ngày càng văn minh, tươi đẹp.

Năm 2024, Vietcombank cam kết tài trợ trang thiết bị y tế cho 01 trạm y tế trên Quần đảo Trường Sa – Quân chủng Hải Quân (qua bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức) – Đầu tư, cải tạo Bệnh xá đảo Sơn Ca trên Quần đảo Trường Sa với giá trị hơn 12 tỷ đồng; tài trợ mua sắm trang thiết bị máy móc cho Bệnh viện Đa khoa Xanh Pôn – TP Hà Nội với trị giá 2 tỷ đồng...

ĐẦU TƯ, CẢI TẠO BỆNH XÁ
ĐẢO SƠN CA TRÊN QUẦN ĐẢO
TRƯỜNG SA VỚI GIÁ TRỊ HƠN

12 tỷ đồng



BẢNG THÔNG TIN SỐ LIỆU VỀ ASXH NĂM 2024 VÀ GIAI ĐOẠN 5 NĂM 2020 – 2024

Tổng số liệu ASXH:

TT	Nội dung	Năm 2024 (đv: triệu đồng)	
		2024	Giai đoạn 5 năm (2019 – 2023)
1	Tổng số tiền tài trợ cho hoạt động an sinh xã hội của Vietcombank	570.954	2.311.210

Khu vực:

TT	Khu vực	Năm 2024 (đv: triệu đồng)
1	Khu vực Tây Bắc	301.340
2	Khu vực Tây Nguyên	31.109
3	Khu vực Tây Nam Bộ	74.592
4	Các tỉnh/thành phố khác	163.913

Các lĩnh vực:

TT	Mục đích tài trợ	Giá trị thực hiện năm 2024 (đv: triệu đồng)
1	Tài trợ cho lĩnh vực giáo dục	173.687
2	Tài trợ cho lĩnh vực Y tế	90.465
3	Tài trợ cho người nghèo/xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết...	269.237
4	Tặng quà cho các bà mẹ VNAH, thân nhân liệt sỹ, các công tác cho người có công...	1.848
5	Tài trợ cho các lĩnh vực khác	35.717

Một số chương trình/công trình an sinh xã hội tiêu biểu Vietcombank đã triển khai trong năm 2024:

TT	Tên chương trình	Số tiền (đv: triệu đồng)
1	Ủng hộ xóa nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo của Thủ tướng phát động	100
2	Ủng hộ Quỹ “Vì người nghèo” Trung ương để hỗ trợ xóa nhà tạm, nhà dột nát	20
3	Tài trợ xây Trường Tiểu học 2, thị trấn Rạch Gốc, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau	35
4	Tài trợ kinh phí xây dựng Trường Phổ thông Dân tộc bán trú Tiểu học xã Cao Sơn, huyện Mường Khương, tỉnh Lào Cai	20
5	Hỗ trợ kinh phí để xây dựng nhà Đại đoàn kết cho hộ nghèo trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu	7,5
6	Tài trợ kinh phí đầu tư xây dựng trường Tiểu học và Trung học cơ sở Mỹ Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa	6



Dấu ấn Tài chính Kiến tạo giá trị trường tồn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 126 Thông tin về Ngân hàng
- 128 Báo cáo của Ban Điều hành
- 129 Báo cáo kiểm toán độc lập
- 130 Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất
- 133 Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất
- 134 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 136 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng Thương mại Cổ phần
Ngoại thương Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2024

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Giấy phép Thành lập
và Hoạt động

Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”), Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012, Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/

QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022, Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, Quyết định số 1016/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định 85/QĐ-TTGSNH1 ngày 21 tháng 2 năm 2025 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc sửa đổi, bổ sung giấy phép về nội dung hoạt động của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp với mã số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024.

Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2024
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên phụ trách hoạt động của HĐQT Thành viên	Thôi giao phụ trách HĐQT ngày 26 tháng 7 năm 2024 Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên	Từ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2024
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Hồng Quang	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 11 năm 2023
Ông Vũ Viết Ngoạn	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2023

Ban Điều hành trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2024
Ông Lê Quang Vinh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025
Bà Đinh Thị Thái	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 15 tháng 12 năm 2022
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm lại ngày 1 tháng 4 năm 2024
Ông Shojiro Mizoguchi	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 23 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2022
Ông Lê Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Hồ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 1 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Khối Pháp chế và Tuân thủ	Bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023
Bà Đoàn Hồng Nhung	Giám đốc Khối Bán lẻ	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023
Ông Colin Richard Dinn	Giám đốc Khối Chuyển đổi	Miễn nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2024
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc Khối CNTT và chuyển đổi số Giám đốc Đối mới sáng tạo	Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024 Miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024

Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất

Ông Lại Hữu Phước	Trưởng ban	Chuyển công tác sang NHNNVN từ ngày 1 tháng 8 năm 2024
Bà Đinh Thị Thái	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Bà Trần Mỹ Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Đỗ Thị Mai Hương	Thành viên	Bổ nhiệm lại ngày 21 tháng 4 năm 2023
Bà Trương Thị Diệu Quế	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024
Ông Trịnh Ngọc An	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024

Kế toán Trưởng

Bà La Thị Hồng Minh	Bổ nhiệm ngày 7 tháng 12 năm 2023
---------------------	-----------------------------------

Đại diện theo pháp luật

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT	Từ ngày 2 tháng 1 năm 2024
-----------------------	---------------	----------------------------

Người được ủy quyền ký báo cáo tài chính (theo Giấy Ủy quyền số 112/UQ-VCB-CSTCKT ngày 23 tháng 1 năm 2025)	Từ ngày 23 tháng 1 năm 2025 Ông Lê Hoàng Tùng Chức danh: Phó Tổng Giám đốc
---	---

Trụ sở chính	198 Trần Quang Khải Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Đơn vị kiểm toán	Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng đối với báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành Ngân hàng cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các số sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và cũng đảm bảo rằng các số sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Ngân hàng cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành Ngân hàng cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Công bố của Ban Điều hành Ngân hàng

Theo ý kiến của Ban Điều hành Ngân hàng, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành Ngân hàng:

Ông Lê Hoàng Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2025

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con được lập Ngày 28 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 6 đến trang 86, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Ngân hàng cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Đặng Phương Hà

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2400-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Văn Trung

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 3847-2021-004-1

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)
A	TÀI SẢN			
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	4	14.268.064	14.504.849
II	Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước ("NHNN")	5	49.340.493	58.104.503
III	Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	6	389.951.898	336.501.657
1	Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		384.031.890	312.001.875
2	Cho vay các tổ chức tín dụng khác		6.920.008	30.175.707
3	Dự phòng rủi ro		(1.000.000)	(5.675.925)
IV	Chứng khoán kinh doanh	7	4.876.237	2.495.408
1	Chứng khoán kinh doanh		4.908.527	2.511.395
2	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(32.290)	(15.987)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	8	1.314.434	-
VI	Cho vay khách hàng		1.418.015.724	1.241.677.211
1	Cho vay khách hàng	9	1.449.198.899	1.270.359.018
2	Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	10	(31.183.175)	(28.681.807)
VIII	Chứng khoán đầu tư	11	167.383.349	145.780.067
1	Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		86.799.901	67.882.480
2	Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		80.829.540	78.009.747
3	Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(246.092)	(112.160)
IX	Góp vốn, đầu tư dài hạn		2.228.098	2.224.945
2	Vốn góp liên doanh	12(a)	763.736	826.152
3	Đầu tư vào công ty liên kết	12(b)	10.440	12.073
4	Đầu tư dài hạn khác	12(c)	1.528.922	1.529.145
5	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	12(d)	(75.000)	(142.425)
X	Tài sản cố định		8.092.877	7.805.080
1	Tài sản cố định hữu hình	13	5.530.579	5.212.804
a	Nguyên giá tài sản cố định		15.808.302	14.812.856
b	Khấu hao tài sản cố định		(10.277.723)	(9.600.052)
3	Tài sản cố định vô hình	14	2.562.298	2.592.276
a	Nguyên giá tài sản cố định		5.072.735	4.906.881
b	Hao mòn tài sản cố định		(2.510.437)	(2.314.605)

Mẫu B02/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Số tham chiếu:
12163420/E-67794777-HN

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)
XII	Tài sản Có khác		30.402.348	30.630.840
1	Các khoản phải thu	15(a)	14.040.294	11.790.173
2	Các khoản lãi, phí phải thu	15(b)	8.868.303	9.265.453
3	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15(c)	991.748	848.268
4	Tài sản Có khác	15(d)	6.516.040	8.742.409
5	Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	15(d)	(14.037)	(15.463)
	TỔNG TÀI SẢN CÓ		2.085.873.522	1.839.724.560
B	NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	16	78.237.337	1.670.837
1	Tiền gửi và vay Chính phủ và NHNN		78.237.337	1.670.837
II	Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	17	234.533.958	213.838.980
1	Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		223.171.381	193.963.218
2	Vay các tổ chức tín dụng khác		11.362.577	19.875.762
III	Tiền gửi của khách hàng	18	1.514.664.850	1.395.697.611
IV	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	8	-	117.752
V	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	19	529	365
VI	Phát hành giấy tờ có giá	20	24.125.059	19.912.623
VII	Các khoản nợ khác		38.102.621	43.405.902
1	Các khoản lãi, phí phải trả	21(a)	13.990.276	19.527.028
3	Các khoản phải trả và công nợ khác	21(b)	24.112.345	23.878.874
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		1.889.664.354	1.674.644.070
VIII	Vốn chủ sở hữu	22		
1	Vốn của tổ chức tín dụng		61.696.139	61.696.139
a	Vốn điều lệ		55.890.913	55.890.913
c	Thặng dư vốn cổ phần		4.995.389	4.995.389
g	Vốn khác		809.837	809.837
2	Quỹ của tổ chức tín dụng		37.052.974	27.447.116
3	Chênh lệch tỷ giá hối đoái		(968.292)	(983.237)
5	Lợi nhuận chưa phân phối		98.332.086	76.826.482
a	Lợi nhuận để lại năm trước		74.498.539	51.185.561
b	Lợi nhuận để lại năm nay		23.833.547	25.640.921
6	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		96.261	93.990
	TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	22(a)	196.209.168	165.080.490
	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.085.873.522	1.839.724.560

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)
CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT				
1	Bảo lãnh vay vốn		286.899	306.384
2	Cam kết giao dịch hối đoái		345.715.424	111.435.962
	Cam kết mua ngoại tệ		2.420.843	3.375.603
	Cam kết bán ngoại tệ		2.429.276	3.798.668
	Cam kết giao dịch hoán đổi		340.865.305	104.261.691
4	Cam kết trong nghiệp vụ thư tín dụng		49.750.002	76.546.157
5	Bảo lãnh khác		58.052.470	53.731.287
6	Các cam kết khác		34.816.276	40.331.489
7	Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	45	2.788.354	2.419.944
8	Nợ khó đòi đã xử lý	46	74.144.216	67.906.657
9	Tài sản và chứng từ khác	47	534.590.122	581.852.857

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Bà La Thị Hồng Minh

Kế toán Trưởng

Hà Nội, Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người duyệt:

Ông Lê Hoàng Tùng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT

Mẫu B03/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số
49/2014/TT-NHNN
ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

STT	Chi tiêu	Thuyết minh	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	93.654.841	108.115.840
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	24	(38.249.106)	(54.501.409)
I	Thu nhập lãi thuần		55.405.735	53.614.431
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		13.143.005	12.698.083
4	Chi phí hoạt động dịch vụ		(8.006.444)	(6.872.673)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	25	5.136.561	5.825.410
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	26	5.291.751	5.660.028
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	27	62.123	124.539
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	28	3.444	-
5	Thu nhập từ hoạt động khác		4.468.806	4.051.437
6	Chi phí hoạt động khác		(2.097.103)	(1.777.975)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	29	2.371.703	2.273.462
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	30	307.179	266.456
	TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		68.578.496	67.764.326
VIII	CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	31	(23.027.363)	(21.905.912)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		45.551.133	45.858.414
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	32	(3.314.998)	(4.529.947)
XI	TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	42.236.135		41.328.467
7	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33(a)	(8.526.496)	(8.096.357)
8	Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	33(b)	143.478	(109.838)
XII	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp		(8.383.018)	(8.206.195)
XIII	LỢI NHUẬN SAU THUẾ		33.853.117	33.122.272
XIV	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát		(21.731)	(21.245)
XV	Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng		33.831.386	33.101.027
XVI	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	34(c)	5.571	5.462

Hà Nội, Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Bà La Thị Hồng Minh

Kế toán Trưởng

Ông Lê Hoàng Tùng

Phó Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04/TCTD-HN

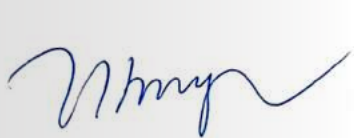
(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

STT	Chi tiêu	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	93.772.270	108.115.649
02	Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(43.790.244)	(47.454.819)
03	Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ nhận được	3.523.997	4.100.623
04	Chênh lệch số tiền thực thu và thực chi từ hoạt động kinh doanh (ngoại tệ, vàng bạc, chứng khoán)	4.094.518	5.242.957
05	(Chi phí)/thu nhập khác	(1.390.558)	179.388
06	Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xóa, bù đắp bằng nguồn rủi ro	3.751.009	2.090.116
07	Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(20.922.713)	(19.932.948)
08	Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp thực nộp trong năm	(8.854.401)	(8.969.967)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	30.183.878	43.370.999
	(Tăng)/giảm về tài sản hoạt động		
09	Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	18.021.934	10.780.289
10	Các khoản về kinh doanh chứng khoán	(24.134.346)	19.792.999
11	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	(1.314.434)	156.515
12	Các khoản cho vay khách hàng	(178.839.881)	(125.292.768)
13	Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý, bù đắp tổn thất các khoản cho vay	(5.358.023)	(5.758.202)
14	Tài sản hoạt động khác	496.225	30.781.829
	Tăng/(giảm) về nợ hoạt động		
15	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	76.566.500	(65.643.979)
16	Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	20.694.977	(18.671.870)
17	Các khoản tiền gửi của khách hàng	118.967.239	152.229.140
18	Các khoản phát hành giấy tờ có giá	4.212.146	(5.425.274)
19	Các khoản vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	164	(2.933)
20	Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	(117.752)	117.752
21	Công nợ hoạt động khác	2.620.930	(72.173.193)
22	Chi từ các quỹ của tổ chức tín dụng	(2.876.726)	(2.802.834)
I	Lưu chuyển tiền thuần từ/(cho) hoạt động kinh doanh	59.122.831	(38.541.530)

STT	Chi tiêu	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	Mua sắm tài sản cố định	(1.480.121)	(1.008.160)
02	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	12.504	9.435
03	Tiền chi cho thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(1.252)	(6.770)
08	Tiền thu đầu tư, góp vốn vào các đơn vị khác	747	-
09	Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	160.709	135.403
10	Tiền thu từ cổ tức đã có quyết định từ năm trước	-	10.685
II	Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động đầu tư	(1.307.413)	(859.407)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
04	Cổ tức đã trả cho cổ đông, lợi nhuận đã chia	(19.963)	(15.627)
III	Lưu chuyển tiền thuần cho hoạt động tài chính	(19.963)	(15.627)
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	57.795.455	(39.416.564)
V	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm đầu năm	372.818.730	412.235.294
VI	Tiền và các khoản tương đương tiền tại thời điểm cuối năm (Thuyết minh 35)	430.614.185	372.818.730

Hà Nội, Ngày 28 tháng 3 năm 2025

Người lập:



Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Phó phòng
Chính sách Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Bà La Thị Hồng Minh

Kế toán Trưởng



Ông Lê Hoàng Tùng

Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mẫu B04/TCTD-HN

(Ban hành theo Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc kèm với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Thành lập và hoạt động

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) được chuyển đổi từ một ngân hàng thương mại Nhà nước theo phương án cổ phần hóa Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, và các quy định có liên quan khác của pháp luật. Ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN ngày 23 tháng 5 năm 2008 với thời gian hoạt động là 99 năm và Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với mã số 0100112437 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024.

Các hoạt động chính của Ngân hàng theo Quyết định số 2719/QĐ-NHNN ngày 27 tháng 12 năm 2011, Quyết định số 523/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 3 năm 2012,

Quyết định số 1547/QĐ-NHNN ngày 6 tháng 8 năm 2014, Quyết định số 2182/QĐ-NHNN ngày 26 tháng 10 năm 2015, Quyết định số 95/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 1 năm 2017, Quyết định số 891/QĐ-NHNN ngày 8 tháng 5 năm 2017, Quyết định số 2293/QĐ-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017, Quyết định số 300/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 2 năm 2019, Quyết định số 2447/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 11 năm 2019, Quyết định số 346/QĐ-NHNN ngày 10 tháng 3 năm 2022, Quyết định số 700/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 2022, Quyết định số 1788/QĐ/NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, Quyết định số 1016/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 5 năm 2024 và Quyết định 85/QĐ-TTGSNH1 ngày 21 tháng 2 năm 2025 của NHNNVN sửa đổi, bổ sung Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN về nội dung

Theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 138/GP-NHNN do NHNNVN cấp ngày 23 tháng 5 năm 2008 và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0103024468 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 2 tháng 6 năm 2008, vốn điều lệ của Ngân hàng là 12.100.860.260.000 đồng. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp

hoạt động của Ngân hàng bao gồm kinh doanh vàng miếng, huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cấp tín dụng cho các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện đầu tư vào công ty liên kết, công ty liên doanh và các công ty khác, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu, và một số hoạt động kinh doanh bất động sản theo quy định của pháp luật; kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất và phái sinh giá cả hàng hóa theo quy định của pháp luật; hoạt động mua nợ; kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do NHNNVN quy định.

với mã số 0100112437 cấp đổi lần thứ 17 ngày 2 tháng 1 năm 2024 và nội dung sửa đổi Giấy phép thành lập và hoạt động số 138/GP-NHNN của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại Quyết định số 1788/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 9 năm 2023, vốn điều lệ của Ngân hàng là 55.890.912.620.000 đồng. Mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

31/12/2024			31/12/2023		
	Số cổ phiếu	%	Số cổ phiếu	%	
Số cổ phần của Nhà nước	4.180.828.481	74,80%	4.180.828.481	74,80%	
Số cổ phần của cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	838.372.264	15,00%	838.372.264	15,00%	
Số cổ phần của các chủ sở hữu khác	569.890.517	10,20%	569.890.517	10,20%	
	5.589.091.262	100%	5.589.091.262	100%	

Địa điểm và hệ thống chi nhánh

Ngân hàng có Trụ sở chính đặt tại số 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Ngân hàng có một (1) Trụ sở chính, một (1) Trường Đào tạo và Phát triển nguồn nhân lực Vietcombank, hai (2) Trung tâm xử lý tiền mặt, một trăm ba mươi mốt (131) chi nhánh trên toàn quốc, năm (5) công ty con tại Việt Nam, ba (3) công ty con tại nước ngoài, hai (2) công ty liên doanh, một (1) công ty liên kết, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Mỹ, một (1) văn phòng đại diện đặt tại Singapore và một (1) văn phòng đại diện đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Công ty con	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 66/GP-NHNN ngày 31 tháng 10 năm 2017 của NHNNVN	Cho thuê tài chính	100%
Công ty TNHH Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép hoạt động số 09/GPHĐKD ngày 24 tháng 4 năm 2002 được điều chỉnh lần gần đây nhất theo Giấy phép số 02/GPĐC-UBCK ngày 12 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (“UBCKNN”)	Chứng khoán	100%
Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông (“Vinafico”)	Giấy phép hoạt động số 58327 ngày 10 tháng 2 năm 1978 do Ủy ban Ngân hàng Hồng Kông cấp	Dịch vụ tài chính	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kiều hối Vietcombank	Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0314633162 ngày 20 tháng 9 năm 2017 và sửa đổi lần gần nhất ngày 3 tháng 1 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp	Chuyển tiền kiều hối	100%
Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào	Giấy phép hoạt động số 88/BOL ngày 25 tháng 5 năm 2018 do Ngân hàng Trung ương Lào cấp	Ngân hàng	100%
Công ty Chuyển tiền Vietcombank	Giấy đăng ký kinh doanh số E0321392009-6 do Chính quyền Bang Nevada, Hoa Kỳ cấp ngày 15 tháng 6 năm 2009	Chuyển tiền	87,5%
Công ty TNHH Cao ốc Vietcombank 198	Giấy phép đầu tư số 1578/GP ngày 30 tháng 5 năm 1996 và sửa đổi lần gần đây nhất ngày 1 tháng 3 năm 2019 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	Cho thuê văn phòng	70%
Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Ngoại thương Công nghệ số ^(*)	Giấy phép thành lập số 0047/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 29 tháng 12 năm 1993	Ngân hàng	100%

(*) Ngày 17 tháng 10 năm 2024, NHNNVN đã công bố Quyết định số 2299/QĐ-NHNN về việc chuyển giao bắt buộc (“CGBB”) Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam do Nhà nước sở hữu 100% vốn cho Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (“Ngân hàng”) theo Phương án được Chính phủ phê duyệt. Sau CGBB, Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam tiếp tục hoạt động dưới hình thức ngân hàng trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ngân hàng sở hữu 100% vốn điều lệ; được thực hiện các hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại theo quy định và là pháp nhân độc lập. Sau khi nhận CGBB, theo Luật các Tổ chức tín dụng, Ngân hàng có quyền:

- Không phải hợp nhất báo cáo tài chính của Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam;
- Được loại trừ Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam khi tính tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất;

Ngân hàng thương mại TNHH một thành viên Xây dựng Việt Nam được đổi tên thành Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên Ngoại thương Công nghệ số căn cứ theo Quyết định số 30/QĐ-TTGSNH1 ngày 17 tháng 1 năm 2025 thay thế Quyết định số 250/QĐ-NHNN ngày 5 tháng 3 năm 2015.

Ngân hàng và các công ty con sau đây gọi chung là “Vietcombank”.

Công ty liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Công ty liên doanh	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh	Giấy phép đầu tư số 2458/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 7 tháng 2 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 2458/GCNĐC2/41/1 ngày 28 tháng 12 năm 2012	Cho thuê văn phòng	52%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu Tư Chứng khoán Vietcombank	Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 06/UBCK-GPHĐQLQ do UBCKNN cấp ngày 2 tháng 12 năm 2005 và Giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 32/GPĐC-UBCK ngày 14 tháng 5 năm 2024	Quản lý quỹ đầu tư	51%

Công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và ngày 31 tháng 12 năm 2023:

Công ty liên kết	Giấy phép hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ phần vốn sở hữu của Ngân hàng
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Giấy phép số 283/GP do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 5 tháng 12 năm 1991 và giấy phép điều chỉnh lần gần đây nhất số 283/GPĐC4 ngày 4 tháng 3 năm 2002	Cho thuê văn phòng	16%

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Vietcombank có 24.306 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 23.493 nhân viên)

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Vietcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

Mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất

Ngân hàng có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh 1(d). Ngân hàng lập báo cáo tài chính hợp nhất này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020 – Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”) và Thông tư số 68/2024/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định

về giao dịch chứng khoán trên hệ thống giao dịch chứng khoán; bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán; hoạt động của công ty chứng khoán và công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 68”). Cũng theo quy định tại Thông tư 96 và Thông tư 68, Ngân hàng cũng đã lập báo cáo tài chính riêng của Ngân hàng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 (“Báo cáo tài chính riêng”) được phát hành Ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất, được trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“Triệu VND”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng (“TCTD”) do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Vietcombank bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán Vietcombank sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, ngoại trừ:

Luật các Tổ chức tín dụng (Luật số 32/2024/QH15)

Luật các Tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ban hành ngày 18 tháng 1 năm 2024 quy định về việc thành lập, tổ chức, hoạt động, can thiệp sớm, giải thể, chấm dứt hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài; việc thành lập, hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng; việc xử lý nợ xấu,

tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ. Luật này có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Nghị định số 86/2024/NĐ–CP (“Nghị định 86”) quy định về mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái

Chính phủ đã ban hành Nghị định 86 có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024, thay thế các nội dung liên quan đến dự phòng rủi ro tại Thông tư số 11/2021/TT–NHNN về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 11”). Ngân hàng căn cứ theo Nghị định 86 để thực hiện trích lập dự phòng rủi ro và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong kỳ. Các thay đổi chính của Nghị định 86 ảnh hưởng đến việc trích lập dự phòng rủi ro bao gồm:

- Quy định về thời điểm xác định quyền xử lý tài sản bảo đảm để tính giá trị khấu trừ tài sản bảo đảm bằng 0;
- Quy định về thời điểm trích lập dự phòng rủi ro theo kỳ thông tin của Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam (“CIC”);
- Quy định về việc xác định giá trị tài sản bảo đảm được khấu trừ khi tính số tiền trích lập dự phòng cụ thể tại thời điểm cuối năm tài chính.

Thông tư 21/2024/TT–NHNN (“Thông tư 21”) quy định về nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến thư tín dụng

Theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, nghiệp vụ thư tín dụng được xác định là một hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán và hoàn trả thư tín dụng. Theo quy định chuyển tiếp của Luật các Tổ chức tín dụng và Thông tư 21: “Các hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác liên quan đến nghiệp vụ thư tín dụng được ký kết, thỏa thuận trước ngày Thông tư 21 có hiệu lực thi hành, ngân hàng và khách hàng được tiếp tục thực hiện, theo dõi cho đến hết thời hạn hiệu lực và nghĩa vụ của các bên liên quan đã hoàn thành. Việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, giao dịch khác chỉ được thực hiện nếu nội dung sửa đổi, bổ sung, gia hạn phù hợp với quy định của Thông tư 21”.

Thông tư số 06/2024/TT–NHNN (“Thông tư 06”) sửa đổi Thông tư số 02/2023/TT–NHNN quy định về tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn (“Thông tư 02”)

NHNN ban hành Thông tư 06 có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 6 năm 2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 02, theo đó gia hạn thời gian cơ cấu thời hạn trả nợ cho khách hàng đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Thông tư số 31/2024/TT–NHNN (“Thông tư 31”) quy định về phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

NHNN ban hành Thông tư 31 có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, thay thế các nội dung liên quan đến phân loại nợ tại Thông tư 11. Các thay đổi chính của Thông tư 31 ảnh hưởng đến việc ước tính dự phòng như sau:

- Sửa đổi nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ hoạt động bao thanh toán;
- Bổ sung nguyên tắc phân loại nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ thư tín dụng, nghiệp vụ mua hân miễn truy đòi bộ chứng từ xuất trình theo thư tín dụng và một số nghiệp vụ khác;

Thông tư 53/2024/TT–NHNN (“Thông tư 53”) quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3, ngập lụt, lũ, sạt lở đất sau bão số 3

Thông tư 53 áp dụng cho TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng gặp khó khăn do ảnh hưởng, thiệt hại của bão số 3 tại 26 tỉnh, thành phố. Khách hàng được xem xét cơ cấu nợ nếu có dư nợ gốc phát sinh trước ngày 07/09/2024, với nghĩa vụ trả nợ từ 07/09/2024 đến 31/12/2025 và được đánh giá có khả năng trả nợ sau khi được cơ cấu. Thời gian thực hiện cơ cấu kéo dài đến 31/12/2025, với thời hạn trả nợ tối đa đến 31/12/2027. Ngân hàng thực hiện xem xét quyết định cơ cấu, phân loại nợ, trích lập dự phòng rủi ro và theo dõi lãi phải thu đối với khoản nợ được cơ cấu theo đúng quy định tại Thông tư. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 4 tháng 12 năm 2024.

Các giao dịch ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ khác với VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ phát sinh trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch. Các giao dịch thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng VND trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo tỷ giá giao ngay tại ngày giao dịch.

Chênh lệch tỷ giá trong năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Để lập báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp hợp nhất cho các công ty con và theo phương pháp vốn chủ sở hữu cho các công ty liên doanh và liên kết có đồng tiền hạch toán khác với VND, các tài sản, công nợ và vốn của các công ty này được chuyển đổi sang VND theo các tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân áp dụng trong kỳ kế toán. Trường hợp biên độ giao động của tỷ giá giữa thời điểm đầu kỳ và cuối kỳ trên 20% thì áp dụng theo tỷ giá giao ngay áp dụng tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển đổi báo cáo tài chính được ghi nhận trên phần vốn chủ sở hữu trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc hợp nhất
báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là công ty chịu sự kiểm soát của Ngân hàng. Sự kiểm soát tồn tại khi Ngân hàng có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp. Khi đánh giá quyền kiểm soát có thể xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các số dư nội bộ, giao dịch và thu nhập/chi phí của các giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được thay đổi khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát là phần lợi nhuận và giá trị tài sản thuần của các công ty con được xác định tương ứng cho các phần lợi ích không phải do Ngân hàng sở hữu một cách trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các công ty con.

Công ty liên kết và công ty liên doanh

Công ty liên kết là công ty mà Ngân hàng có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể, nhưng không nắm quyền kiểm soát đối với các chính sách và hoạt động của doanh nghiệp.

Công ty liên doanh là công ty mà Ngân hàng có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí giữa các bên liên doanh đối với các quyết định tài chính và hoạt động.

Ngân hàng áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu để hạch toán các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Ngân hàng hưởng lợi nhuận hoặc chịu phần lỗ trong các công ty liên kết và liên doanh từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể hoặc quyền đồng kiểm soát đối với các doanh nghiệp này và ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Nếu phần sở hữu của Ngân hàng trong khoản lỗ của các công ty liên kết và liên doanh lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh, Ngân hàng không tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất trừ khi Ngân hàng có nghĩa vụ thực hiện thanh toán các khoản nợ thay cho các công ty liên kết và liên doanh. Các chính sách kế toán của các công ty liên kết và liên doanh cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền nhất định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị, và được nắm giữ với mục đích đáp ứng các cam kết thanh toán ngắn hạn hơn là để đầu tư hay cho các mục đích khác.

Tiền gửi và cho vay các tổ
chức tín dụng khác

Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội theo quy định của NHNNVN về việc các tổ chức tín dụng nhà nước duy trì số dư tiền gửi tại Ngân hàng Chính sách Xã hội) là tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác có kỳ hạn tối đa ba tháng.

Cho vay các tổ chức tín dụng khác là các khoản cho vay có kỳ hạn gốc không quá mười hai tháng.

Tiền gửi thanh toán tại các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc.

Tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo số dư nợ gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể.

Việc phân loại các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện như sau:

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Vietcombank thực hiện theo quy định tại Thông tư 11. Theo đó, Vietcombank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

Theo Thông tư 11, Vietcombank không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Dư nợ cho vay khách hàng

Cho vay khách hàng được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất theo số dư nợ gốc tại ngày báo cáo.

Đối với nghiệp vụ thư tín dụng trả chậm có điều khoản thỏa thuận bên thụ hưởng được thanh toán trả ngay hoặc trả trước ngày đến hạn thanh toán thư tín dụng do Ngân hàng phát hành, căn cứ theo quy định tại Thông tư 21, khi ngân hàng hoàn trả thực hiện thanh toán cho bên thụ hưởng, ngân

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Vietcombank thực hiện theo quy định tại Thông tư 31 và Nghị định 86. Theo đó, Vietcombank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

Theo Nghị định 86, kể từ ngày 11 tháng 7 năm 2024, Vietcombank không trích lập dự phòng chung đối với các khoản sau:

- Tiền gửi tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của pháp luật và tiền gửi tại tổ chức tín dụng tại nước ngoài;
- Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam;
- Khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ trên thị trường chứng khoán theo quy định của pháp luật về phát hành, đăng ký, lưu ký, niêm yết và giao dịch công cụ nợ của Chính phủ trên thị trường chứng khoán;
- Các khoản nợ phát sinh từ hoạt động quy định tại khoản 2, Điều 3, Nghị định 86 giữa các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật.

hàng ghi nợ đối với khách hàng khi nhận được thông báo của ngân hàng hoàn trả và phải tính số dư nợ này vào tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với khách hàng.

Dự phòng rủi ro tín dụng cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Dự phòng rủi ro tín dụng bao gồm dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể và dự phòng rủi ro tín dụng chung.

Phân loại nợ

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Vietcombank thực hiện việc phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng theo quy định tại Thông tư 11.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2010, Vietcombank đã được NHNNVN chấp thuận thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo quy định tại Điều 7, Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 22 tháng 4 năm 2005. Theo Thông tư 11, Vietcombank tiếp tục thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo văn bản chấp thuận của NHNNVN và thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 11. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 11 khác nhau thì khoản nợ được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Vietcombank sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do Trung tâm Thông tin Tín dụng Quốc gia Việt Nam (“CIC”) cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Vietcombank điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Từ ngày 24 tháng 4 năm 2023

Vietcombank áp dụng Thông tư 02 do NHNNVN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn và Thông tư 06 sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư 02. Theo đó, Vietcombank xem xét thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ đối với số dư nợ gốc và/

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024

Từ ngày 1 tháng 7 năm 2024, Vietcombank thực hiện phân loại tài sản có trong hoạt động của ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo Thông tư 31 (ngoại trừ kỳ phân loại tháng 6 năm 2024 cho thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 năm 2024, Ngân hàng tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11 đối với việc phân loại nợ, cam kết ngoại bảng).

Theo Thông tư 31, Ngân hàng tiếp tục thực hiện phân loại nợ dựa trên phương pháp định tính theo văn bản chấp thuận của NHNNVN và thực hiện phân loại nợ và cam kết ngoại bảng theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1 Điều 11, Thông tư 31. Theo đó, trong trường hợp kết quả phân loại đối với một khoản nợ theo quy định tại Điều 10 và Khoản 1, Điều 11, Thông tư 31 khác nhau thì khoản nợ được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Đồng thời, Vietcombank sử dụng kết quả phân loại nợ đối với khách hàng do CIC cung cấp tại thời điểm phân loại để điều chỉnh kết quả tự phân loại nợ, cam kết ngoại bảng. Trường hợp nợ và cam kết ngoại bảng của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng điều chỉnh kết quả phân loại nợ, cam kết ngoại bảng theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

hoặc lãi của khoản nợ (bao gồm cả các khoản nợ thuộc phạm vi điều chỉnh của Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 9 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn đã được sửa đổi, bổ sung) trên cơ sở đề nghị của khách hàng và đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể

- Dư nợ gốc phát sinh trước ngày 24/4/2023 và từ hoạt động cho vay, cho vay tài chính;
- Phát sinh nghĩa vụ trả nợ gốc và/hoặc lãi trong khoảng thời gian từ ngày 24/4/2023 đến hết ngày 31/12/2024;
- Số dư nợ của khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ còn trong hạn hoặc quá hạn đến mười (10) ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán, thời hạn trả nợ theo hợp đồng, thỏa thuận;

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Vietcombank thực hiện mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước theo Thông tư 11.

Theo quy định của Thông tư 11, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể cho các khoản nợ tại cuối mỗi tháng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

- Khách hàng không có khả năng trả nợ đúng hạn nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận do doanh thu, thu nhập sụt giảm so với doanh thu, thu nhập tại phương án trả nợ gốc và/hoặc lãi theo hợp đồng, thỏa thuận;
- Khách hàng có khả năng trả nợ đầy đủ nợ gốc và/hoặc lãi theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại;
- Khoản nợ không vi phạm quy định pháp luật.

Từ ngày 11 tháng 7 năm 2024

Vietcombank thực hiện mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro, việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và trường hợp tổ chức tín dụng phân bổ lãi phải thu phải thoái theo Nghị định 86.

Theo quy định của Nghị định 86, dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể phải trích đối với khách hàng được xác định dựa trên tỷ lệ dự phòng tương ứng với kết quả phân loại nợ và số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của tháng/quý/đợt xuất trừ đi giá trị khấu trừ của tài sản bảo đảm.

Dự phòng rủi ro tín dụng cụ thể được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với số dư nợ gốc sau khi trừ đi khấu trừ của tài sản bảo đảm:

Tỷ lệ dự phòng	
Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn	0%
Nhóm 2 – Nợ cần chú ý	5%
Nhóm 3 – Nợ dưới tiêu chuẩn	20%
Nhóm 4 – Nợ nghi ngờ	50%
Nhóm 5 – Nợ có khả năng mất vốn	100%

Nợ xấu là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5.

Đối với các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn theo Thông tư 02 và Thông tư 06, đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Vietcombank xác định và ghi nhận 100% số tiền dự phòng cụ thể phải

Dự phòng rủi ro tín dụng chung

Trước ngày 1 tháng 7 năm 2024

Theo quy định tại Thông tư 11, Vietcombank trích lập một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4.

Xử lý nợ xấu

Theo Thông tư 11 và Nghị định 86, Vietcombank sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý rủi ro trong các trường hợp sau:

trích bổ sung đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng có dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 31 (nếu không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 06).

Từ ngày 11 tháng 7 năm 2024

Theo quy định tại Nghị định 86, Vietcombank trích lập một khoản dự phòng rủi ro tín dụng chung bằng 0,75% tổng số dư nợ gốc tại ngày cuối cùng của mỗi tháng của các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4.

- Khách hàng là tổ chức bị giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật; cá nhân bị chết, mất tích;
- Các khoản nợ được phân loại vào Nhóm 5.

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn và các chứng khoán khác được mua và nắm giữ trong vòng một năm nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, chứng khoán kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng rủi ro và dự phòng giảm giá.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập dựa trên quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp (“Thông tư 48”) và Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48 (“Thông tư 24”).

Chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được phân loại theo hai loại: chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Vietcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Vietcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ, chứng khoán vốn hoặc chứng khoán khác được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán khi có lợi. Đối với các chứng khoán vốn, đơn vị được đầu tư không phải là công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Vietcombank và Vietcombank không phải là cổ đông sáng lập hoặc là đối tác chiến lược, hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Góp vốn, đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Vietcombank có dưới 11% quyền biểu quyết và Vietcombank là cổ đông sáng lập; hoặc là đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Thành viên/Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành nhưng Vietcombank không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với đơn vị được đầu tư.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được. Vietcombank có ý định và có khả năng nắm giữ các chứng khoán này đến ngày đáo hạn.

Thu nhập lãi sau khi mua của chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ trừ đi dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Dự phòng chứng khoán đầu tư

Theo Nghị định 86, Vietcombank thực hiện phân loại nợ nhưng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với khoản mua chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu TCTD và khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ; thực hiện phân

loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh số 2(i) với các chứng khoán đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết. Đối với các khoản chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập nếu giá trị thị trường của chứng khoán bị giảm xuống thấp hơn giá gốc. Đối với các khoản chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn khác, dự phòng giảm giá chứng khoán được trích lập khi có dấu hiệu về sự giảm giá chứng khoán kéo dài hoặc có bằng chứng chắc chắn là Vietcombank khó có thể thu hồi đầy đủ khoản đầu tư.

Theo quy định tại Thông tư 24, Vietcombank dừng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư đối với trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương từ năm tài chính 2022.

giá trị suy giảm so với giá trị đầu tư của Vietcombank theo quy định của Thông tư 48. Theo đó, mức trích dự phòng cho khoản đầu tư là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở TCKT nhận vốn góp và vốn chủ sở hữu thực có của TCKT nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng nhân (x) với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của Ngân hàng tại TCKT nhận vốn góp. Đối với khoản đầu tư vào chứng khoán niêm yết hoặc giá thị trường của khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy, việc lập dự phòng được thực hiện dựa trên giá thị trường của chứng khoán.

Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến tại địa điểm đặt tài sản.

Theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013, tài sản cố định phải đồng thời thỏa mãn cả ba tiêu chuẩn dưới đây:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó;

Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 25 năm
Máy móc, thiết bị	3 – 5 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 năm

Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp (bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất không thời hạn);
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà đã trả tiền thuê đất cho cả thời gian thuê hoặc đã trả trước tiền thuê đất cho nhiều năm mà thời hạn thuê đất đã được trả tiền còn lại ít nhất là 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất được xác định là toàn bộ khoản tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp cộng các chi phí cho đến bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí chi ra để xây dựng các công trình trên đất); hoặc là giá trị quyền sử dụng đất nhận góp vốn.

Quyền sử dụng đất không ghi nhận là tài sản cố định vô hình bao gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất;

- Thuê đất trả tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê (thời gian thuê đất sau ngày có hiệu lực thi hành của Luật Đất đai năm 2003, không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) thì tiền thuê đất được phân bổ dần vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất;
- Thuê đất trả tiền thuê hàng năm thì tiền thuê đất được hạch toán vào chi phí kinh doanh trong năm tương ứng số tiền thuê đất trả hàng năm.

Theo Thông tư 45, tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài có thu tiền sử dụng đất hoặc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất lâu dài hợp pháp không được trích khấu hao.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn, quyền sử dụng đất thuê, thời gian trích khấu hao là thời gian được phép sử dụng đất của Vietcombank.

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác

Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác được thể hiện theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Bản quyền, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình này được khấu hao trong vòng 3 – 4 năm theo phương pháp đường thẳng.

các tài sản Có chưa đến hạn thanh toán nhưng Vietcombank thu thập được các bằng chứng xác định TCKT đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được Vietcombank yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được Vietcombank khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án.

Tài sản Có khác

Ngoại trừ các khoản phải thu về doanh thu mà không thu được như trình bày tại Thuyết minh 2(u)(iv), đối với các tài sản Có khác không được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng và đã quá hạn thanh toán, Vietcombank thực hiện trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 48 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Theo đó, các tài sản Có này được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo thời gian quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất không thu hồi được đối với

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

Tiền gửi của khách hàng

Phát hành giấy tờ có giá

Trợ cấp thôi việc

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

Đối với các tài sản Có khác được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng, Vietcombank thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tương tự các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 2(i).

Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác được ghi nhận theo giá gốc.

Tiền gửi của khách hàng được ghi nhận theo giá gốc.

Phát hành giấy tờ có giá được ghi nhận theo giá gốc và các khoản phân bổ phụ trội hoặc chiết khấu lũy kế. Giá gốc của giấy tờ có giá đã phát hành bao gồm số tiền thu được từ việc phát hành trừ đi các chi phí trực tiếp có liên quan đến việc phát hành.

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi người lao động làm việc cho Vietcombank từ 12 tháng trở lên (“người lao động đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì Vietcombank phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của người lao động trong 6 tháng liền kề trước thời điểm thôi việc của người đó.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và được ghi nhận là khoản mục nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được Vietcombank sử dụng theo mục đích quy định tại Nghị định số 93/2017/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 7 tháng 8 năm 2017 (“Nghị định 93”).

Vốn và các quỹ

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu và được ghi nhận theo mệnh giá. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá

của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư. Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần. Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng, Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê Tài chính Vietcombank (“VCBL”) và Ngân hàng TNHH Ngoại thương Việt Nam tại Lào (“VCB Lào”) dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:

- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 10% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị (không áp dụng việc trích quỹ này với VCB Lào). Theo quy định tại Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024, mức tối đa của quỹ này không vượt quá mức vốn điều lệ của Ngân hàng/VCBL.
- Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế riêng của mỗi đơn vị. Nghị định 93 và các quy định của Lào không quy định về mức tối đa của quỹ này.
- Quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác: trích lập theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng Thành viên và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Phần lợi nhuận còn lại sau khi trừ các khoản trích lập các quỹ nói trên và chia cổ tức cho cổ đông được ghi vào lợi nhuận chưa phân phối.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Khoản mục này bao gồm các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ của các công ty con ở nước ngoài sang VND cho mục đích hợp nhất báo cáo tài chính.

Doanh thu và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Vietcombank ghi nhận thu nhập lãi theo phương pháp dự thu đối với lãi của dư nợ được phân loại vào Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn được trình bày tại Thuyết minh 2(i). Lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 – Nợ đủ tiêu chuẩn do thực hiện chính sách của Nhà nước và lãi chưa thu phát sinh từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Vietcombank thực thu lãi.

Chi phí lãi được ghi nhận theo phương pháp dự chi.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và thu nhập cổ tức bằng tiền mặt

Các khoản thu nhập từ hoạt động dịch vụ được hạch toán theo phương pháp dự thu.

Cổ tức nhận được bằng tiền mặt từ hoạt động đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức của Vietcombank được xác lập.

Cổ tức nhận dưới dạng cổ phiếu

Theo Thông tư 200, các khoản cổ tức được chia bằng cổ phiếu từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu của các công ty cổ phần không được ghi nhận là một khoản thu nhập trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất mà chỉ được ghi tăng số lượng cổ phiếu của công ty đó do Vietcombank nắm giữ.

Hạch toán doanh thu phải thu nhưng không thu được

Theo Thông tư số 16/2018/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 2 năm 2018, đối với các khoản doanh thu phải thu đã hạch toán vào thu nhập nhưng đến kỳ hạn thu không thu được thì Vietcombank hạch toán giảm doanh thu nếu cùng kỳ kế toán năm hoặc hạch toán vào chi phí nếu khác kỳ kế toán năm và theo dõi ngoại bảng để đôn đốc thu. Khi thu được các khoản này, Vietcombank sẽ hạch toán vào thu nhập từ hoạt động khác.

tài chính trong suốt thời gian cho thuê dựa trên lãi suất thuê và số dư thuần cho thuê tài chính. Việc phân loại nợ cho các khoản cho thuê tài chính được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 31 từ ngày 1 tháng 7 năm 2024 và Điều 10 của Thông tư 11 đến trước ngày 1 tháng 7 năm 2024.

Vietcombank ghi nhận tài sản cho thuê hoạt động trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán. Chi phí cho thuê hoạt động, bao gồm cả khấu hao tài sản cho thuê, được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi phát sinh.

Các bên liên quan

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế TNDN được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Các bên liên quan của Vietcombank bao gồm các trường hợp sau đây:

- Cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty mẹ hoặc TCTD mẹ của Ngân hàng;
- Người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng;
- Vợ, chồng, cha, mẹ, con (bao gồm cả cha nuôi, mẹ nuôi, con nuôi, bố chồng (bố vợ), mẹ chồng (mẹ vợ), con dâu (con rể), bố dượng, mẹ kế, con riêng của vợ hoặc chồng), anh ruột, chị ruột, em ruột (bao gồm cả anh, chị, em cùng mẹ khác cha hoặc cùng cha khác mẹ), anh rể, chị dâu,

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

- em dâu, em rể của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;
- Tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại Ngân hàng; và
- Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp, cổ phần cho Ngân hàng.

Chính phủ Việt Nam, thông qua Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là cổ đông của Ngân hàng. Do vậy, trong báo cáo tài chính hợp nhất này, một số tổ chức thuộc Chính phủ Việt Nam, bao gồm Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, được coi là các bên liên quan của Vietcombank.

Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Vietcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được lập theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được lập theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Các khoản mục ngoại bảng

Các hợp đồng ngoại hối

Vietcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Vietcombank.

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trên vốn chủ sở hữu và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chênh lệch giữa giá trị VND của số lượng ngoại tệ cam kết mua/bán theo tỷ giá kỳ hạn và tỷ giá giao ngay được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hiệu lực của các hợp đồng này.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Các hợp đồng hoán đổi lãi suất là các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền gốc danh nghĩa. Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Chênh lệch phát sinh từ các lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Vietcombank có các khoản cam kết tín dụng phát sinh từ hoạt động cho vay. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Vietcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh cho nghĩa vụ của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào.

Do đó, các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

Theo Thông tư 31, Vietcombank phải phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể vào 5 nhóm, tương tự các khoản cho vay khách hàng cho mục đích quản lý (Thuyết minh 2(i)).

Cấn trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cấn trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Vietcombank có quyền hợp pháp để thực hiện việc cấn trừ và Vietcombank dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Vietcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong kỳ chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Vietcombank sẽ thực hiện điều chỉnh hồi tố cho kỳ báo cáo hiện tại và kỳ báo cáo so sánh được trình bày số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất, dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu

3. Trình bày công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC

Trong quá trình hoạt động, Vietcombank thường xuyên ký kết các hợp đồng làm phát sinh các tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu.

Các tài sản tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:	Các khoản nợ phải trả tài chính của Vietcombank chủ yếu bao gồm:
- Tiền; - Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước; - Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác; - Cho vay khách hàng; - Chứng khoán kinh doanh; - Chứng khoán đầu tư; - Góp vốn, đầu tư dài hạn; - Các tài sản phái sinh; và - Các tài sản tài chính khác.	- Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước; - Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác; - Tiền gửi của khách hàng; - Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro; - Phát hành giấy tờ có giá; - Các khoản nợ phải trả phái sinh; và - Các khoản nợ phải trả tài chính khác.

Phân loại tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Chỉ riêng cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, Vietcombank đã phân loại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”).

Tài sản tài chính được phân loại thành:	Nợ phải trả tài chính được phân loại thành:
- Tài sản tài chính kinh doanh; - Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; - Các khoản cho vay và phải thu; và - Tài sản sẵn sàng để bán.	- Các khoản nợ phải trả tài chính kinh doanh; và - Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Ghi nhận

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được ghi nhận trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất khi và chỉ khi Vietcombank tham gia vào quan hệ hợp đồng về việc cung cấp công cụ tài chính có liên quan. Vietcombank ghi nhận tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày Vietcombank ký kết và thực hiện theo điều khoản hợp đồng có hiệu lực (kể toán theo ngày giao dịch).

Dừng ghi nhận

Vietcombank dừng ghi nhận tài sản tài chính khi và chỉ khi quyền nhận được các luồng tiền từ tài sản tài chính chấm dứt hoặc Vietcombank đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản tài chính. Nợ phải trả tài chính được dừng ghi nhận khi và chỉ khi khoản nợ đã được thanh toán (nghĩa vụ nợ đã được thực hiện, hủy bỏ hoặc hết hạn).

Đo lường và thuyết minh giá trị hợp lý

Theo Thông tư 210, Vietcombank thuyết minh thông tin về giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính để so sánh với giá trị ghi sổ trong Thuyết minh 43(b).

Việc trình bày giá trị hợp lý của các công cụ tài chính chỉ cho mục đích trình bày tại Thuyết minh 43(b). Các công cụ tài chính của Vietcombank vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất như được trình bày ở các thuyết minh trên.

Giá trị hợp lý thể hiện giá trị mà một tài sản có thể được trao đổi hoặc một khoản nợ có

thể được thanh toán giữa các bên có sự hiểu biết và sẵn lòng thực hiện giao dịch trên cơ sở ngang giá tại ngày hạch toán.

Khi có một thị trường hoạt động, Vietcombank xác định giá trị hợp lý của một công cụ tài chính bằng giá niêm yết trên thị trường hoạt động của công cụ đó. Một thị trường được coi là thị trường hoạt động nếu giá niêm yết thường xuyên có sẵn và phản ánh các giao dịch thực tế và thường xuyên phát sinh trên thị trường.

Trong trường hợp không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các công cụ tài chính không có thị trường hoạt động được xem là không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

4. Tiền mặt, vàng bạc, đá quý

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền mặt bằng VND	11.252.828	11.729.516
Tiền mặt bằng ngoại tệ	3.012.726	2.774.853
Chứng từ có giá bằng ngoại tệ	489	480
Vàng tiền tệ	2.021	-
	14.268.064	14.504.849

5. Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (i)	49.081.534	57.937.612
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào (ii)	258.959	166.891
	49.340.493	58.104.503

(i) Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm số dư dự trữ bắt buộc (“DTBB”) và số dư tiền gửi thanh toán vượt DTBB.

Số dư bình quân tài khoản thanh toán của Ngân hàng tại NHNNVN không thấp hơn tiền dự trữ bắt buộc trong kỳ. Dự trữ bắt buộc trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc được tính bằng cách lấy tỷ lệ dự trữ bắt buộc quy định đối với Ngân hàng theo từng loại tiền gửi trong kỳ duy trì dự trữ bắt buộc nhân với số dư bình quân tiền gửi phải tính dự trữ bắt buộc tại Ngân hàng trong kỳ xác định dự trữ bắt buộc tương ứng theo từng loại tiền gửi.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm theo quy định của NHNNVN như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
Tiền gửi bằng VND có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
Tiền gửi bằng ngoại tệ không kỳ hạn và có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
Tiền gửi bằng ngoại tệ của TCTD ở nước ngoài	1%	1%

Lãi suất của tài khoản tiền gửi thanh toán tại thời điểm cuối năm như sau:

Loại tiền gửi	31/12/2024	31/12/2023
Trong DTBB bằng VND	0,5%/năm	0,5%/năm
Trong DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng VND	0%/năm	0%/năm
Vượt DTBB bằng USD	0%/năm	0%/năm

(ii) Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Lào bao gồm số dư tiền gửi vốn pháp định bằng Kíp Lào ("LAK"), số dư DTBB và số dư tiền gửi thanh toán theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Lào.

Tỷ lệ DTBB tại thời điểm cuối năm như sau

Loại tiền gửi	31/12/2024	31/12/2023
Tiền gửi bằng LAK	8%	8%
Tiền gửi bằng ngoại tệ khác	10%	10%

6. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (Trình bày lại)
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	84.390.320	40.341.525
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	65.548.391	41.896.982
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	170.326.448	201.520.690
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	63.766.731	28.242.678
	384.031.890	312.001.875
Cho vay các tổ chức tín dụng khác		
Cho vay bằng VND	4.195.398	27.702.555
Cho vay bằng ngoại tệ	2.724.610	2.473.152
	6.920.008	30.175.707
Dự phòng rủi ro	(1.000.000)	(5.675.925)
	389.951.898	336.501.657

Phân tích chất lượng dư nợ tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các tổ chức tín dụng khác:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	215.425.135	231.054.493
Nợ có khả năng mất vốn	1.000.000	6.200.000
	216.425.135	237.254.493

Biến động trong năm của dự phòng rủi ro tiền gửi có kỳ hạn và cho vay các TCTD khác như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND (Trình bày lại)
Số dư đầu năm	5.675.925	10.840.000
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(4.675.925)	(5.164.075)
Số dư cuối năm	1.000.000	5.675.925

7. Chứng khoán kinh doanh

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ		
Trái phiếu Chính phủ	697.292	669.306
Chứng khoán do các TCTD khác trong nước phát hành	3.689.302	1.393.698
Chứng khoán do các TCKT trong nước phát hành	-	186.218
Chứng khoán vốn		
Chứng khoán vốn do các TCTD khác phát hành	97.847	13.454
Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	424.086	248.719
	4.908.527	2.511.395
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	(32.290)	(15.987)
	4.876.237	2.495.408

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán nợ	4.386.594	2.249.222
Đã niêm yết	697.292	669.307
Chưa niêm yết	3.689.302	1.579.915
Chứng khoán vốn	521.933	262.173
Đã niêm yết	481.217	221.457
Chưa niêm yết	40.716	40.716
	4.908.527	2.511.395

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	15.987	43.888
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng (Thuyết minh 27)	16.303	(27.901)
Số dư cuối năm	32.290	15.987

Phân tích chất lượng chứng khoán kinh doanh được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	3.689.302	43.888
	3.689.302	1.579.915

8. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản /(khoản nợ) tài chính khác

	31/12/2024		31/12/2023	
	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp đồng	Giá trị ghi sổ
	Triệu VND	Tài sản/(công nợ) Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Công cụ tài chính phái sinh tiền tệ				
Hợp đồng hoán đổi tiền tệ	340.865.305	1.328.364	104.261.691	(22.607)
Hợp đồng kỳ hạn tiền tệ	(16.245.514)	(13.930)	(15.004.848)	(95.145)
	324.619.791	1.314.434	89.256.843	(117.752)

9. Cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	1.436.710.181	1.258.418.586
Cho vay chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá	2.831.604	3.396.873
Cho thuê tài chính	7.073.712	6.055.394
Các khoản trả thay khách hàng	1.770.654	1.646.618
Cho vay đối với các tổ chức, cá nhân nước ngoài	812.748	841.547
	1.449.198.899	1.270.359.018

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ ngắn hạn	915.576.792	790.604.807
Nợ trung hạn	59.453.709	46.175.347
Nợ dài hạn	474.168.398	433.578.864
	1.449.198.899	1.270.359.018

Phân tích dư nợ theo loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Doanh nghiệp nhà nước	96.605.199	80.144.585
Công ty trách nhiệm hữu hạn	227.041.340	207.339.020
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	147.778.524	109.476.021
Hợp tác xã và công ty tư nhân	1.371.552	1.212.185
Cá nhân và hộ kinh doanh cá thể	640.003.504	566.326.189
Khác	336.398.780	305.861.018
	1.449.198.899	1.270.359.018

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Sản xuất và gia công chế biến	340.501.488	280.386.148
Thương mại, dịch vụ	214.488.774	204.168.323
Xây dựng	90.512.980	81.091.024
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước	65.344.169	54.975.004
Nông, lâm, thủy hải sản	42.722.982	38.732.650
Vận tải kho bãi và thông tin liên lạc	42.626.109	33.448.171
Khai khoáng	26.027.625	20.413.414
Nhà hàng, khách sạn	16.356.618	19.622.160
Các ngành khác	610.618.154	537.522.124
	1.449.198.899	1.270.359.018

10. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Dự phòng chung	10.687.999	9.369.017
Dự phòng cụ thể	20.495.176	19.312.790
	31.183.175	28.681.807

Biến động trong năm của dự phòng chung cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	9.369.017	8.468.771
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	1.319.289	903.269
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(307)	(3.023)
Số dư cuối năm	10.687.999	9.369.017

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Số dư đầu năm	19.312.790	16.310.647
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	6.537.702	8.760.426
Xử lý các khoản cho vay khó thu hồi bằng nguồn dự phòng	(5.358.023)	(5.758.202)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.707	(81)
Số dư cuối năm	20.495.176	19.312.790

11. Chứng khoán đầu tư

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán (a)	86.799.901	67.882.480
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (b)	80.583.448	77.897.587
	167.383.349	145.780.067

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
Trái phiếu Chính phủ	38.999.507	38.785.480
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	44.048.000	29.097.000
Chứng khoán nợ nước ngoài	3.752.394	-
	86.799.901	67.882.480
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-
Tổng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	86.799.901	67.882.480

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
Trái phiếu Chính phủ	44.748.703	43.724.246
Chứng khoán nợ do các TCTD khác trong nước phát hành	25.687.225	24.098.000
Chứng khoán nợ do các TCKT trong nước phát hành	9.157.500	10.187.501
Chứng khoán nợ nước ngoài	1.236.112	-
	80.829.540	78.009.747
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (i)	(246.092)	(112.160)
Tổng chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.583.448	77.897.587

Chi tiết dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	67.341	76.409
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	178.751	35.751
	246.092	112.160

Biến động trong năm của dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	76.409	81.833
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	(9.068)	(5.424)
Số dư cuối năm	67.341	76.409

Biến động trong năm của dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	35.751	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 32)	143.000	35.751
Số dư cuối năm	178.751	35.751

Phân tích chất lượng chứng khoán đầu tư được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	76.780.220	49.203.750
Nợ dưới tiêu chuẩn	-	178.751
Nợ có khả năng mất vốn	178.751	-
	76.958.971	49.382.501

12. Góp vốn, đầu tư dài hạn

Vốn góp liên doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		%	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh (i)	Cho thuê văn phòng	52,00%	410.365	537.445
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51,00%	135.150	226.291
			545.515	763.736

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		%	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh (i)	Cho thuê văn phòng	52,00%	410.365	620.095
Công ty TNHH Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank (i)	Quản lý quỹ đầu tư	51,00%	135.150	206.057
			545.515	826.152

(i) Ngân hàng sở hữu 52% vốn góp của Công ty Liên doanh TNHH Vietcombank Bonday Benthanh và 51% vốn góp của Công ty Liên doanh Quản lý Quỹ đầu tư Chứng khoán Vietcombank. Điều lệ của các công ty này yêu cầu phải có sự thống nhất của các bên liên quan đối với mọi quyết định quan trọng về hoạt động và tài chính của các công ty này. Do đó, việc sở hữu quá 50% phần vốn góp của các công ty này không đồng nghĩa với việc Ngân hàng có quyền kiểm soát đối với các công ty này. Do vậy, các khoản đầu tư vào các công ty này được phân loại vào tài khoản “Vốn góp liên doanh” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty con”.

Đầu tư vào công ty liên kết

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		%	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	10.440
			11.110	10.440

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
		%	Triệu VND	Triệu VND
Công ty Liên doanh Hữu hạn Vietcombank – Bonday	Cho thuê văn phòng	16,00%	11.110	12.073
			11.110	12.073

Ngân hàng có ảnh hưởng đáng kể thông qua việc tham gia vào Hội đồng Thành viên nhưng không kiểm soát về các chính sách hoạt động và tài chính của công ty này. Do vậy, khoản đầu tư vào công ty này được phân loại vào tài khoản “Đầu tư vào công ty liên kết” thay vì phân loại vào tài khoản “Đầu tư dài hạn khác”.

Đầu tư dài hạn khác

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc
		%	Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,51%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,28%	802.269
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	248.770
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.713
			1.528.922
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(d))			(75.000)
			1.453.922

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Ngành kinh doanh	Tỷ lệ vốn góp	Giá gốc
		%	Triệu VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	4,51%	319.908
Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	4,35%	802.269
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Petrolimex	Bảo hiểm	8,03%	67.900
Công ty Cổ phần Thông tin tín dụng Việt Nam	Dịch vụ thông tin tín dụng	6,64%	7.962
Tổng Công ty Phát triển Hạ tầng và Đầu tư Tài chính Việt Nam	Đầu tư đường cao tốc	1,97%	75.000
Công ty Cổ phần Thanh toán Quốc gia Việt Nam	Dịch vụ thẻ, thanh toán	1,83%	4.400
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	Hàng không	0,67%	248.770
SWIFT, MASTER và VISA	Dịch vụ thẻ, thanh toán	0,00%	2.936
			1.529.145
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 12(d))			(142.425)
			1.386.720

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn khác	75.000	142.425
	75.000	142.425

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	2024	2023
	Triệu VND	Triệu VND
Số dư đầu năm	142.425	117.999
(Hoàn nhập)/trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 31)	(67.425)	24.426
Số dư cuối năm	75.000	142.425

13. Tài sản cố định hữu hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	6.133.787	5.023.704	1.591.342	2.064.023	14.812.856
Tăng trong năm	248.475	775.502	156.012	164.411	1.344.400
• Mua mới	247.948	775.502	156.012	140.062	1.319.524
• Tăng khác	527	-	-	24.349	24.876
Giảm trong năm	(112.830)	(164.057)	(38.792)	(33.275)	(348.954)
• Thanh lý, nhượng bán	(9.069)	(150.132)	(33.243)	(33.259)	(225.703)
• Giảm khác	(103.761)	(13.925)	(5.549)	(16)	(123.251)
Số dư cuối năm	6.269.432	5.635.149	1.708.562	2.195.159	15.808.302
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	2.244.737	4.586.043	982.129	1.787.143	9.600.052
Tăng trong năm	262.058	360.195	131.223	145.579	899.055
• Khấu hao	261.872	360.195	127.866	140.622	890.555
• Tăng khác	186	-	3.357	4.957	8.500
Giảm trong năm	(1.934)	(152.022)	(33.460)	(33.968)	(221.384)
• Thanh lý, nhượng bán	(1.458)	(148.794)	(33.421)	(33.953)	(217.626)
• Giảm khác	(476)	(3.228)	(39)	(15)	(3.758)
Số dư cuối năm	2.504.861	4.794.216	1.079.892	1.898.754	10.277.723
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm (trình bày lại)	3.889.050	437.661	609.213	276.880	5.212.804
Số dư cuối năm	3.764.571	840.933	628.670	296.405	5.530.579

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã được khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 6.985.181 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 6.330.916 triệu VND).

14. Tài sản cố định vô hình

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

	Quyền sử dụng đất	Bản quyền và bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	2.504.834	2.323.910	78.137	4.906.881
Tăng trong năm	-	155.641	10.380	166.021
• Mua mới	-	155.096	5.501	160.597
• Tăng khác	-	545	4.879	5.424
Giảm trong năm	-	(163)	(4)	(167)
• Thanh lý, nhượng bán	-	(107)	-	(107)
• Giảm khác	-	(56)	(4)	(60)
Số dư cuối năm	2.504.834	2.479.388	88.513	5.072.735
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	148.464	2.127.866	38.275	2.314.605
Tăng trong năm	14.826	167.238	13.896	195.960
• Hao mòn	14.826	167.149	13.896	195.871
• Tăng khác	-	89	-	89
Giảm trong năm	-	(124)	(4)	(128)
• Thanh lý, nhượng bán	-	(107)	-	(107)
• Giảm khác	-	(17)	(4)	(21)
Số dư cuối năm	163.290	2.294.980	52.167	2.510.437
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm (trình bày lại)	2.356.370	196.044	39.862	2.592.276
Số dư cuối năm	2.341.544	184.408	36.346	2.562.298

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã được hao mòn hết nhưng vẫn đang được sử dụng là 1.729.254 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 1.746.545 triệu VND).

15. Tài sản Có khác

Các khoản phải thu

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải thu nội bộ	1.019.327	745.917
Các khoản phải thu bên ngoài (i)	13.020.967	11.044.256
	14.040.294	11.790.173

Các khoản phải thu bên ngoài

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tạm ứng mua sắm tài sản cố định	978.017	867.412
Phải thu từ ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	386.139	380.837
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa (Thuyết minh 37)	490.936	522.559
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ (Thuyết minh 37)	31.827	11.266
Tạm ứng thuế khác (Thuyết minh 37)	2	2
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (*)	339.472	412.334
Phải thu trong hoạt động mua hàng miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng (**)	9.453.064	7.280.694
Các khoản phải thu khác	1.341.510	1.569.152
	13.020.967	11.044.256

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Xây dựng cơ bản dở dang	339.472	412.334
Trong đó, những dự án lớn:	242.212	128.761
Dự án trụ sở Chi nhánh Tân Định	46.347	38.884
Dự án trụ sở Chi nhánh Bình Dương	47.969	25.384
Dự án trụ sở Chi nhánh Hoàn Kiếm	44.602	21.432
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Bình Dương	38.037	19.778
Dự án trụ sở Chi nhánh Đồng Tháp	10.702	10.702
Dự án trụ sở Chi nhánh Bạc Liêu	11.261	8.380
Dự án Trung tâm số hóa và kho lưu trữ Bắc Ninh	41.464	2.371
Dự án trụ sở Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	1.830	1.830

Phân tích chất lượng các khoản phải thu trong hoạt động mua bán miễn truy đòi bộ chứng từ theo thư tín dụng được phân loại là tài sản có rủi ro tín dụng tại thời điểm cuối năm:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Nợ đủ tiêu chuẩn	398.026	-
	398.026	-

Các khoản lãi, phí phải thu

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Từ cho vay khách hàng	3.914.946	3.936.851
Từ tiền gửi và cho vay các TCTD khác	827.030	988.839
Từ các khoản chứng khoán đầu tư	3.786.511	3.635.936
Từ các giao dịch phái sinh	332.023	629.798
Phí phải thu	7.793	74.029
	8.868.303	9.265.453

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	991.748	848.268

Tài sản Có khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Đặt cọc tiền thuê nhà, thuê tài sản cố định	897.829	923.766
Vật liệu	188.120	191.365
Tạm ứng thanh toán thẻ	1.607.952	2.430.000
Tiền thuê đất trả tiền trước một lần	852.773	825.180
Tài sản Có khác	2.969.366	4.372.098
	6.516.040	8.742.409
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(14.037)	(15.463)
	6.502.003	8.726.946

16. Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Vay Ngân hàng Nhà nước	587.278	900.956
Vay theo hồ sơ tín dụng	535.580	790.840
Vay khác	51.698	110.116
Tiền gửi của Kho bạc Nhà nước	77.650.059	769.881
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	412.215	121.426
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	572.844	648.455
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	76.665.000	-
	78.237.337	1.670.837

17. Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi của các TCTD khác	223.171.381	193.963.218
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	91.537.365	48.995.287
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	30.019.317	50.230.493
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	100.428.396	93.810.000
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.186.303	927.438
Vay các TCTD khác	11.362.577	19.875.762
Vay bằng VND	8.010.000	5.235.000
Vay bằng ngoại tệ	3.352.577	14.640.762
	234.533.958	213.838.980

18. Tiền gửi của khách hàng

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn	529.738.285	461.311.977
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	431.258.868	368.892.919
Tiền gửi không kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	98.479.417	92.419.058
Tiền gửi có kỳ hạn	958.430.398	904.764.077
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	870.516.356	826.007.368
Tiền gửi có kỳ hạn bằng vàng, ngoại tệ	87.914.042	78.756.709
Tiền gửi vốn chuyên dùng	13.310.172	17.801.433
Tiền gửi ký quỹ	13.185.995	11.820.124
	1.514.664.850	1.395.697.611

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp như sau:

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Các tổ chức kinh tế	754.315.514	701.076.891
Cá nhân	760.349.336	694.620.720
	1.514.664.850	1.395.697.611

19. Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Vốn nhận tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay bằng VND	529	365

20. Phát hành giấy tờ có giá

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Chứng chỉ tiền gửi	14.520.115	8.000.115
Ngắn hạn bằng VND	14.520.000	8.000.000
Trung hạn bằng VND	115	115
Kỳ phiếu, trái phiếu	9.604.944	11.912.508
Ngắn hạn bằng VND	47	47
Ngắn hạn bằng ngoại tệ	31	31
Trung hạn bằng VND	2.000.000	-
Trung, dài hạn bằng ngoại tệ	14	14
Dài hạn bằng VND	7.604.852	11.912.416
	24.125.059	19.912.623

21. Các khoản nợ khác

Các khoản lãi, phí phải trả

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Lãi tiền gửi của khách hàng	13.096.349	18.776.726
Lãi tiền gửi và vay các TCTD khác	178.298	76.474
Lãi phải trả phát hành giấy tờ có giá	462.331	251.361
Lãi phải trả cho các công cụ tài chính phái sinh	253.298	422.467
	13.990.276	19.527.028

Các khoản phải trả và công nợ khác

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả nội bộ (i)	5.675.129	4.519.311
Các khoản phải trả bên ngoài (ii)	13.618.090	14.465.881
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	4.819.126	4.893.682
	24.112.345	23.878.874

Các khoản phải trả nội bộ

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	4.838.567	3.820.343
Các khoản phải trả khác	836.562	698.968
	5.675.129	4.519.311

Các khoản phải trả bên ngoài

	31/12/2024	31/12/2023
	Triệu VND	Triệu VND (trình bày lại)
Thuế phải trả (Thuyết minh 37)	4.619.307	4.923.591
• Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả	4.358.313	4.694.499
• Thuế giá trị gia tăng phải trả	68.761	59.501
• Các thuế khác phải trả	192.233	169.591
Doanh thu nhận trước chờ phân bổ	256	1.684.887
Phải trả xây dựng và mua sắm tài sản cố định	720.305	824.549
Tiền giữ hộ chờ thanh toán	290.612	453.671
Các khoản khác phải trả khách hàng	3.347.207	3.130.640
Các khoản chờ thanh toán khác	1.921.496	236.224
Lãi hỗ trợ lãi suất thu hồi phải trả Nhà nước	64.528	64.528
Vay Bộ Tài chính	517.419	613.574
Phải trả khác	2.136.960	2.534.217
	13.618.090	14.465.881

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

						Quỹ của tổ chức tín dụng					
	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ đầu tư phát triển	Tổng cộng	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Số dư tại ngày 1/1/2024 (trình bày lại)	55.890.913	4.995.389	809.837	9.137.728	18.266.988	42.400	27.447.116	(983.237)	76.826.482	93.990	165.080.490
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	33.831.386	21.730	33.853.116
Tạm trích các quỹ trong năm 2024 của Ngân hàng	-	-	-	3.308.416	3.308.416	661.683	7.278.515	-	(7.278.515)	-	-
Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm 2024 của Ngân hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.681.557)	-	(2.681.557)
Điều chỉnh theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị – Ngân hàng mẹ	-	-	-	1.632.923	11.019	650.965	2.294.907	-	(2.348.930)	-	(54.023)
Sử dụng quỹ trong năm	-	-	-	-	(718)	-	(718)	-	-	-	(718)
Trích quỹ của các công ty con	-	-	-	13.206	13.206	-	26.412	-	(37.767)	-	(11.355)
Điều chỉnh theo Nghị quyết của Công ty con	-	-	-	-	4.147	2.595	6.742	-	(52.547)	(708)	(46.513)
Điều chỉnh công ty liên doanh, liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-	-	-	3.342	-	3.342
Cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-	-	(19.963)	(19.963)
Chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-	14.945	-	1.212	16.157
Biến động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	70.192	-	70.192
Số dư tại ngày 31/12/2024	55.890.913	4.995.389	809.837	14.092.273	21.603.058	1.357.643	37.052.974	(968.292)	98.332.086	96.261	196.209.168

Cơ cấu cổ đông của Ngân hàng

31/12/2024			31/12/2023	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cổ phiếu phổ thông				
Nhà nước	41.808.285	74,80%	41.808.285	74,80%
Cổ đông chiến lược nước ngoài (Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản)	8.383.723	15,00%	8.383.723	15,00%
Các cổ đông khác	5.698.905	10,20%	5.698.905	10,20%
	55.890.913	100%	55.890.913	100%

Vốn cổ phần đã được duyệt và đã phát hành của Ngân hàng là:

	31/12/2024		31/12/2023	
	Số lượng cổ phiếu	%	Số lượng cổ phiếu	%
Vốn cổ phần theo giấy phép	5.589.091.262	55.890.913	5.589.091.262	55.890.913
Cổ phiếu đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.589.091.262	55.890.913	5.589.091.262	55.890.913
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	5.589.091.262	55.890.913	5.589.091.262	55.890.913

Mệnh giá cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng là 10.000 VND.

23. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập lãi từ cho vay khách hàng	78.644.966	92.461.213
Thu nhập từ lãi tiền gửi	6.259.170	6.867.361
Thu nhập lãi từ kinh doanh, đầu tư chứng khoán nợ:	6.779.504	7.298.787
• từ chứng khoán đầu tư	6.645.173	7.200.344
• từ chứng khoán kinh doanh	134.331	98.443
Thu nhập lãi cho thuê tài chính	508.012	485.810
Thu phí từ nghiệp vụ bảo lãnh	448.407	365.940
Thu khác từ hoạt động tín dụng	1.014.782	636.729
	93.654.841	108.115.840

24. Chi phí lãi và các chi phí tương tự

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Chi phí lãi tiền gửi	36.034.158	52.314.736
Chi phí lãi tiền vay	795.798	652.068
Chi phí lãi phát hành giấy tờ có giá	1.346.846	1.467.151
Chi phí khác cho hoạt động tín dụng	72.304	67.454
	38.249.106	54.501.409

25. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		
Thu từ dịch vụ thanh toán	7.484.538	6.652.731
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	52.334	51.924
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	13.983	720
Thu từ dịch vụ khác	5.592.150	5.992.708
	13.143.005	12.698.083
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Chi cho dịch vụ thanh toán	(6.155.303)	(5.560.899)
Chi cho dịch vụ ngân quỹ	(141.478)	(105.031)
Chi cho dịch vụ viễn thông	(184.262)	(152.557)
Chi cho nghiệp vụ ủy thác và đại lý	(21.910)	(9.872)
Chi cho dịch vụ khác	(1.503.491)	(1.044.314)
	(8.006.444)	(6.872.673)
	5.136.561	5.825.410

26. Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Thu từ kinh doanh ngoại tệ giao ngay	6.858.615	7.715.021
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	1.251.901	836.364
Thu từ giao dịch bán vàng	47.864	-
Lãi đánh giá lại vàng	16.737	-
Lãi chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	15.067	28.049
Lãi đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	2.027.314	1.811.616
	10.217.498	10.391.050
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối		
Chi cho kinh doanh ngoại tệ giao ngay	(570.251)	(170.887)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(3.589.995)	(3.261.691)
Lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ kinh doanh	(758.793)	(1.286.470)
Lỗ đánh giá lại các hợp đồng phái sinh	(6.708)	(11.974)
	(4.925.747)	(4.731.022)
	5.291.751	5.660.028

27. Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	128.338	124.805
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(49.912)	(28.167)
(Trích lập)/hoàn nhập chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 7)	(16.303)	27.901
	62.123	124.539

28. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	5.685	-
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(2.241)	-
	3.444	-

29. Lãi thuần từ hoạt động khác

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Thu nhập từ hoạt động khác		
Thu nhập từ các khoản cho vay đã xử lý bằng quỹ dự phòng rủi ro	3.751.009	2.090.116
Thu từ nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	466.824	1.649.614
Thu nhập từ hoàn nhập dự phòng rủi ro	-	115
Thu nhập khác	250.973	311.592
	4.468.806	4.051.437
Chi phí hoạt động khác		
Chi phí cho nghiệp vụ hoán đổi lãi suất	(557.373)	(830.832)
Chi về nghiệp vụ bán nợ	(99)	(92)
Chi công tác xã hội	(545.792)	(332.327)
Chi phí khác	(993.839)	(614.724)
	(2.097.103)	(1.777.975)
	2.371.703	2.273.462

30. Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Cổ tức nhận được từ các khoản góp vốn, mua cổ phần (Thuyết minh 33(a)):	160.709	135.403
• Cổ tức từ các khoản góp vốn, mua cổ phần đã nhận	155.568	126.711
• Cổ tức từ chứng khoán vốn kinh doanh đã nhận	5.141	8.692
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần	747	-
Hạch toán lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	874.515	830.173
(Thuyết minh 33(a))	145.723	131.053
	307.179	266.456

31. Chi phí hoạt động

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	432.233	453.376
Chi phí cho nhân viên	12.262.748	11.718.438
Trong đó:		
• Chi lương và phụ cấp (Thuyết minh 36)	11.038.411	10.553.274
• Các khoản chi đóng góp theo lương	874.515	830.173
• Chi trợ cấp	5.319	5.286
Chi về tài sản	3.402.747	3.456.785
Trong đó:		
• Khấu hao tài sản cố định	1.086.426	1.270.726
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	5.891.735	5.271.835
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	993.995	880.742
(Hoàn nhập)/trích lập chi phí dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 12(d))	(67.425)	24.426
Chi phí hoạt động khác	111.330	100.310
	23.027.363	21.905.912

32. Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Dự phòng rủi ro tiền gửi và cho vay các TCTD khác		
Hoàn nhập dự phòng (Thuyết minh 6)	(4.675.925)	(5.164.075)
Dự phòng chung cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	1.319.289	903.269
Dự phòng cụ thể cho vay khách hàng		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 10)	6.537.702	8.760.426
Dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
Hoàn nhập dự phòng chung cho chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh 11(b))	(9.068)	(5.424)
Dự phòng cụ thể cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết		
Trích lập dự phòng (Thuyết minh 11(b))	143.000	35.751
	3.314.998	4.529.947

33. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Đối chiếu thuế suất thực tế

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Lợi nhuận trước thuế	42.236.135	41.328.467
Điều chỉnh cho các khoản:		
Lợi nhuận tính thuế của các công ty con	(974.570)	(842.121)
Cổ tức nhận được trong năm (Thuyết minh 30)	(160.709)	(135.403)
Phân chia lãi theo phương pháp vốn chủ sở hữu của các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết		
(Thuyết minh 30)	(145.723)	(131.053)
Các khoản điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	-	(10.935)
Các khoản chi phí không được khấu trừ trong năm	734.375	39.113
Các khoản điều chỉnh giảm	(12.493)	(72.828)
Hoàn nhập chi phí không được khấu trừ thuế của năm trước	-	(518.675)
Thu nhập chịu thuế	41.677.015	39.656.565
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành của Ngân hàng		
(thuế suất: 20%)	8.335.403	7.931.313
Chi phí thuế TNDN hiện hành của công ty con	191.093	165.044
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo thuế suất áp dụng	8.526.496	8.096.357

Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND
Thu nhập/(chi phí) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	143.478	(109.838)

Thuế suất áp dụng

Ngân hàng và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Tài chính Việt Nam tại Hồng Kông có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất 16,5% và Công ty Chuyển tiền Vietcombank có nghĩa vụ nộp thuế theo thuế suất tại Liên Bang Mỹ, Bang California và 23 bang khác mà Công ty có hoạt động kinh doanh. Việc tính toán thuế thu nhập doanh nghiệp phụ thuộc vào sự kiểm tra và chấp thuận của cơ quan thuế.

34. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024 Triệu VND	2023 Triệu VND (trình bày lại)
Lợi nhuận thuần	33.831.386	33.101.027
Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.692.912)	(2.575.897)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm	31.138.474	30.525.130

(*) Quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm trích lập vào thời điểm cuối năm. Do đó, lợi nhuận thuần dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 đã được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi của năm tương ứng.

Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông

	2024 Cổ phiếu	2023 Cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành tại ngày 1 tháng 1	5.589.091.262	4.732.516.571
Ảnh hưởng của việc chia cổ tức bằng cổ phiếu	-	856.574.691
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	5.589.091.262	5.589.091.262

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2024	2023 (trình bày lại)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.571	5.462

35. Tiền và các khoản tương đương tiền

	2024	2023
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	14.268.064	14.504.849
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	49.340.493	58.104.503
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	367.005.628	300.209.378
	430.614.185	372.818.730

36. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	24.306	23.493
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
Tổng quỹ lương và phụ cấp (Triệu VND) (Thuyết minh 31)	11.038.411	10.553.274
Thu nhập bình quân tháng/người (Triệu VND)	37,85	37,43

37. Tình hình thực hiện nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước

	Số dư tại ngày 1/1/2024 (trình bày lại) Triệu VND	Phát sinh trong năm		Số dư tại ngày 31/12/2024		
		Số phải nộp Triệu VND	Số đã nộp Triệu VND	Phải trả Triệu VND	Ứng trước Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	48.235	1.176.478	(1.187.779)	68.761	(31.827)	36.934
Thuế TNDN	4.171.940	8.549.838	(8.854.401)	4.358.313	(490.936)	3.867.377
Trong đó:						
• Thuế TNDN của Vietcombank	4.172.001	8.526.496	(8.831.056)	4.358.313	(490.872)	3.867.441
• Điều chỉnh thuế các năm trước	-	23.345	(23.345)	-	-	-
• Nghĩa vụ thuế năm 2008 của Vinafico	(61)	(3)	-	-	(64)	(64)
Các loại thuế khác	169.589	2.025.323	(2.002.681)	192.233	(2)	192.231
	4.389.764	11.751.639	(12.044.861)	4.619.307	(522.765)	4.096.542

38. Tài sản, giấy tờ có giá thế chấp, cầm cố và chiết khấu, tái chiết khấu

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Tiền gửi	255.957.949	231.641.742
Giấy tờ có giá	54.952.166	53.131.108
Bất động sản	1.732.593.614	1.624.470.066
Tài sản bảo đảm khác	332.046.536	348.655.700
	2.375.550.265	2.257.898.616

39. Thuyết minh thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Vietcombank thực hiện các công cụ tài chính liên quan đến các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính hợp nhất. Các công cụ tài chính này chủ yếu bao gồm các cam kết bảo lãnh và thư tín dụng. Các công cụ này cũng tạo ra những rủi ro tín dụng cho Vietcombank ngoài các rủi ro tín dụng đã được ghi nhận trong nội bảng.

Rủi ro tín dụng của các công cụ tài chính ngoại bảng được định nghĩa là khả năng mang đến rủi ro tín dụng cho Vietcombank khi một trong các bên liên quan đến công cụ tài chính đó không thực hiện các điều khoản của hợp đồng.

Bảo lãnh tài chính là các cam kết có điều kiện mà Vietcombank cấp cho khách hàng để giao dịch với một bên thứ ba trong các hoạt động về bảo lãnh vay vốn, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thực hiện hợp đồng và bảo lãnh dự thầu. Rủi ro tín dụng liên quan đến việc cấp bảo lãnh về cơ bản giống rủi ro cho vay khách hàng.

Giao dịch thư tín dụng thương mại trả ngay là loại giao dịch trong đó Vietcombank cung cấp tài chính cho khách hàng của mình, thông thường người mua/nhà nhập khẩu hàng hoá và bên thụ hưởng là người bán/nhà xuất khẩu. Rủi ro tín dụng trong thư tín dụng trả ngay thường thấp do hàng hoá nhập khẩu được dùng để thế chấp cho loại giao dịch này.

Giao dịch thư tín dụng trả chậm sẽ phát sinh rủi ro khi hợp đồng đã được thực hiện mà khách hàng không thanh toán cho bên thụ hưởng. Các thư tín dụng trả chậm không được khách hàng thanh toán được Vietcombank ghi nhận là khoản cho vay bắt buộc và công nợ tương ứng thể hiện nghĩa vụ tài chính của Vietcombank phải thanh toán cho bên thụ hưởng và thực hiện nghĩa vụ của Vietcombank trong việc bảo lãnh cho khách hàng.

Vietcombank thường yêu cầu khách hàng ký quỹ để đảm bảo cho các công cụ tài chính có liên quan đến tín dụng khi cần thiết. Tỷ lệ giá trị ký quỹ dao động từ 0% đến 100% giá trị cam kết được cấp, tùy thuộc vào mức độ tin cậy của khách hàng do Vietcombank đánh giá.

40. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối liên quan	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
		Thu nhập/(Chi phí)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu		
Thu nhập từ lãi tiền gửi		137.389	124.874
Chi phí lãi tiền gửi và tiền vay		(24.477)	(117.202)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Chi phí lãi tiền gửi		(1.279.827)	(671.127)
Chi phí lãi tiền vay		(13.485)	(31.633)

Số dư với các bên liên quan

	Mối liên quan	Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
		Thu nhập/(Chi phí)	
Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	Đại diện chủ sở hữu		
Tiền gửi của Vietcombank tại NHNNVN		49.081.534	57.937.612
Tiền gửi và tiền vay của NHNNVN tại Vietcombank		(587.278)	(900.956)
Bộ Tài chính	Bên liên quan của chủ sở hữu		
Tiền gửi tại Vietcombank		(77.650.059)	(769.881)
Vay Bộ Tài chính		(517.419)	(613.574)
Mizuho Bank Ltd., Nhật Bản	Cổ đông chiến lược		
Tiền gửi của Vietcombank tại Mizuho Bank Ltd.,		12.655.173	1.800.000
Tiền gửi của Mizuho Bank Ltd., tại Vietcombank		(1.881.197)	(1.312.937)

41. Thuyết minh thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác

Thù lao của từng thành viên Hội đồng Quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác phát sinh và được chi trả từ quỹ lương trong năm như sau:

Chức danh		Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Thành viên Hội đồng Quản trị			
Thù lao, thưởng		13.950	16.784
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch HĐQT (bổ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2024) Tổng Giám đốc (thôi đảm nhận ngày 26 tháng 7 năm 2024)	1.642	1.630
Ông Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT (thôi đảm nhận chức vụ kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024)	-	1.630
Ông Đỗ Việt Hùng	Thành viên HĐQT	1.642	1.630
Ông Lê Quang Vinh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025)	(*)	-
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	2.227	2.498
Ông Nguyễn Mỹ Hào	Thành viên HĐQT (từ nhiệm ngày 1 tháng 11 năm 2024)	1.789	2.309
Ông Hồng Quang	Thành viên HĐQT	2.081	2.417
Ông Shojiro Mizoguchi	Thành viên HĐQT	1.771	2.300
Bà Nguyễn Thị Kim Oanh	Thành viên HĐQT	2.249	2.370
Ông Nguyễn Tuấn Anh	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024)	549	-
Thành viên Ban Kiểm soát			
Thù lao, thưởng (**)		4.405	4.791
Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng			
Lương, thưởng		17.464	39.545
Ông Lê Quang Vinh	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 7 tháng 3 năm 2025)	1.938	2.432
Ông Phạm Mạnh Thắng	Phó Tổng Giám đốc (nghỉ hưu từ ngày 1 tháng 5 năm 2023)	-	995
Bà Đinh Thị Thái (**)	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2024)	1.376	2.461
Bà Phùng Nguyễn Hải Yến	Phó Tổng Giám đốc	1.968	2.373
Ông Đặng Hoài Đức	Phó Tổng Giám đốc	1.934	2.387
Ông Nguyễn Việt Cường	Phó Tổng Giám đốc	1.825	2.155
Ông Lê Hoàng Tùng	Phó Tổng Giám đốc	1.723	2.262
Ông Hồ Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 8 năm 2023)	1.771	658

Chức danh		Năm 2024 Triệu VND	Năm 2023 Triệu VND
Ông Colin Richard Dinn	Giám đốc Khối (miễn nhiệm ngày 12 tháng 7 năm 2024)	(***)	15.258
Ông Trần Thanh Nam	Giám đốc Khối (miễn nhiệm ngày 1 tháng 6 năm 2024)	(***)	5.006
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Giám đốc Khối (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2023)	1.656	158
Bà Đoàn Hồng Nhung	Giám đốc Khối	1.648	1.905
Bà La Thị Hồng Minh	Kế toán trưởng	1.625	1.495
		35.819	61.120

(*) Từ ngày 7 tháng 3 năm 2025, ông Lê Quang Vinh được bầu bổ sung vào chức danh thành viên Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2028 kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng. Lương, thưởng của ông Lê Quang Vinh trong thời gian đảm nhận chức vụ Phó Tổng Giám đốc phụ trách Ban Điều hành được ghi nhận tại mục Lương, thưởng Thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng;

(**) Từ ngày 19 tháng 8 năm 2024, bà Đinh Thị Thái được miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc, đồng thời được bổ nhiệm giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát của Ngân hàng. Lương, thưởng của bà Đinh Thị Thái trong thời gian đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát được ghi nhận tại mục Thù lao, thưởng của Thành viên Ban Kiểm soát;

(***) Ông Colin Richard Dinn được miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Chuyển đổi kể từ ngày 12 tháng 7 năm 2024, và ông Trần Thanh Nam được miễn nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số và Giám đốc đối mới sáng tạo kể từ ngày 1 tháng 6 năm 2024.

42. Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

		Miền Bắc (*) Triệu VND	Miền Trung và Tây Nguyên Triệu VND	Miền Nam Triệu VND	Nước ngoài Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	119.122.604	20.325.145	60.806.270	178.646	(106.777.824)	93.654.841
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(96.447.992)	(12.052.242)	(36.456.351)	(80.502)	106.787.981	(38.249.106)
I	Thu nhập lãi thuần	22.674.612	8.272.903	24.349.919	98.144	10.157	55.405.735
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	8.648.544	846.775	3.706.685	116.300	(175.299)	13.143.005
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(7.813.586)	(49.265)	(140.210)	(31.168)	27.785	(8.006.444)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	834.958	797.510	3.566.475	85.132	(147.514)	5.136.561
III	Lãi/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	3.451.806	227.305	1.610.387	(224)	2.477	5.291.751
IV	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	72.280	-	-	-	(10.157)	62.123
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.444	-	-	-	-	3.444
5	Thu nhập từ hoạt động khác	1.655.845	677.506	2.129.594	5.861	-	4.468.806
6	Chi phí hoạt động khác	(1.265.237)	(110.571)	(721.295)	-	-	(2.097.103)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	390.608	566.935	1.408.299	5.861	-	2.371.703
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	307.179	-	-	-	-	307.179
	Tổng thu nhập hoạt động	27.734.887	9.864.653	30.935.080	188.913	(145.037)	68.578.496
VIII	Chi phí hoạt động	(13.691.263)	(2.428.672)	(6.942.314)	(112.626)	147.512	(23.027.363)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	14.043.624	7.435.981	23.992.766	76.287	2.475	45.551.133
X	Hoàn nhập/(trích lập) chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	2.963.169	(1.889.224)	(4.373.842)	(15.101)	-	(3.314.998)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	17.006.793	5.546.757	19.618.924	61.186	2.475	42.236.135
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(3.484.688)	(1.109.351)	(3.924.217)	(8.240)	-	(8.526.496)
8	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	143.478	-	-	-	-	143.478
XII	Chi phí thuế TNDN	(3.341.210)	(1.109.351)	(3.924.217)	(8.240)	-	(8.383.018)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	13.665.583	4.437.406	15.694.707	52.946	2.475	33.853.117

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024:

		Dịch vụ tài chính ngân hàng Triệu VND	Dịch vụ tài chính phi ngân hàng Triệu VND	Chứng khoán Triệu VND	Khác Triệu VND	Loại trừ Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
1	Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	198.578.272	724.277	947.520	182.596	(106.777.824)	93.654.841
2	Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(144.165.180)	(399.505)	(343.741)	(128.661)	106.787.981	(38.249.106)
I	Thu nhập lãi thuần	54.413.092	324.772	603.779	53.935	10.157	55.405.735
3	Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.606.867	8.533	410.605	292.299	(175.299)	13.143.005
4	Chi phí hoạt động dịch vụ	(7.839.349)	(1.858)	(113.800)	(79.222)	27.785	(8.006.444)
II	Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	4.767.518	6.675	296.805	213.077	(147.514)	5.136.561
III	Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	5.279.655	9.619	-	-	2.477	5.291.751
IV	(Lỗ)/lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(20.901)	-	93.181	-	(10.157)	62.123
V	Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	3.444	-	-	-	-	3.444
5	Thu nhập từ hoạt động khác	4.437.789	13.962	14.277	2.778	-	4.468.806
6	Chi phí hoạt động khác	(2.083.671)	(40)	(13.377)	(15)	-	(2.097.103)
VI	Lãi thuần từ hoạt động khác	2.354.118	13.922	900	2.763	-	2.371.703
VII	Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	302.038	-	5.141	-	-	307.179
	Tổng thu nhập hoạt động	67.098.964	354.988	999.806	269.775	(145.037)	68.578.496
VIII	Chi phí hoạt động	(22.556.575)	(105.569)	(374.514)	(138.217)	147.512	(23.027.363)
IX	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	44.542.389	249.419	625.292	131.558	2.475	45.551.133
X	Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(3.240.040)	(74.958)	-	-	-	(3.314.998)
XI	Tổng lợi nhuận trước thuế	41.302.349	174.461	625.292	131.558	2.475	42.236.135
7	Chi phí thuế TNDN hiện hành	(8.341.988)	(34.287)	(127.043)	(23.178)	-	(8.526.496)
8	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	140.493	-	2.985	-	-	143.478
XII	Chi phí thuế TNDN	(8.201.495)	(34.287)	(124.058)	(23.178)	-	(8.383.018)
XIII	Lợi nhuận sau thuế	33.100.854	140.174	501.234	108.380	2.475	33.853.117

43. Thuyết minh công cụ tài chính

Thuyết minh về tài sản bảo đảm

Vietcombank không nắm giữ tài sản bảo đảm mà Vietcombank được phép bán hoặc đem tài sản đó đi bảo đảm cho bên thứ ba trong trường hợp chủ sở hữu tài sản vẫn có khả năng trả nợ.

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210 yêu cầu thuyết minh về phương pháp xác định giá trị hợp lý và các thông tin về giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

				Giá trị ghi sổ – gộp				
				Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	
				Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	
Tài sản tài chính								
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	14.268.064	-	-	14.268.064	14.268.064
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-	49.340.493	-	-	49.340.493	49.340.493
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	390.951.898	-	-	390.951.898	(*)
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	4.908.527	-	-	-	-	4.908.527	(*)
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	1.314.434	-	-	-	-	1.314.434	(*)
VI	Cho vay khách hàng – gộp	-	-	1.449.198.899	-	-	1.449.198.899	(*)
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	80.829.540	-	86.799.901	-	167.629.441	(*)
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-	-	1.528.922	-	1.528.922	(*)
IX	Tài sản tài chính khác – gộp	-	-	24.458.635	-	-	24.458.635	(*)
		6.222.961	80.829.540	1.928.217.989	88.328.823	-	2.103.599.313	
Nợ phải trả tài chính								
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	312.771.295	312.771.295	(*)	
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	1.514.664.850	1.514.664.850	(*)	
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	529	529	(*)	
IV	Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	24.125.059	24.125.059	(*)	
V	Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	23.501.968	23.501.968	(*)	
		-	-	-	1.875.063.701	1.875.063.701		

(*) Do không đủ thông tin để sử dụng các kỹ thuật định giá, giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính không có thị trường hoạt động này không ước tính được một cách đáng tin cậy và do đó, không được thuyết minh.

Chính sách quản lý rủi ro liên quan đến các công cụ tài chính

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Vietcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Vietcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Vietcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Vietcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban Quản lý Rủi ro là bộ phận do Hội đồng Quản trị ra quyết định thành lập và chịu trách nhiệm giúp việc cho Hội đồng Quản trị trong việc quản lý mọi loại rủi ro phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Vietcombank.

Ủy ban Quản lý Tài sản Nợ – Tài sản Có (“ALCO”) là bộ phận do Tổng Giám đốc ra quyết định thành lập. Chủ tịch ALCO là Tổng Giám đốc. Các thành viên của ALCO là các cán bộ chủ chốt đang thực hiện nhiệm vụ quản lý rủi ro trong Vietcombank.

ALCO có nhiệm vụ giám sát và quản lý tổng thể các hạng mục tài sản có và tài sản nợ trong báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và riêng của Vietcombank nhằm tối đa hoá lợi nhuận và tối thiểu hoá các tổn thất phát sinh do những biến động bất lợi từ thị trường; quản lý rủi ro thanh khoản; điều hành lãi suất và tỷ giá phù hợp.

Trong phạm vi phân cấp, ALCO được quyền đưa ra các quyết định liên quan đến quản lý rủi ro.

Rủi ro tín dụng

Vietcombank luôn phải đứng trước các rủi ro tín dụng, đó là nguy cơ mất mát về tài chính khi các bên đối tác không thể hoàn thành nghĩa vụ đúng hạn. Rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu trong nghiệp vụ cho vay dưới hình thức các khoản cho vay và tạm ứng, trong đầu tư dưới hình thức các chứng khoán nợ. Các công cụ tài chính ngoại bảng, như cam kết cho vay, cũng tiềm ẩn rủi ro tín dụng. Quản lý và kiểm soát rủi ro tín dụng được thực hiện thông qua các chính sách và thủ tục có liên quan, trong đó có chính sách quản lý rủi ro tín dụng và hoạt động của Ủy ban Quản lý Rủi ro và Hội đồng Tín dụng.

Vietcombank tiến hành phân loại nợ đối với các khoản cho vay khách hàng và các tổ chức tín dụng khác, cam kết ngoại bảng, các khoản ủy thác cho vay, ủy thác và đầu tư trái phiếu tổ chức kinh tế chưa niêm yết dựa trên yêu cầu của Thông tư 31 (Thuyết minh 2(ii)), qua đó thường xuyên đánh giá rủi ro của các khoản nợ có vấn đề, nợ xấu và đề xuất biện pháp xử lý phù hợp.

Để quản lý rủi ro tín dụng Vietcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan đến công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Số liệu trình bày dưới đây thể hiện mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Vietcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không tính đến tài sản bảo đảm hay hỗ trợ tín dụng:

	Chưa quá hạn và chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá Triệu VND	Đã bị giảm giá và trích lập dự phòng Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tiền gửi tại NHNN	49.340.493	–	–	49.340.493
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	389.951.898	–	1.000.000	390.951.898
Tiền gửi tại các TCTD khác	384.031.890	–	–	384.031.890
Cho vay các TCTD khác	5.920.008	–	1.000.000	6.920.008
Chứng khoán kinh doanh – gộp	4.386.594	–	–	4.386.594
Cho vay khách hàng – gộp	1.407.764.011	14.060.905	27.373.983	1.449.198.899
Chứng khoán đầu tư – gộp	167.450.690	–	178.751	167.629.441
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	86.799.901	–	–	86.799.901
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.650.789	–	178.751	80.829.540
Tài sản Có khác	24.458.635	–	–	24.458.635
	2.043.352.321	14.060.905	28.552.734	2.085.965.960

Mô tả và giá trị ghi sổ của tài sản bảo đảm Vietcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại ngày báo cáo được trình bày tại Thuyết minh 38.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với thu nhập, giá trị tài sản, giá trị nợ phải trả và giá trị cam kết ngoại bảng của Vietcombank.

Kỳ định lại lãi suất thực tế là thời hạn còn lại tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho tới kỳ định lại lãi suất gần nhất của các khoản mục trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng để phân tích kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc, đá quý, góp vốn, đầu tư dài hạn, các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác và các tài sản Có khác (bao gồm tài sản cố định và các tài sản Có khác) được xếp vào nhóm các khoản mục không chịu lãi;
- Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ được xếp vào thang kỳ hạn tương ứng với thời gian nắm giữ trung bình của chứng khoán kinh doanh trong vòng 3 năm tài chính liền kề;

- Kỳ định lại lãi suất thực tế của chứng khoán đầu tư phụ thuộc vào quy định về lãi suất của tổ chức phát hành đối với từng chứng khoán;
- Kỳ định lại lãi suất thực tế của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, cho vay khách hàng, các khoản nợ Chính phủ và NHNN, các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro, phát hành giấy tờ có giá và các khoản nợ khác được xác định như sau:
- Các khoản mục có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên thời gian đáo hạn thực tế tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm;
- Các khoản mục có lãi suất thả nổi: kỳ định lại lãi suất thực tế dựa trên kỳ định lại lãi suất gần nhất tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Bảng dưới đây trình bày kỳ định lại lãi suất của các tài sản và nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

					Từ trên 3 tháng đến 6 tháng	Từ trên 6 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
					Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản									
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	–	14.268.064	–	–	–	–	–	14.268.064
II	Tiền gửi tại NHNN	–	–	49.340.493	–	–	–	–	49.340.493
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	–	23.119	366.686.703	374.325	1.986.770	–	–	390.951.898
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	–	521.933	4.386.594	–	–	–	–	4.908.527
V	Các công cụ tài chính phải sinh và các tài sản tài chính khác	–	1.314.434	–	–	–	–	–	1.314.434
VI	Cho vay khách hàng – gộp	27.994.464	–	222.597.618	408.625.864	110.153.604	140.238.369	940.766	1.449.198.899
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	–	–	17.663.819	49.087.444	29.265.286	41.773.460	24.095.754	167.629.441
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	–	2.303.098	–	–	–	–	–	2.303.098
IX	Tài sản cố định	–	8.092.877	–	–	–	–	–	8.092.877
X	Tài sản Có khác – gộp	–	30.416.385	–	–	–	–	–	30.416.385
Tổng tài sản		27.994.464	56.939.910	660.675.227	458.087.633	141.405.660	182.011.829	25.036.520	2.118.424.116
Nợ phải trả									
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	–	–	254.316.285	511.367	2.159.850	–	–	312.771.295
II	Tiền gửi của khách hàng	–	112.330	757.038.772	210.656.915	249.380.606	4.964.301	36.668	1.514.664.850
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	–	–	529	–	–	–	–	529
IV	Phát hành giấy tờ có giá	–	–	520.059	–	8.240.000	2.000.000	1.365.000	24.125.059
V	Các khoản nợ phải trả khác	–	37.585.202	–	–	–	–	–	38.102.621
Tổng nợ phải trả		–	37.697.532	1.011.875.645	211.168.282	259.780.456	6.964.301	1.401.668	1.889.664.354
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng		27.994.464	19.242.378	(351.200.418)	246.919.351	(118.374.796)	175.047.528	23.634.852	228.759.762
Lũy kế chênh lệch nhạy cảm với lãi suất		27.994.464	47.236.842	(303.963.576)	148.452.178	30.077.382	205.124.910	228.759.762	

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Vietcombank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Vietcombank chủ yếu bằng VND, USD và EUR. Một số tài sản khác và nợ phải trả của Vietcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND, USD và EUR. Vietcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Vietcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Vietcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Sau đây là những tỷ giá hối đoái chính được Vietcombank áp dụng tại ngày báo cáo như sau:

Tỷ giá hối đoái tại ngày		
31/12/202431/12/2023		
USD/VND	25.401	24.250
EUR/VND	26.702	26.955

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả bằng các đơn vị tiền tệ được quy đổi sang VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

		VND Triệu VND	USD Triệu VND	EUR Triệu VND	Tiền tệ khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Tài sản						
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	11.266.275	2.354.550	335.514	311.725	14.268.064
II	Tiền gửi tại NHNN	35.274.301	13.837.173	14.833	214.186	49.340.493
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	258.912.172	70.726.443	4.675.768	56.637.515	390.951.898
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	4.908.527	–	–	–	4.908.527
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	91.913.457	(51.179.594)	(99.302)	(39.320.127)	1.314.434
VI	Cho vay khách hàng – gộp	1.308.748.887	138.366.259	1.271.005	812.748	1.449.198.899
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	137.239.935	30.389.506	–	–	167.629.441
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	2.303.098	–	–	–	2.303.098
IX	Tài sản cố định	8.048.906	40.077	–	3.894	8.092.877
X	Tài sản Có khác – gộp	27.062.484	3.260.394	1.000	92.507	30.416.385
Tổng tài sản		1.885.678.042	207.794.808	6.198.818	18.752.448	2.118.424.116
Nợ phải trả						
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	277.640.253	21.174.490	1.305.146	12.651.406	312.771.295
II	Tiền gửi của khách hàng	1.322.822.860	182.455.111	4.677.277	4.709.602	1.514.664.850
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	529	–	–	–	529
IV	Phát hành giấy tờ có giá	24.125.011	48	–	–	24.125.059
V	Các khoản nợ phải trả khác	34.590.789	3.115.904	142.720	253.208	38.102.621
Tổng nợ phải trả		1.659.179.442	206.745.553	6.125.143	17.614.216	1.889.664.354
Trạng thái tiền tệ nội bảng		226.498.600	1.049.255	73.675	1.138.232	228.759.762

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro phát sinh khi Vietcombank không có khả năng thực hiện các nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng để thực hiện nghĩa vụ đó.

Thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời gian còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến kỳ thanh toán theo quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành.

Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích thời gian đáo hạn của các tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất của Vietcombank:

- Tiền mặt, vàng bạc đá quý và Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước (bao gồm cả tiền gửi dự trữ bắt buộc) được phân loại vào thang đáo hạn đến 1 tháng;
- Thời gian đáo hạn của chứng khoán kinh doanh được tính trên cơ sở thời gian khả thi để chuyển đổi trái phiếu thành tiền mặt do danh mục này được nắm giữ trong ngắn hạn nhằm thu lợi nhuận do chênh lệch giá;

- Thời gian đáo hạn của chứng khoán đầu tư được tính dựa trên ngày đáo hạn của từng loại chứng khoán theo như quy định của đơn vị phát hành;
- Thời gian đáo hạn của các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản cho vay khách hàng được xác định dựa trên ngày đáo hạn mà hợp đồng quy định. Thời gian đáo hạn thực tế có thể thay đổi do các hợp đồng cho vay được gia hạn;
- Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư góp vốn, mua cổ phần và tài sản cố định được coi là hơn 5 năm do các khoản đầu tư này không có thời gian đáo hạn xác định;
- Các khoản tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác, tiền gửi của khách hàng, vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro và phát hành giấy tờ có giá, công cụ tài chính phái sinh, tài sản Có khác, các khoản nợ khác được xác định dựa vào tính chất của các khoản mục đó hoặc thời gian đáo hạn trên hợp đồng. Ví dụ, tài khoản tiền gửi thanh toán của các TCTD khác tại Vietcombank và tiền gửi thanh toán của Vietcombank tại các TCTD khác dùng để thực hiện yêu cầu giao dịch của khách hàng được xếp vào thang kỳ hạn đến 1 tháng, thời gian đáo hạn với các khoản vay và tiền gửi có kỳ hạn được xác định dựa trên ngày đến hạn theo hợp đồng. Trên thực tế, các khoản vay và tiền gửi này có thể được tái tục và duy trì trong thời gian lâu hơn.

Bảng dưới đây phân tích thời gian đáo hạn còn lại của các tài sản và nợ phải trả tính từ ngày 31 tháng 12 năm 2024:

Quá hạn			Trong hạn								
		Trên 3 tháng	Đến 3 tháng			Đến 1 tháng	Từ trên 1 tháng đến 3 tháng	Từ trên 3 tháng đến 12 tháng	Từ trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
		Triệu VND	Triệu VND			Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND	Triệu VND
Tài sản											
I	Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-			14.268.064	-	-	-	-	14.268.064
II	Tiền gửi tại NHNN	-	-			49.340.493	-	-	-	-	49.340.493
III	Tiền gửi và cho vay các TCTD khác – gộp	-	-			366.709.822	21.880.981	2.361.095	-	-	390.951.898
IV	Chứng khoán kinh doanh – gộp	-	-			3.908.382	-	1.000.145	-	-	4.908.527
V	Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	-			-	1.314.434	-	212.519.348	-	1.314.434
VI	Cho vay khách hàng – gộp	12.216.464	15.778.000			114.225.733	353.999.543	497.455.189	41.242.695	243.004.622	1.449.198.899
VII	Chứng khoán đầu tư – gộp	-	-			10.500.069	5.543.678	77.062.150	-	33.280.849	167.629.441
VIII	Góp vốn, đầu tư dài hạn – gộp	-	-			-	-	-	-	2.303.098	2.303.098
IX	Tài sản cố định	-	-			-	-	-	1.749.702	8.092.877	8.092.877
X	Tài sản Có khác – gộp	-	-			5.197.133	16.597.348	6.704.033	255.511.745	168.169	30.416.385
Tổng tài sản		12.216.464	15.778.000			564.149.696	399.335.984	584.582.612	255.511.745	286.849.615	2.118.424.116
Nợ phải trả											
I	Các khoản nợ Chính phủ và NHNN và tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-			254.316.284	54.518.113	2.821.433	614.373	501.092	312.771.295
II	Tiền gửi của khách hàng	-	-			757.039.860	292.475.409	460.077.886	5.035.027	36.668	1.514.664.850
III	Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay mà TCTD chịu rủi ro	-	-			529	-	-	-	-	529
IV	Phát hành giấy tờ có giá	-	-			520.726	12.000.000	2.300.000	2.000.000	7.304.333	24.125.059
V	Các khoản nợ phải trả khác	-	-			5.985.348	25.553.779	5.823.181	670.262	70.051	38.102.621
Tổng nợ phải trả		-	-			1.017.862.747	384.547.301	471.022.500	8.319.662	7.912.144	1.889.664.354
Mức chênh thanh khoản ròng		12.216.464	15.778.000			(453.713.051)	14.788.683	113.560.112	247.192.083	278.937.471	228.759.762

44. Các yếu tố mang tính thời vụ hoặc chu kỳ

Kết quả hoạt động của Ngân hàng không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố thời vụ hoặc chu kỳ ngoại trừ các khoản mục sau:

Thuế

Phù hợp với các quy định thuế hiện hành, thuế thu nhập doanh nghiệp của Ngân hàng được tính toán và quyết toán độc lập vào cuối năm. Chi phí thuế thu nhập trong năm được tính dựa trên thu nhập chịu thuế với thuế suất là 20%.

Trích lập các quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ được trình bày tại Thuyết minh 2(t)(iv) sẽ được trích lập vào thời điểm cuối kỳ kế toán năm.

45. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)
Lãi cho vay chưa thu được	2.627.451	2.258.895
Lãi chứng khoán chưa thu được	159.088	159.088
Phí phải thu chưa thu được	1.815	1.961
	2.788.354	2.419.944

46. Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	35.945.217	33.850.327
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	38.185.528	34.043.288
Các khoản nợ khác đã xử lý	13.471	13.042
	74.144.216	67.906.657

47. Tài sản và chứng từ khác

	31/12/2024 Triệu VND	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)
Tài sản khác giữ hộ	469.101.495	405.847.283
Tài sản thuê ngoài	(*)	(*)
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	8.530	8.530
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	65.480.097	175.997.044
	534.590.122	581.852.857

(*) Ngân hàng chưa xác định giá trị của khoản mục này do chưa có đủ thông tin, cũng như chưa có hướng dẫn về xác định giá trị theo Hệ thống Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đối với các TCTD Việt Nam.

48. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán của Vietcombank khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

49. Các thay đổi trong cơ cấu Vietcombank

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Vietcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 so với báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

50. Số liệu so sánh

Vietcombank đã thực hiện điều chỉnh lại một số dữ liệu tương ứng trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 căn cứ theo kết luận của Kiểm toán Nhà nước trong Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính 2023 đính kèm Thông báo số 144/KTNN-TH ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Kiểm toán Nhà nước. Theo đó, Vietcombank đã chiều chỉnh tăng nguyên giá tài sản cố định đối với tài sản đủ điều kiện ghi nhận, tăng thu nhập với một số khoản thu nhập tháng 12/2023 chưa ghi nhận, điều chỉnh dự phòng rủi ro tín dụng và cập nhật giá trị tài sản ngoại bảng do cập nhật giá trị tài sản bảo đảm...Chi tiết như sau:

(i) Ảnh hưởng đối với tổng tài sản:

	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2023 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	336.501.657	336.468.607	33.050
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác	312.001.875	312.001.875	-
Cho vay các tổ chức tín dụng khác	30.175.707	30.175.707	-
Dự phòng rủi ro	(5.675.925)	(5.708.975)	33.050
Cho vay khách hàng	1.241.677.211	1.241.675.333	1.878
Cho vay khách hàng	1.270.359.018	1.270.359.018	-
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	(28.681.807)	(28.683.685)	1.878
Tài sản cố định	7.805.080	7.708.181	96.899
Tài sản cố định hữu hình	5.212.804	5.115.612	97.192
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>14.812.856</i>	<i>14.714.588</i>	<i>98.268</i>
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(9.600.052)</i>	<i>(9.598.976)</i>	<i>(1.076)</i>
Tài sản cố định vô hình	2.592.276	2.592.569	(293)
<i>Nguyên giá tài sản cố định</i>	<i>4.906.881</i>	<i>4.906.881</i>	-
<i>Hao mòn tài sản cố định</i>	<i>(2.314.605)</i>	<i>(2.314.312)</i>	<i>(293)</i>
Tài sản Có khác	30.630.840	30.651.305	(20.465)
Các khoản phải thu	11.790.173	11.790.173	-
Các khoản lãi, phí phải thu	9.265.453	9.200.022	65.431
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	848.268	848.268	-
Tài sản Có khác	8.742.409	8.828.305	(85.896)
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản Có nội bảng khác	(15.463)	(15.463)	-
Tổng ảnh hưởng			111.362

(ii) Ảnh hưởng đối với tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu:

	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2023 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Các khoản nợ khác	43.405.902	43.362.364	43.538
Các khoản lãi, phí phải trả	19.527.028	19.527.028	-
Các khoản phải trả và công nợ khác	23.878.874	23.835.336	43.538
Lợi nhuận chưa phân phối	76.826.482	76.758.658	67.824
<i>Lợi nhuận để lại năm trước</i>	<i>51.185.561</i>	<i>51.185.561</i>	-
<i>Lợi nhuận năm nay</i>	<i>25.640.921</i>	<i>25.573.097</i>	<i>67.824</i>
Tổng ảnh hưởng			111.362

(iii) Ảnh hưởng đối với các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính

	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2023 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Bảo lãnh khác	53.731.287	53.731.430	(143)
Các cam kết khác	40.331.489	41.472.190	(1.140.701)
Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	2.419.944	2.424.612	(4.668)
Tài sản và chứng từ khác	581.852.857	575.204.402	6.648.455
Tổng ảnh hưởng			5.502.943

(iv) Ảnh hưởng đối với đối với báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất

	31/12/2023 Triệu VND (trình bày lại)	31/12/2023 Triệu VND (theo báo cáo trước đây)	Chênh lệch Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	108.115.840	108.122.278	(6.438)
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	(54.501.409)	(54.501.409)	-
Thu nhập lãi thuần	53.614.431	53.620.869	(6.438)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	12.698.083	12.632.739	65.344
Chi phí hoạt động dịch vụ	(6.872.673)	(6.853.016)	(19.657)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	5.825.410	5.779.723	45.687
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	124.539	124.217	322
Thu nhập từ hoạt động khác	4.051.437	4.050.144	1.293
Chi phí hoạt động khác	(1.777.975)	(1.777.975)	-
Lãi thuần từ hoạt động khác	2.273.462	2.272.169	1.293
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG	67.764.326	67.723.462	40.864
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG	(21.905.912)	(21.914.899)	8.987
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	45.858.414	45.808.563	49.851
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	(4.529.947)	(4.564.876)	34.929
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	41.328.467	41.243.687	84.780
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành	(8.096.357)	(8.079.401)	(16.956)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại	(109.838)	(109.838)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	(8.206.195)	(8.189.239)	(16.956)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ	33.122.272	33.054.448	67.824
Lợi nhuận thuần của cổ đông Ngân hàng	33.101.027	33.033.203	67.824
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	5.462	5.449	13

51. Các sự kiện xảy ra sau ngày khóa sổ báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 15 tháng 1 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 48/NQ-VCB-HĐQT về phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức từ nguồn lợi nhuận còn lại sau thuế, sau trích lập các quỹ lũy kế đến hết năm 2018 và lợi nhuận còn lại năm 2021 theo tỷ lệ 49,5%.

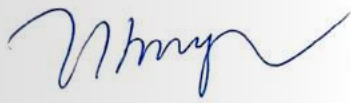
Ngày 23 tháng 1 năm 2025, NHNN đã chấp thuận phương án tăng vốn điều lệ của Ngân hàng tại Công văn số 535/NHNN-TTGSNH.

Ngày 26 tháng 2 năm 2025, Hội đồng quản trị đã thông qua Nghị quyết số 122/NQ-VCB-HĐQT về việc phê duyệt Ngày đăng ký cuối cùng để phát hành cổ phiếu trả cổ tức vào ngày 13 tháng 3 năm 2025.

Không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2024 yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

52. Phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt vào ngày 28 tháng 3 năm 2025.

Hà Nội, Ngày 28 tháng 3 năm 2025		
Người lập:	Người duyệt:	
		
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Bà La Thị Hồng Minh	Ông Lê Hoàng Tùng
Phó phòng Chính sách Tài chính Kế toán	Kế toán Trưởng	Phó Tổng Giám đốc

NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm,
Hà Nội, Việt Nam

Tel: (+84) 24 3934 3137

Fax: (+84) 24 3826 9067

Swift: BFTV VNVX

Web: www.vietcombank.vn

